

## TRIẾT HỌC MÁC LÊN NIN

Câu 1: Hãy sắp xếp theo trình tự xuất hiện từ sớm nhất đến muộn nhất các hình thức thế giới quan sau:

Triết học, tôn giáo, thần thoại:

- Tôn giáo - thần thoại - triết học
- Thần thoại - tôn giáo - triết học (b)
- Triết học - tôn giáo - thần thoại
- Thần thoại - triết học - tôn giáo

Câu 2: Triết học ra đời vào thời gian nào?

- Thiên niên kỷ II. TCN
- Thế kỷ VIII – thế kỷ VI trước

CN (b)

- Thế kỷ II sau CN

Câu 3: Triết học ra đời sớm nhất ở đâu?

- Ấn Độ, Châu Phi, Nga
- Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp

(b)

- Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc

Câu 4: Triết học nghiên cứu thế giới như thế nào?

- Như một đối tượng vật chất cụ thể
- Như một hệ đối tượng vật chất nhất định
- Như một chỉnh thể thống nhất (c)

Câu 5: Triết học là gì?

- Triết học là tri thức về thế giới tự nhiên
- Triết học là tri thức về tự nhiên và xã hội
- Triết học là tri thức lý luận của con người về thế giới
- Triết học là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới và vị trí của con người trong thế giới (d)

Câu 6: Triết học ra đời trong điều kiện nào?

- Xã hội phân chia thành giai cấp
- Xuất hiện tầng lớp lao động trí óc
- Tư duy của con người đạt trình độ tư duy khái quát cao và xuất hiện tầng lớp lao động trí óc có khả năng hệ thống tri thức của con người (c)

Câu 7: Triết học ra đời từ đâu?

- Từ thực tiễn, do nhu cầu của thực tiễn (a)
- Từ sự suy tư của con người về bản thân mình
- Từ sự sáng tạo của nhà tư tưởng
- Từ sự vận động của ý muốn chủ quan của con người

Câu 8: Nguồn gốc nhận thức của triết học là thế nào? (trả lời ngắn trong 3 – 5 dòng)

Đáp án: Con người đã có một vốn hiểu biết phong phú nhất định và tư duy con người đã đạt tới trình độ trừu tượng hoá, khái quát hoá, hệ thống hoá để xây dựng nên các học thuyết, các lý luận.

Câu 9: Nguồn gốc xã hội của triết học là thế nào? (trả lời ngắn trong 5 dòng).

Đáp án: Xã hội phát triển đến mức có sự phân chia thành lao động trí óc và lao động chân tay, nghĩa là chế độ công xã nguyên thủy đã được thay bằng chế độ chiếm hữu nô lệ - chế độ xã hội có giai cấp đầu tiên trong lịch sử.

Câu 10: Đối tượng của triết học có thay đổi trong lịch sử không?

- Không
- Có (b)

Câu 11: Thời kỳ Phục Hưng ở Tây Âu là vào thế kỷ nào

- Thế kỷ XIV - XV
- Thế kỷ XV - XVI (b)
- Thế kỷ XVI - XVII
- Thế kỷ XVII - XVIII

Câu 12: Tên gọi thời kỳ Phục Hưng ở Tây Âu có nghĩa là gì?

- Khôi phục chủ nghĩa duy vật thời kỳ cổ đại
- Khôi phục triết học thời kỳ cổ đại.
- Khôi phục nền văn hoá cổ đại. (c)
- Khôi phục phép biện chứng tự phát thời kỳ cổ đại

Câu 13: Thời kỳ Phục Hưng là thời kỳ quá độ từ hình thái kinh tế - xã hội nào sang hình thái kinh tế - xã hội nào?

- Từ hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ sang hình thái kinh tế - xã hội phong kiến.
- Từ hình thái kinh tế - xã hội phong kiến sang hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. (b)
- Từ hình thái kinh tế - xã hội TBCN sang hình thái kinh tế - xã hội XHCN.
- Từ hình thái kinh tế xã hội cộng sản nguyên thủy sang hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ

Câu 14: Khoa học tự nhiên bắt đầu có sự phát triển mạnh mẽ vào thời kỳ nào?

- Thời kỳ Phục Hưng (a)
- Thời kỳ trung cổ

- c. Thời kỳ cổ đại
- d. Thời kỳ cận đại

Câu 15: Quan hệ giữa khoa học tự nhiên với thần học ở thời kỳ Phục Hưng như thế nào?

- a. Khoa học tự nhiên hoàn toàn phụ thuộc vào thần học và tôn giáo
- b. Khoa học tự nhiên hoàn toàn độc lập với thần học và tôn giáo.
- c. Khoa học tự nhiên dần dần độc lập với thần học và tôn giáo (c)

Câu 16: Về khách quan, sự phát triển khoa học tự nhiên và thế giới quan duy tâm tôn giáo quan hệ với nhau như thế nào?

- a. Sự phát triển khoa học tự nhiên củng cố thế giới quan duy tâm tôn giáo.
- b. Sự phát triển KHTN không ảnh hưởng gì đến thế giới quan duy tâm tôn giáo.
- c. Sự phát triển KHTN trở thành vũ khí chống lại thế giới quan duy tâm tôn giáo (c)

Câu 17: Trong thời kỳ Phục Hưng giai cấp tư sản có vị trí như thế nào đối với sự phát triển xã hội?

- a. Là giai cấp tiên bộ, cách mạng (a)
- b. Là giai cấp thống trị xã hội.
- c. Là giai cấp bảo thủ lạc hậu.

Câu 18: Những nhà khoa học và triết học: Côpécních, Brunô, thuộc thời kỳ nào?

- a. Thời kỳ cổ đại.
- b. Thời kỳ trung cổ
- c. Thời kỳ Phục Hưng (c)
- d. Thời kỳ cận đại.

Câu 19: Nicôlai Côpécních là nhà khoa học của nước nào?

- a. Italia
- b. Đức
- c. Balan (c)
- d. Pháp

Câu 20: Nicôlai Côpécních đã đưa ra học thuyết nào?

- a. Thuyết trái đất là trung tâm của vũ trụ.
- b. Thuyết cấu tạo nguyên tử của vật chất.
- c. Thuyết ý niệm là nguồn gốc của thế giới.
- d. Thuyết mặt trời là trung tâm của vũ trụ. (d)

Câu 21: Học thuyết về vũ trụ của Nicôlai Côpécních có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển khoa học tự nhiên?

- a. Đánh dấu sự ra đời của khoa học tự nhiên
- b. Đánh dấu bước chuyển từ khoa học tự nhiên thực nghiệm sang khoa học tự nhiên lý luận.

c. Đánh dấu sự giải phóng khoa học tự nhiên khỏi thần học và tôn giáo (c)

Câu 22: Đối với thế giới quan tôn giáo, phát minh của Côpécních có ý nghĩa gì?

- a. Củng cố thế giới quan tôn giáo
- b. Không có ảnh hưởng gì đối với thế giới quan tôn giáo
- c. Bác bỏ nền tảng của thế giới quan tôn giáo (c)
- d. Chứng minh tính hợp lý của kinh thánh

Câu 23: Brunô là nhà khoa học và triết học của nước nào?

- a) Đức; b) Pháp; c) Balan; d) Italia (d)

Câu 24: Brunô đồng ý với quan niệm của ai về vũ trụ?

- a. Ptôlêmê
- b. Platôn
- c. Nicôlai Côpécních (c)
- d. Hêraclit

Câu 25: Brunô đã chứng minh về tính chất gì của thế giới (của vũ trụ)

- a. Tính tồn tại thuần túy của thế giới vật chất
- b. Tính thống nhất trên cơ sở tinh thần của vật chất.
- c. Tính thống nhất vật chất của thế giới (của vũ trụ) (c)

Câu 26: Khi xây dựng phương pháp mới của khoa học, Brunô đòi hỏi khoa học tự nhiên phải dựa trên cái gì?

- a. Dựa trên những giáo điều tôn giáo
- b. Dựa trên ý muốn chủ quan
- c. Dựa trên tình cảm, khát vọng
- d. Dựa trên thực nghiệm (d)

Câu 27: Brunô bị toà án tôn giáo xử tội như thế nào?

- a. Tù trung thân
- b. Giam lỏng
- c. Tử hình (thiêu sống) (c)
- d. Tha bổng

Câu 28: Triết học của các nhà tư tưởng thời kỳ Phục Hưng có đặc điểm gì?

- a. Có tính chất duy vật tự phát
- b. Có tính duy tâm khách quan
- c. Có tính duy tâm chủ quan
- d. Còn pha trộn giữa các yếu tố duy vật và duy tâm, có tính chất phiếm thần luận (d)

Câu 29: Quan điểm triết học cho rằng thượng đế và tự nhiên chỉ là một gọi là quan điểm có tính chất gì?

- a. Có tính duy vật biện chứng
- b. Có tính duy tâm, siêu hình
- c. Có tính chất phiếm thần luận (c)

Câu 30: Quan điểm triết học tự nhiên có tính chất phiếm thần luận là đặc trưng của triết học thời kỳ nào?

- a. Thời kỳ cổ đại c.
- Thời kỳ trung cổ
- b. Thời kỳ Phục Hưng (b) d.

Thời kỳ cận đại

Câu 31: Những cuộc cách mạng nổ ra ở Hà Lan, Anh, Pháp... thời kỳ cận đại gọi là những cuộc cách mạng nào?

- a. Cách mạng vô sản
- b. Cách mạng giải phóng dân tộc
- c. Khởi nghĩa của nông dân
- d. Cách mạng tư sản. (d)

Câu 32: Những cuộc cách mạng thời kỳ cận đại ở Tây Âu do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất nào?

- a. Quan hệ sản xuất phong kiến (a)
- b. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa
- c. Quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ
- d. Quan hệ sản xuất cộng sản nguyên thủy

Câu 33: Các cuộc cách mạng ở Tây Âu thời kỳ cận đại nổ ra do mâu thuẫn nào?

- a. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới với QHSX phong kiến đã trở nên lỗi thời (a)
- b. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến
- c. Mâu thuẫn giữa nô lệ và chủ nô
- d. Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản

Câu 34: Giai cấp nào lãnh đạo cuộc cách mạng thời kỳ cận đại ?

- a. Giai cấp vô sản
- b. Giai cấp nông dân
- c. Giai cấp tư sản
- (c)
- d. Giai cấp địa chủ phong kiến

Câu 35: Cuộc cách mạng nào ở Tây Âu thời kỳ cận đại được C. Mác gọi là cuộc cách mạng có quy mô toàn Châu Âu và có ý nghĩa lớn đối với sự ra đời trật tự xã hội mới.

- a. Cuộc cách mạng ở Hà Lan và Ý

b. Cuộc cách mạng ở Ý và ở Áo

c. Cuộc cách mạng ở Anh giữa thế kỷ XVII và cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII. (c)

Câu 26: Cuộc cách mạng ở Anh giữa thế kỷ XVII và cuộc cách mạng ở Pháp cuối TK XVIII đánh dấu sự thay thế của trật tự xã hội nào cho xã hội nào?

- a. Trật tự xã hội chiếm hữu nô lệ thay cho trật tự xã hội cộng sản nguyên thủy
- b. Trật tự xã hội phong kiến thay cho trật tự xã hội chiếm hữu nô lệ
- c. Trật tự xã hội tư sản thay cho trật tự xã hội phong kiến. (c)
- d. Trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa thay cho trật tự xã hội tư sản

Câu 37: Ngành khoa học nào phát triển rực rỡ nhất và có ảnh hưởng lớn nhất đến phương pháp tư duy của thời kỳ cận đại?

- a. Toán học c. Sinh học
- b. Hoá học d. Cơ học (d)

Câu 38: Ph. Bêcơn là nhà triết học của nước nào?

- a. Nước Anh (a) c. Nước Đức
- b. Nước Pháp d. Nước Ba lan

Câu 39: Về lập trường chính trị, Ph. Bêcơn là nhà tư tưởng của giai cấp nào?

- a. Giai cấp chủ nô
- b. Giai cấp địa chủ phong kiến
- c. Giai cấp nông dân
- d. Giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc mới. (d)

Câu 40: Theo Ph. Bêcơn con người muốn chiếm được của cải của giới tự nhiên thì cần phải có cái gì?

- a. Có niềm tin vào thượng đế
- b. Có nhiệt tình làm việc
- c. Có tri thức về tự nhiên
- (c)
- d. Có kinh nghiệm sống

Câu 41: Về phương pháp nhận thức Ph. Bêcơn phê phán phương pháp nào?

- a. Phương pháp kinh nghiệm (phương pháp con kiến)
- b. Phương pháp kinh viện (phương pháp con nhện)

- c. Phương pháp phân tích thực nghiệm  
(phương pháp con ong)
- d. Phương pháp a và b (d)
- Câu 42: Theo Ph. Bêcơn phương pháp nhận thức tốt nhất là phương pháp nào
- a. Phương pháp diễn dịch
- b. Phương pháp quy nạp
- (b)
- c. Phương pháp trừu tượng hoá
- d. Phương pháp mô hình hoá
- Câu 43: Ph.Bêcơn gọi phương pháp con nhện là phương pháp triết học của các nhà tư tưởng thời kỳ nào?
- a. Thời kỳ trung cổ
- (a)
- b. Thời kỳ cổ đại
- c. Thời kỳ cận đại
- d. Thời kỳ Phục hưng
- Câu 44: Phương pháp "con nhện" theo Ph.Bêcơn là phương pháp của những nhà triết học theo khuynh hướng nào?
- a. Chủ nghĩa kinh nghiệm
- b. Chủ nghĩa kinh viện (b)
- c. Thuyết bất khả tri
- d. Chủ nghĩa duy vật
- Câu 45: Phương pháp rút ra kết quả riêng từ những kết luận chung, không tính đến sự tồn tại thực tế của sự vật, được gọi là phương pháp gì?
- a. Phương pháp quy nạp
- b. Phương pháp diễn dịch
- c. Phương pháp kinh nghiệm
- d. Phương pháp kinh viện
- (d)
- Câu 46: Phương pháp "con kiến" theo Ph.Bêcơn là phương pháp của các nhà triết học theo khuynh hướng nào?
- a. Chủ nghĩa chiết trung
- b. Chủ nghĩa kinh viện
- c. Chủ nghĩa bất khả tri
- d. Chủ nghĩa kinh nghiệm
- (d)
- Câu 47: Phương pháp nghiên cứu chỉ dựa vào kinh nghiệm thực tế, không có khái quát, theo Ph.Bêcơn được gọi là phương pháp gì?
- a. Phương pháp "con nhện"

- b. Phương pháp "con kiến"
- (b)
- c. Phương pháp "con ong"
- d. Phương pháp thực nghiệm
- Câu 48: Theo Ph.Bêcơn phương pháp nghiên cứu khoa học chân chính phải là phương pháp nào?
- a. Phương pháp "con nhện"
- b. Phương pháp "con kiến"
- c. Phương pháp "con ong"
- (c)
- d. Phương pháp suy diễn
- Câu 49: Ph.Bêcơn là nhà triết học thuộc trường phái nào?
- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- (c)
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Câu 50: Những trường phái triết học nào xem thường lý luận?
- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa kinh viện
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa kinh nghiệm
- (d)
- Câu 51: Những nhà triết học nào xem thường kinh nghiệm, xa rời cuộc sống?
- a. Chủ nghĩa kinh nghiệm
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa kinh viện (c)
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- Câu 52: Nhận định nào sau đây là đúng?
- a. Các nhà triết học duy vật đều thuộc chủ nghĩa kinh nghiệm và ngược lại
- b. Các nhà triết học duy tâm đều thuộc chủ nghĩa kinh viện và ngược lại
- c. Cả hai đều không đúng (c)
- Câu 53: Ph. Bêcơn sinh vào năm bao nhiêu và mất năm bao nhiêu?
- a. 1560 – 1625
- b. 1561 - 1626 (b)
- c. 1562 – 1627
- d. 1563 – 1628
- Câu 54: Tômat Hốp-xơ sinh năm bao nhiêu và mất năm bao nhiêu?
- a. 1500 – 1570

- b. 1550 – 1629
- c. 1588 – 1679 (c)
- d. 1587 – 1678

Câu 55: Ai là người sáng tạo ra hệ thống đầu tiên của chủ nghĩa duy vật siêu hình trong lịch sử triết học?

- a. Ph. Bêcơn
- b. Tô mát Hốp Xơ
- (b)
- c. Giôn Lốc Cơ
- d. Xpinôda

Câu 56: Quan điểm của Tô mát Hốp-xơ về tự nhiên đứng trên lập trường triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật tự phát
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu

hình (d)

Câu 57: Chủ nghĩa duy vật của Tô mát Hốp-xơ thể hiện ở quan điểm nào sau đây?

- a. Giới tự nhiên là tổng các vật tồn tại khách quan có quảng tính (độ dài) phân biệt nhau bởi đại lượng, hình khối, vị trí và vận động đổi vị trí trong không gian

(a)

- b. Tính phong phú về chất không phải là thuộc tính khách quan của giới tự nhiên
- c. Chất lượng của sự vật là hình thức tri giác chung

Câu 58: Tô mát Hốp-xơ quan niệm về vận động như thế nào?

- a. Vận động chỉ là vận động cơ giới (a)
- b. Vận động bao gồm cả vận động hoá học và sinh học
- c. Vận động là sự biến đổi chung
- d. Vận động là phương thức tồn tại của sinh vật

Câu 59: Tính chất siêu hình trong quan niệm của Tô mát Hốp-xơ về tự nhiên thể hiện ở chỗ nào?

- a. Giới tự nhiên tồn tại khách quan
- b. Giới tự nhiên là tổng số các vật có quảng tính (độ dài)
- c. Vận động cơ giới là thuộc tính của giới tự nhiên
- d. Vận động của giới tự nhiên là vận động cơ giới (d)

Câu 60: Tính chất siêu hình trong quan niệm của Tô mát Hốp-xơ về con người thể hiện như thế nào?

- a. Con người là một cơ thể sống phức tạp như động vật
- b. Con người là một bộ phận của tự nhiên
- c. Con người là một kết cấu vật chất
- d. Con người như một chiếc xe, mà tim là lò xo, khớp xương là cái bánh xe

(d)

Câu 61: Về phương pháp nhận thức, Tô mát Hốp-xơ hiểu theo quan điểm nào?

- a. Chủ nghĩa duy lý
- b. Chủ nghĩa duy danh
- c. Nghệ thuật kết hợp giữa chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa duy danh (c)

Câu 62: Tô mát Hốp-xơ hiểu bước chuyển từ cái riêng sang cái chung từ tri giác cảm tính đến khái niệm theo quan điểm nào?

- a. Duy lý luận
- b. Duy danh luận (b)
- c. Kinh nghiệm luận

Câu 63: Quan niệm về bản chất khái niệm của Tô mát Hốp-xơ thuộc khuynh hướng triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy thực
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy danh (c)
- d. Chủ nghĩa duy vật tự phát

Câu 64: Theo quan điểm duy Danh, Tô mát Hốp-xơ coi khái niệm là gì?

- a. Là những đặc điểm chung của các sự vật của giới tự nhiên
- b. Chỉ là tên của những cái tên.
- (b)
- c. Khái niệm là thực thể tinh thần tồn tại trước & độc lập với sự vật
- d. Khái niệm là bản chất của sự vật

Câu 65: Mặt tiến bộ trong quan điểm về xã hội của Tô mát Hốp-xơ là ở chỗ nào?

- a. Cho nguồn gốc của nhà nước không phải từ thần thánh mà là sự qui ước và thoả thuận giữa con người. (a)
- b. Cho hình thức quân chủ là hình thức chính quyền lý tưởng.
- c. Tôn giáo và giáo hội vẫn có ích cho nhà nước.
- d. Coi quyền lực của giai cấp tư sản là vô hạn.

Câu 66: Tô-mát Hốp xơ cho nguồn gốc của nhà nước là gì?

- a. Do thần thánh sáng tạo ra.
- b. Do ý chí của giai cấp thống trị
- c. Do sự quy ước, thoả thuận giữa con người nhằm tránh những cuộc chiến tranh tàn khốc. (c)
- d. Do ý muốn chủ quan của cá nhân nhà tư tưởng.

Câu 67: Hãy đánh giá quan niệm của Tô-mát Hốp xơ về nhà nước cho rằng: nhà nước ra đời là do sự quy ước, thoả thuận giữa con người?

- a. Không có gì tiến bộ, chỉ là quan điểm duy tâm tôn giáo
- b. Có giá trị, vì đã phát triển quan điểm duy vật, về xã hội.
- c. Có giá trị bác bỏ nguồn gốc thần thánh của nhà nước, đồng thời vẫn chứa đựng yếu tố duy tâm chủ nghĩa (c)

Câu 68: Đê-các-tơ là nhà triết học và khoa học của nước nào ?

- a. Anh
- b. Bồ Đào Nha
- c. Mỹ
- d. Pháp (d)

Câu 69: Đê-các-tơ sinh vào năm nào và mất vào năm nào?

- a. 1590 – 1650
- b. 1596 – 1654 (b)
- c. 1594 – 1654
- d. 1596 – 1650

Câu 70: Khi giải quyết vấn đề cơ bản của triết học, Đê-các-tơ đứng trên lập trường triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- d. Thuyết nhị nguyên

(d)

Câu 71: Đê-các-tơ giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức như thế nào?

- a. Thực thể vật chất độc lập và quyết định thực thể ý thức.
- b. Thực thể vật chất không tồn tại độc lập mà phụ thuộc vào thực thể ý thức
- c. Thực thể vật chất và thực thể ý thức độc lập nhau, song song cùng tồn tại. (c)

d. Thực thể ý thức phụ thuộc vào thực thể vật chất, nhưng có tính độc lập tương đối.

Câu 72: Quan điểm của Đê-các-tơ về quan hệ giữa vật chất và ý thức cuối cùng rơi vào quan điểm nào? Vì sao?

- a. Duy vật; vì coi vật chất độc lập với ý thức
- b. Duy vật không triệt để; vì không thừa nhận vật chất quyết định ý thức
- c. Nhị nguyên vì thừa nhận hai thực thể tạo thành hai thế giới
- d. Duy tâm; vì thừa nhận thực thể vật chất và tinh thần tuy độc lập nhưng đều phụ thuộc vào thực thể thứ ba đó là thượng đế. (d)

Câu 73: Đê-các-tơ đứng trên quan điểm nào trong lĩnh vực vật lý?

- a. Quan điểm duy tâm khách quan
- b. Quan điểm duy tâm chủ quan
- c. Quan điểm nhị nguyên
- d. Quan điểm duy vật (d)

Câu 74: Trong lĩnh vực vật lý Đê-các-tơ quan niệm về tự nhiên như thế nào?

- a. Tự nhiên là tổng các vật có quán tính
- b. Tự nhiên và thượng đế là một.
- c. Tự nhiên là hiện thân của thượng đế
- d. Tự nhiên là một khối thống nhất gồm những hạt nhỏ vật chất có quán tính và vận động vĩnh viễn theo những quy luật cơ học (d)

Câu 75: Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

- a. Đê-các-tơ là nhà duy vật biện chứng vì coi vật chất tồn tại khách quan.
- b. Đê-các-tơ là nhà duy vật vì phủ nhận uy quyền của nhà thờ và tôn giáo
- c. Đê-các-tơ là nhà triết học duy tâm vì đề cao sức mạnh của lý tưởng con người
- d. Đê-các-tơ đem tính khoa học thay cho niềm tin tôn giáo mù quáng chống lại uy quyền của tôn giáo. (d)

Câu 76: Điều nhận định nào sau đây là đúng?

- a. Đê-các-tơ nghi ngờ khả năng nhận thức của con người.
- b. Vì coi nghi ngờ là điểm xuất phát của nhận thức khoa học, nên Đê-các-tơ phủ nhận khả năng nhận thức của con người.
- c. Quan điểm của Đê-các-tơ và Hium là như nhau vì đều nghi ngờ nhận thức của con người

d. ĐỀcáctơ coi nghi ngờ là điểm xuất phát của nghiên cứu khoa học để phủ nhận sự mê tín, phủ nhận niềm tin tôn giáo (d)

Câu 77: Luận điểm ĐỀcáctơ "tôi tư duy vậy tôi tồn tại" có ý nghĩa gì?

- a. Nhấn mạnh vai trò của tư duy, duy lý (a)
- b. Nhấn mạnh vai trò của cảm giác
- c. Phủ nhận vai trò của chủ thể
- d. Đề cao kinh nghiệm.

Câu 78: Theo ĐỀcáctơ tiêu chuẩn của chân lý là gì?

- a. Là thực tiễn
- b. Là tư duy rõ ràng, mạch lạc (b)
- c. Là cảm giác, kinh nghiệm về sự vật
- d. Là được nhiều người thừa nhận .

Câu 79: Luận điểm của ĐỀcáctơ "Tôi tư duy vậy tôi tồn tại" thể hiện khuynh hướng triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy vật tầm thường
- c. Thuyết hoài nghi
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ

quan (d)

Câu 80: Xpinôda là nhà triết học nước nào?

- a. Hà Lan (a)
- b. Áo
- c. Đức
- d. Pháp

Câu 81: Xpinôda là nhà triết học thuộc trường phái nào?

- a. Duy tâm chủ quan
- b. Duy vật biện chứng
- c. Duy tâm khách quan
- d. Duy vật và vô thần (d)

Câu 82: Nhận định nào sau đây là đúng

- a. Xpinôda là nhà triết học nhị nguyên (a)
- b. Xpinôda là nhà triết học duy tâm khách quan
- c. Xpinôda là nhà triết học duy vật biện chứng
- d. Xpinôda là nhà triết học nhất nguyên.

Câu 83: Điều khẳng định nào sau đây về Xpinôda là sai?

- a. Xpinôda là nhà triết học duy vật và vô thần
- b. Xpinôda là nhà triết học nhất nguyên coi quảng tính và tư duy là thuộc tính của một thực thể
- c. Xpinôda chống lại quan điểm nhị nguyên của ĐỀcáctơ.
- d. Xpinôda là nhà triết học nhị nguyên (d)

Câu 84: Quan điểm duy vật của Xpinôda về thế giới là ở chỗ nào?

- a. Thế giới là thế giới của các sự vật riêng lẻ (a)
- b. Thế giới là phức hợp cảm giác
- c. Thế giới là sự tha hoá của ý niệm
- d. Thế giới là cái bóng của thế giới ý niệm

Câu 85: Tại sao quan điểm của Xpinôda lại rơi vào quan điểm của thuyết định mệnh máy móc?

- a. Coi thế giới gồm các sự vật riêng lẻ
- b. Coi các sự vật trong thế giới đều có nguyên nhân
- c. Đồng nhất nguyên nhân với tính tất yếu coi ngẫu nhiên chỉ là phạm trù chủ quan (c)
- d. Khẳng định có thể nhận thức thế giới bằng phương pháp toán học.

Câu 86: Quan niệm về ý thức của Xpinôda chịu ảnh hưởng của ai, và quan niệm đó như thế nào?

- a. Chịu ảnh hưởng của thuyết bất khả tri, không thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thế giới.
- b. Chịu ảnh hưởng của những người theo vật hoạt luận, thừa nhận mọi vật đều có ý thức. (b)
- c. Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa duy lý cho chỉ có con người mới có ý thức.
- d. Chịu ảnh hưởng của tôn giáo, cho ý thức có nguồn gốc từ thần thánh.

Câu 87: Quan niệm về ý thức của Xpinôda thuộc loại nào?

- a. Duy vật biện chứng
- b. Duy tâm chủ quan
- c. Duy tâm khách quan
- d. Vật hoạt luận (d)

Câu 88: Quan niệm về con người của Xpinôda đứng trên lập trường nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c. Thuyết nhị nguyên
- d. Chủ nghĩa tự nhiên (d)

Câu 89: Về nhận thức luận, Xpinôda theo chủ nghĩa nào?

- a. Chủ nghĩa duy cảm
- b. Chủ nghĩa duy lý. (b)
- c. Chủ nghĩa kinh nghiệm.

- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Câu 90: Theo Xpinôda chân lý đáng tin cậy đạt được ở giai đoạn nhận thức nào?
- a. Giai đoạn nhận thức lý tính
- (a)
- b. Giai đoạn nhận thức cảm tính
- c. Cả hai giai đoạn
- d. Không đạt được ở giai đoạn nào
- Câu 91: Xpinôda quan niệm về nhận thức trực giác như thế nào?
- a. Là “ánh sáng nội tâm” giúp con người liên hệ trực tiếp với thượng đế
- b. Là trí tuệ anh minh như nền tảng của mọi tri thức
- c. Một năng lực trí tuệ của phép nhận thức sự vật
- d. Cả ba nội dung trên (d)
- Câu 92: Khái niệm đạo đức của Xpinôda gắn với khái niệm "con người tự do" không? nếu có thì như thế nào?
- a. Không
- b. Có, con người tự do hành động theo ý muốn của mình
- c. Có, con người chỉ có thể trở thành tự do khi được chỉ đạo bởi lý tính (c)
- d. Không. Vì trong tự nhiên chỉ có cái tất yếu
- Câu 93: Quan niệm của Xpinôda về pháp quyền và xã hội được xây dựng trên lập trường nào?
- a. Chủ nghĩa tự nhiên (a)
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- d. Chủ nghĩa tự do tư sản
- Câu 94: Xpinôda quan niệm về nguồn gốc tôn giáo từ đâu?
- a. Sự tin tưởng vào ánh sáng nội tâm
- b. Sự bất lực trước các lực lượng xã hội
- c. Sự sợ hãi (c)
- d. Sự không hiểu biết về tự nhiên
- Câu 95: Trong nhận thức luận của mình, Giôn Lốccơ phê phán Đêcátơ về cái gì?
- a. Về thuyết nhị nguyên
- b. Về quan niệm máy móc đối với con người
- c. Về thuyết thừa nhận tồn tại tư tưởng bẩm sinh (c)
- d. Về quan niệm duy vật trong lĩnh vực vật lý
- Câu 96: Theo quan niệm của G.Lốccơ tri thức, chân lý do đâu mà có?

- a. Do ý niệm bẩm sinh
- b. Do kết quả của quá trình nhận thức (b)
- c. Do thượng đế ban tặng
- d. Do hoạt động thực tiễn
- Câu 97: Giôn Lốccơ là nhà triết học nước nào?
- a. Pháp (b) c. Ý
- b. Anh (b) d. Mỹ
- Câu 98: Về nhận thức luận ai là người nêu ra nguyên lý tabula rasa (tấm bảng sạch)
- a. Xpinôda (c)
- Đêcátơ
- b. Platôn (d) d. Giôn Lốccơ (d)
- Câu 99: Nguyên lý tabula rasa (tấm bảng sạch) theo cách hiểu của người đề xuất khẳng định những nội dung gì?
- a. Mọi tri thức không phải là bẩm sinh, mà là kết quả nhận thức
- b. Mọi quá trình nhận thức đều phải xuất phát từ cơ quan cảm giác
- c. Linh hồn con người có vai trò tích cực nhất định
- d. Cả ba nội dung trên (d)
- Câu 100: Nội dung thuyết tabula rasa (tấm bảng sạch) đứng trên lập trường triết học nào?
- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật (c)
- d. Thuyết bất khả tri
- Câu 101: Hạn chế của thuyết tabula rasa (tấm bảng sạch) là ở chỗ nào?
- a. Để cao vai trò nhận thức lý tính
- b. Phủ nhận nhận thức cảm tính
- c. Để cao nhận thức cảm tính một cách tuyệt đối (c)
- d. Chưa thấy vai trò của kinh nghiệm
- Câu 102: Trong quan niệm về kinh nghiệm. Giôn Lốccơ đứng trên lập trường nào?
- a. Lập trường của chủ nghĩa duy lý
- b. Lập trường của chủ nghĩa duy cảm (b)
- c. Lập trường của thuyết nhị nguyên
- d. Lập trường của thuyết bất khả tri
- Câu 103: Giôn Lốccơ coi lý tính là gì?
- a. Là ý niệm bẩm sinh



- b. Là hoạt động của linh hồn
- c. Là kinh nghiệm bên trong (c)
- d. Là giai đoạn phản ánh khái quát sự vật

Câu 104: Luận điểm nào thể hiện lập trường duy cảm của Giôn Lốccơ?

- a. Tôi tư duy vậy tôi tồn tại
- b. Mọi nhận thức đều xuất phát từ kinh nghiệm
- c. Kinh nghiệm là nguồn gốc của nhận thức
- d. Không có cái gì trong lý tính mà trước đó lại không có trong cảm tính. (d)

Câu 105: Giôn Lốccơ quan niệm về "ý niệm phức tạp" như thế nào?

- a. Ý niệm phức tạp là kết quả phản ánh trực tiếp nhiều đặc tính của sự vật
- b. Ý niệm phức tạp là kết quả của phản ánh khái quát đặc tính nào đó của sự vật
- c. Ý niệm phức tạp là tổng hợp "ý niệm đơn giản"
- d. "Ý niệm phức tạp" là kết quả của hoạt động của riêng lý tính hoàn toàn chủ quan của con người (d)

Câu 96: Quan niệm về "ý niệm phức tạp" của Giôn Lốccơ có quan hệ với lập trường nào về thế giới?

- a. Lập trường duy Thực về thế giới
- b. Lập trường duy Danh về thế giới (b)
- c. Lập trường nhị nguyên về thế giới
- d. Lập trường duy vật biện chứng về thế giới

Câu 107: Ai là người đã phân chia tính chất của sự vật ra thành "chất có trước" và "chất có sau"?

- a. Xpinôdza
- b. Đêcắctơ
- c. Ph. Bêcơ
- d. Giôn Lốccơ (d)

Câu 108: Quan niệm về "chất có sau" của tác giả là thế nào?

- a. "Chất có sau" có được nhờ sự tác động của các sự vật khách quan vào giác quan con người.
- b. "Chất có sau" hoàn toàn là sản phẩm của con người
- c. "Chất có sau" khi thì là (a) khi thì là (b), không nhất quán (c)
- d. "Chất có sau" là ảo giác không có thật

Câu 109: Gioócgiơ Béccơli là nhà triết học của nước nào?

- a. Anh (a)
- b. Hà Lan
- c. Pháp
- d. Đức

Câu 110: Gioócgiơ Béccơli là nhà triết học theo khuynh hướng nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (b)
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 111 Theo quan niệm của Béccơli sự tồn tại các sự vật cụ thể trong thế giới do cái gì quyết định?

- a. Mọi vật do nguyên tử tạo nên
- b. Vật tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác
- c. Vật do thượng đế tạo ra
- d. Vật do phức hợp các cảm giác (d)

Câu 112: Triết học của Béccơli cuối cùng chuyển sang triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật tầm thường
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Thuyết bất khả tri

Câu 113: Về bản chất triết học của Béccơli phản ánh hệ tư tưởng của giai cấp nào?

- a. Giai cấp địa chủ phong kiến
- b. Giai cấp chủ nô
- c. Giai cấp tư sản đã giành được chính quyền (c)
- d. Giai cấp tư sản chưa giành được chính quyền

Câu 114: Davít Hium là nhà triết học nước nào?

- a. Pháp
- b. Anh (b)
- c. Áo
- d. Hà Lan

Câu 115: Davít Hium sống vào thời gian nào?

- a. 1700 - 1760
- b. 1710 - 1765
- c. 1711 - 1766 (c)
- d. 1712 - 1767

Câu 116: Về lý luận nhận thức, Davít Hium đứng trên lập trường nào?

- a. Thuyết khả tri duy vật siêu hình
- b. Thuyết khả tri duy tâm
- c. Thuyết bất khả tri và hiện tượng luận (c)
- d. Thuyết khả tri duy vật biện chứng

Câu 117: Quan niệm của Davít Hium về tính nhân quả như thế nào?

- a. Kết quả chứa đựng trong nguyên nhân

b. Nguyên nhân có trước và sinh ra kết quả  
c. Kết quả được rút ra từ nguyên nhân  
d. Không thể chứng minh kết quả được rút ra từ nguyên nhân trong khoa học tự nhiên (d)

Câu 118: Hium quan niệm về sự tồn tại của quan hệ nhân quả như thế nào?

a. Tồn tại khách quan và là quy luật của tự nhiên  
b. Tính nhân quả không tồn tại ở đâu cả chỉ là sự bịa đặt của con người  
c. Tính nhân quả không phải là quy luật, mà do thói quen của con người quy định. (c)

Câu 119: Theo Đavít Hium cần giáo dục cho con người cái gì?

a. Thói quen (a)  
b. Các tri thức khoa học tự nhiên  
c. Kiến thức triết học  
d. Thẩm mỹ học

Câu 120: Triết học Ánh sáng xuất hiện trong thời gian nào và ở đâu?

a. Thế kỷ XVI – XVII, ở Italia  
b. Thế kỷ XVII – XVIII, ở Anh  
c. Nửa cuối thế kỷ XVIII, ở Đức  
d. Nửa cuối thế kỷ XVIII ở Pháp (d)

Câu 121: Những nhà triết học khai sáng Pháp chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc cách mạng nào?

a. Cách mạng vô sản  
b. Cách mạng tư sản (b)  
c. Cách mạng dân tộc, dân chủ  
d. Cách mạng nông dân chống phong kiến

Câu 122: La Mettri (1709 - 1751) là nhà triết học nước nào?

a. Nga c. Pháp (c)  
b. Italia d. Đức

Câu 123: Quan niệm cho thực thể vật chất là thống nhất ba hình thức của nó trong giới tự nhiên, giới vô cơ, thực vật, động vật (bao gồm con người) là của nhà triết học nào?

a. Xpinôda c. Ph.

Bêcơn

b. La Mettri (b) d. Đidrô

Câu 124: La Mettri coi đặc tính cơ bản của vật chất là gì?

a. Quảng tính, vận động và cảm thụ (a)  
b. Quảng tính, khối lượng và vận động

c. Quảng tính, vận động

Câu 125: Về thế giới quan La Mettri là nhà triết học thuộc trào lưu nào?

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan  
b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan  
c. Chủ nghĩa duy vật (c)  
d. Chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

Câu 126: Trong vấn đề nhận thức luận, khi La Mettri nói: nhờ cơ quan cảm giác mà người ta suy nghĩ, giác quan là kẻ đáng tin cậy trong đời sống hàng ngày, La Mettri đứng trên quan điểm nào?

a. Duy lý  
b. Duy vật biện chứng  
c. Duy giác luận (c)  
d. Bất khả tri

Câu 127: Điều khẳng định nào sau đây là sai:

a. La Mettri bác bỏ thuyết nhị nguyên của

Đềcátơ

b. La Mettri bảo vệ thuyết nhị nguyên của

Đềcátơ (b)

c. La Mettri xem con người như một cái máy

d. La Mettri giải thích các hiện tượng sinh lý

theo quy luật cơ học

Câu 128: Điều khẳng định nào sau đây là sai?

a. Đidrô thừa nhận vật chất tồn tại vĩnh viễn

b. Đidrô thừa nhận vật chất tồn tại khách quan ngoài ý thức của con người

c. Đidrô cho vật chất là một thực thể duy nhất, nguyên nhân tồn tại của nó nằm ngay trong bản thân nó.

d. Đidrô không thừa nhận nguyên nhân tồn tại của vật chất nằm ngay trong bản thân nó.

(d)

Câu 129: Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

a. Đidrô cho vận động và vật chất là thống nhất chặt chẽ (a)

b. Đidrô không thừa nhận vận động và vật chất là thống nhất

c. Đidrô thừa nhận có trạng thái đứng im tuyệt đối

d. Đidrô phủ nhận vận động của vật thể là quá trình phát triển, biến đổi không ngừng.

Câu 130: Điều khẳng định nào sau đây là sai?

a. Đidrô thể hiện quan niệm vô thần thông qua tư tưởng biện chứng về vận động

b. Đidrô chưa tiếp cận tư tưởng về tự thân vận động của vật chất (b)

c. Đidrô cho rằng mỗi phân tử có một nguồn vận động bên trong, mà ông gọi là lực nội tâm.

d. Đidrô chống lại sự tồn tại của thượng đế  
Câu 131: Khi khẳng định vật chất là nguyên nhân của cảm giác, Đidrô đã đứng trên quan điểm triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm
- b. Thuyết nhị nguyên
- c. Chủ nghĩa duy vật (c)
- d. Chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

Câu 132: Tư tưởng biện chứng của Đidrô về vận động thể hiện ở chỗ nào?

a. Giải thích vận động là sự thay đổi vị trí trong không gian

b. Cho nguyên nhân vận động là do lực tác động

c. Giải thích tự thân vận động của vật chất bằng mâu thuẫn nội tại của sự vật và tính đa dạng của nó. (c)

Câu 133: Quan niệm của Đidrô về nguồn gốc của ý thức con người như thế nào?

- a. Ý thức có nguồn gốc từ thần thánh
- b. Ý thức là thuộc tính của mọi dạng vật chất
- c. Ý thức là thuộc tính của vật chất có tổ chức cao xuất hiện do sự phức tạp hoá của vật chất hữu cơ. (c)
- d. Ý thức con người vốn có trong bộ não.

Câu 134: Khẳng định nào sau đây là đúng

a. Đidrô cho rằng vật chất là nguyên nhân của cảm giác (a)

b. Đidrô cho rằng vật chất là phức hợp của cảm giác

c. Đidrô cho rằng sự vật là phản ánh của thế giới ý niệm

d. Đidrô phủ nhận khả năng nhận thức thế giới của con người.

Câu 135: Trong lĩnh vực xã hội Đidrô đứng trên quan điểm triết học nào?

- a. Duy vật siêu hình
- b. Duy vật biện chứng
- c. Duy tâm (c)

Câu 136: Những luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Đidrô khẳng định nguồn gốc thần thánh của vua chúa. (a)

b. Đidrô phủ nhận nguồn gốc thần thánh của vua chúa.

c. Đidrô tán thành chế độ chuyên chế.

d. Đidrô chống lại chế độ quân chủ lập hiến.  
Câu 137: Triết học cổ điển Đức bảo vệ về mặt tư tưởng chế độ nhà nước nào?

- a. Nhà nước dân chủ chủ nô
- b. Nhà nước dân chủ tư sản
- c. Nhà nước chuyên chế Phổ. (c)
- d. Nhà nước chuyên chế chủ nô

Câu 138: Sắp xếp theo thứ tự năm sinh trước - sau của các nhà triết học sau

- a. Cantơ - Phoi-ơ-bắc - Hêghen
- b. Cantơ - Hêghen - Phoi-ơ-bắc

(b)

- c. Hêghen - Cantơ - Phoi-ơ-bắc
- d. Phoi-ơ-bắc - Cantơ - Hêghen

Câu 139: Khi đưa ra quan niệm về "vật tự nó" ở ngoài con người, Cantơ là nhà triết học thuộc khuynh hướng nào?

- a. Duy tâm chủ quan
- b. Duy tâm khách quan
- c. Duy vật (c)
- d. Nhị nguyên

Câu 140: Khi cho rằng các vật thể quanh ta không liên quan đến thế giới "vật tự nó", mà chỉ là "các hiện tượng phù hợp với cảm giác và tri thức do lý tính chúng ta tạo ra", Cantơ là nhà triết học thuộc khuynh hướng nào?

- a. Duy vật biện chứng.
- b. Duy vật siêu hình
- c. Duy tâm chủ quan (c)
- d. Duy tâm khách quan

Câu 141: Khi cho không gian, thời gian, tính nhân quả không thuộc bản thân thế giới tự nhiên, Cantơ đứng trên quan điểm triết học nào?

- a. Duy vật biện chứng.
- b. Duy tâm. (b)
- c. Duy vật siêu hình

Câu 142: Trong lĩnh vực nhận thức luận, Cantơ là nhà triết học theo khuynh hướng nào?

- a. Khả tri luận có tính chất duy vật.
- b. Khả tri luận có tính chất duy tâm khách quan.
- c. Bất khả tri luận có tính chất duy tâm chủ quan. (c)

Câu 143: Khẳng định nào sau đây là đúng

a. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy vật

b. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng tự phát.

c. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy tâm khách quan (c)

d. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng tiên nghiệm chủ quan.

Câu 144: Theo Hêghen khởi nguyên của thế giới là gì?

a. Nguyên tử.

b. Không khí.

c. Ý niệm tuyệt đối (c)

d. Vật chất không xác định

Câu 145: Trong triết học của Hêghen giữa tinh thần và tự nhiên quan hệ với nhau như thế nào?

a. Tinh thần là kết quả phát triển của tự nhiên.

b. Tinh thần là thuộc tính của tự nhiên

c. Tự nhiên là sản phẩm của tinh thần, là một tồn tại khác của tinh thần. (c)

d. Tự nhiên là nguồn gốc của tinh thần.

Câu 146: Khẳng định nào sau đây là sai?

a. Hêghen cho rằng "ý niệm tuyệt đối" tồn tại vĩnh viễn.

b. Hêghen cho rằng "ý niệm tuyệt đối" vận động trong sự phụ thuộc vào giới tự nhiên và xã hội. (b)

c. Hêghen cho rằng "ý niệm tuyệt đối" là tính thứ nhất, tự nhiên là tính thứ hai.

Câu 147: Trong số những nhà triết học sau đây, ai là người trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử, và tư duy trong sự vận động, biến đổi và phát triển?

a. Đêcactơ c. Cantơ

b. Hêghen (b) d. Phoi-

ơ-bắc.

Câu 148: Hãy chỉ ra đâu là quan điểm của Hêghen?

a. Quy luật của phép biện chứng được rút ra từ tự nhiên.

b. Quy luật của phép biện chứng được hoàn thành trong tư duy và được ứng dụng vào tự nhiên và xã hội. (b)

c. Quy luật của phép biện chứng do ý thức chủ quan con người tạo ra.

Câu 149: Luận điểm sau đây là của ai: Cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì hợp lý thì tồn tại.

a. Arixtốt c.

Hêghen (c)

b. Cantơ d.

Phoi-ơ-bắc

Câu 150: Hãy chỉ ra đâu là quan điểm của Hêghen?

a. Nhà nước hiện thực chỉ là tồn tại khác của khái niệm nhà nước. (a)

b. Khái niệm nhà nước là sự phản ánh nhà nước hiện thực.

c. Khái niệm nhà nước và nhà nước hiện thực là hai thực thể độc lập với nhau.

Câu 151: Hệ thống triết học của Hêghen gồm những bộ phận chính nào?

a. Logic học; triết học về tự nhiên; triết học về lịch sử; triết học về tinh thần.

b. Triết học về tự nhiên; triết học về tinh thần.

c. Triết học về tự nhiên; triết học về xã hội; triết học về tinh thần

d. Logic học; triết học về tự nhiên; triết học về tinh thần (d)

Câu 152: Mâu thuẫn sau đây là mâu thuẫn trong hệ thống triết học của nhà triết học nào: "Mâu thuẫn giữa phương pháp cách mạng với hệ thống bảo thủ"

a. Platôn c. Hêghen (c)

b. Arixtốt d. Cantơ

Câu 153: Thêm cụm từ vào câu sau cho thích hợp: Mâu thuẫn giữa ..(1).. của phép biện chứng với .... (2).... của hệ thống triết học của Hêghen.

a. 1- Tính vận động; 2- tính đứng im

b. 1- Tính bảo thủ; 2- tính cách mạng.

c. 1- Tính cách mạng; 2- tính bảo thủ

(c)

d. 1-Tính biện chứng; 2- tính siêu hình

Câu 154: Mác chỉ ra đâu là hạt nhân hợp lý trong triết học của Hêghen

a. Chủ nghĩa duy vật

b. Chủ nghĩa duy tâm

c. Phép biện chứng như lý luận về sự phát triển (c)

d. Tư tưởng về vận động

Câu 155: Phoi-ơ-bắc là nhà triết học theo trường phái nào?

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình. (d)

Câu 156: Xét về nội dung tư tưởng của học thuyết, Phoi-ơ-bắc là nhà tư tưởng của giai cấp nào?

- a. Giai cấp địa chủ quý tộc Đức.
- b. Giai cấp vô sản Đức.
- c. Giai cấp tư sản dân chủ Đức (c)

Câu 157: Triết học của nhà triết học nào mang tính chất nhân bản

- a. Đidrô.
- b. Cantơ
- c. Phoi-ơ-bắc (c)
- d. Hêghen

Câu 158: Khẳng định nào sau đây là đúng của Phoi-ơ-bắc.

- a. Phoi-ơ-bắc cho tự nhiên là "tồn tại khác" của tinh thần.
- b. Phoi-ơ-bắc cho tự nhiên tồn tại độc lập với ý thức của con người, vận động nhờ những cơ sở bên trong nó (b)
- c. Phoi-ơ-bắc cho tinh thần và thể xác tồn tại tách rời nhau.

Câu 159: Triết học nhân bản của Phoi-ơ-bắc có ưu điểm gì?

- a. Chống lại quan niệm nhị nguyên luận về sự tách rời tinh thần khỏi thể xác.
- b. Chống lại chủ nghĩa duy vật tầm thường cho ý thức do óc tiết ra
- c. Chống lại quan niệm của đạo Thiên chúa về thượng đế
- d. Cả 3 điểm a,b,c (d)
- e. Hai điểm a & b.

Câu 160: Triết học nhân bản của Phoi-ơ-bắc có hạn chế gì?

- a. Đồng nhất ý thức với một dạng vật chất.
- b. Cho con người sáng tạo ra thượng đế
- c. Cho con người chỉ mang những thuộc tính sinh học bẩm sinh (c)
- d. Cả 3 điểm a, b, c.

Câu 161: Ông cho rằng: con người sáng tạo ra thượng đế, bản tính con người là tình yêu, tôn giáo cũng là một tình yêu. Ông là ai?

- a. Cantơ
- b. Hêghen
- c. Phoi-ơ-bắc (c)
- d. Đidrô

Câu 162: Phoi-ơ-bắc có nói đến sự "tha hoá" không. Nếu có thì quan niệm của ông thế nào?

- a. Không.
- b. Có, đó là tha hoá của ý niệm

c. Có, đó là tha hoá của lao động.

d. Có, đó là tha hoá bản chất con người về thượng đế. (d)

Câu 163: Ưu điểm lớn nhất của triết học cổ điển Đức là gì?

- a. Phát triển tư tưởng duy vật về thế giới của thế kỷ XVII - XVIII.
- b. Khắc phục triệt để quan điểm siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ.
- c. Phát triển tư tưởng biện chứng đạt trình độ một hệ thống lý luận. (c)
- d. Phê phán quan điểm tôn giáo về thế giới.

Câu 164: Hạn chế lớn nhất của triết học cổ điển Đức là ở chỗ nào?

- a. Chưa khắc phục được quan điểm siêu hình trong triết học duy vật cũ.
- b. Chưa có quan điểm duy vật về lịch sử xã hội.
- c. Có tính chất duy tâm khách quan (đặc biệt triết học của Hêghen). (c)

Câu 165: Xét về bản chất chủ nghĩa duy vật của Phoi-ơ-bắc là:

- a. Cao hơn chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII ở Tây Âu
- b. Thấp hơn chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII ở Tây Âu
- c. Không vượt quá trình độ chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII ở Tây Âu. (c)

Câu 166: Triết học Mác ra đời vào thời gian nào?

- a. Những năm 20 của thế kỷ XIX
- b. Những năm 30 của thế kỷ XIX.
- c. Những năm 40 của thế kỷ XIX. (c)
- d. Những năm 50 của thế kỷ XIX.

Câu 167: Triết học Mác - Lênin do ai sáng lập và phát triển?

- a. C. Mác, Ph. Ăngghen; V.I. Lênin. (a)
- b. C. Mác và Ph. Ăngghen.
- c. V.I. Lênin
- d. Ph. Ăngghen.

Câu 168: Điều kiện kinh tế xã hội cho sự ra đời của triết học Mác - Lênin?

- a. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố và phát triển.
- b. Giai cấp vô sản ra đời và trở thành lực lượng chính trị - xã hội độc lập
- c. Giai cấp tư sản đã trở nên bảo thủ.

d. cả a, b, c.

g. Điểm a và b. (g)

Câu 169: Triết học Mác ra đời trong điều kiện kinh tế - xã hội nào?

a. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành phương thức sản xuất thống trị.

(a)

b. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mới xuất hiện.

c. Chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc.

d. Cả a, b, c

Câu 170: Nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác là gì?

a. Triết học khai sáng Pháp thế kỷ XVIII.

b. Triết học cổ điển Đức.

c. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh

d. Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và Anh.

g. Cả a, b, c và d.

e. Gồm b, c và d. (e) **Chú ý bản in Ngân hàng**

**bị thiếu và d ở cả g và e**

Câu 171: Nguồn gốc lý luận trực tiếp của triết học Mác là gì?

a. Chủ nghĩa duy vật Khai sáng Pháp

b. Triết học cổ điển Đức (b)

c. Kinh tế chính trị cổ điển Anh

d. Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và Anh

Câu 172: Khẳng định nào sau đây là sai?

a. Triết học Mác là sự kết hợp phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật của Phoi-ơ-bắc (a)

b. Triết học Mác có sự thống nhất giữa phương pháp biện chứng và thế giới quan duy vật.

c. Triết học Mác kế thừa và cải tạo phép biện chứng của Hêghen trên cơ sở duy vật.

Câu 173: Khẳng định nào sau đây là đúng?

a. Trong triết học Mác, phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật thống nhất với nhau. (a)

b. Triết học Mác là sự kết hợp phép biện chứng của Hêghen với chủ nghĩa duy vật của Phoi-ơ-bắc

c. Trong triết học Mác, phép biện chứng tách rời với chủ nghĩa duy vật.

Câu 174: Đây là nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác?

a. Kinh tế chính trị cổ điển Anh (a)

b. Kinh tế chính trị cổ điển Đức

c. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại

d. Khoa học tự nhiên thế kỷ XVII - XVIII.

Câu 175: Đây là nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác?

a. Tư tưởng xã hội phương Đông cổ đại

b. Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và Anh (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII ở Tây Âu.

d. Phép biện chứng tự phát trong triết học Hy Lạp cổ đại.

Câu 176: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tác động của khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX đối với phương pháp tư duy siêu hình, luận điểm nào sau đây là đúng.

a. Khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX phù hợp với phương pháp tư duy siêu hình.

b. Khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX làm bộc lộ tính hạn chế và sự bất lực của phương pháp tư duy siêu hình trong việc nhận thức thế giới (b)

c. KHTN khẳng định vai trò tích cực của phương pháp tư duy siêu hình

Câu 177: Những phát minh của khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX đã cung cấp cơ sở tri thức khoa học cho sự phát triển cái gì?

a. Phát triển phương pháp tư duy siêu hình

b. Phát triển phép biện chứng tự phát

c. Phát triển tính thần bí của phép biện chứng duy tâm

d. Phát triển tư duy biện chứng thoát khỏi tính tự phát thời kỳ cổ đại và thoát khỏi cái vỏ thần bí của phép biện chứng duy tâm. (d)

Câu 178: Ba phát minh lớn nhất của khoa học tự nhiên làm cơ sở khoa học tự nhiên cho sự ra đời tư duy biện chứng duy vật đầu thế kỷ XIX là những phát minh nào?

a. 1) Thuyết mặt trời làm trung tâm vũ trụ của Côpécnic, 2) định luật bảo toàn khối lượng của Lômônôxốp, 3) học thuyết tế bào.

b. 1) Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, 2) học thuyết tế bào, 3) học thuyết tiến hoá của Đacuyn. (b)

c. 1) Phát hiện ra nguyên tử, 2) phát hiện ra điện tử, 3) định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.

Câu 179: Về mặt triết học, định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng chứng minh cho quan điểm nào?

- a. Quan điểm siêu hình phủ nhận sự vận động.
- b. Quan điểm duy tâm phủ nhận sự vận động là khách quan.
- c. Quan điểm biện chứng duy vật thừa nhận sự chuyển hoá lẫn nhau của giới tự nhiên vô cơ. (c)

Câu 180: Ba phát minh trong khoa học tự nhiên: định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết tế bào, học thuyết tiến hoá chứng minh thế giới vật chất có tính chất gì?

- a. Tính chất tách rời từng tại của thế giới vật chất.
- b. Tính chất biện chứng của sự vận động và phát triển của thế giới vật chất. (b)
- c. Tính chất không tồn tại thực của thế giới vật chất.

Câu 181: Phát minh nào trong khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX vạch ra nguồn gốc tự nhiên của con người, chống lại quan điểm tôn giáo?

- a. Học thuyết tế bào.
- b. Học thuyết tiến hóa. (b)
- c. Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.

Câu 182: Phát minh nào trong khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX vạch ra sự thống nhất giữa thế giới động vật và thực vật?

- a. Học thuyết tế bào. (a)
- b. Học thuyết tiến hóa.
- c. Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.

Câu 183: Khẳng định nào sau đây là đúng

- a. Triết học Mác ra đời vào giữa thế kỷ XIX là một tất yếu lịch sử. (a)
- b. Triết học Mác ra đời do thiên tài của Mác và Ăngghen.
- c. Triết học Mác ra đời hoàn toàn ngẫu nhiên.
- d. Triết học Mác ra đời thực hiện mục đích đã được định trước.

Câu 184: Cho biết năm sinh, năm mất và nơi sinh của Mác

- a. 1818 - 1883, ở Béc-ling

b. 1818 - 1884, ở thành phố Tơ-re-vơ tỉnh Ranh

c. 1817 - 1883, ở thành phố Tơ-re-vơ, tỉnh Ranh

d. 1818 - 1883, ở thành phố Tơ-re-vơ, tỉnh

Ranh (d)

Câu 185: Khi học ở Béc-ling về triết học, Mác đứng trên quan điểm nào?

- a. Triết học duy vật biện chứng
- b. Triết học duy vật siêu hình
- c. Triết học duy tâm của Hêghen (c)
- d. Triết học kinh viện của tôn giáo.

Câu 186: Khi học ở Béc-ling, Mác tham gia hoạt động trong trào lưu triết học nào?

- a. Phái Hêghen già (phái bảo thủ)
- b. Phái Hêghen trẻ (phái cấp tiến) (b)
- c. Không tham gia vào phái nào.

Câu 187: Vào năm 1841, Mác coi nhiệm vụ của triết học phải phục vụ cái gì?

- a. Phục vụ cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản.
- b. Phục vụ chế độ xã hội hiện tại
- c. Phục vụ cuộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng con người. (c)

Câu 188: Vào năm 1841, trong tư tưởng của Mác có mâu thuẫn gì?

- a. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa duy tâm triết học với tinh thần dân chủ cách mạng và vô thần. (a)
- b. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa duy tâm triết học với tinh thần cách mạng vô sản
- c. Cả a và b.

Câu 189: Ph. Ăngghen sinh năm nào, ở đâu và mất năm nào?

- a. 1819 - 1895, ở thành phố Bác-men
- b. 1820 - 1895, ở thành phố Béc-ling
- c. 1820 - 1895, ở thành phố Bác-men. (c)
- d. 1821 - 1895, ở thành phố Bác-men.

Câu 190: Vào những năm 30 của thế kỷ XIX Ph. Ăngghen đã tham gia vào nhóm triết học nào, ở đâu?

- a. Phái Hêghen già, ở Béc-ling.
- b. Phái Hêghen trẻ, ở Béc-ling. (b)
- c. Hêghen già, ở Bác-men.
- d. Hêghen trẻ, ở Bác-men.

Câu 191: Vào năm 1841 - 1842, về mặt triết học Ph. Ăngghen đứng trên lập trường triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật.
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (c)

Câu 192: Vào năm 1841 - 1842, Ph. Ăngghen đã nhận thấy mâu thuẫn gì trong triết học của Hêghen?

a. Mâu thuẫn giữa phương pháp biện chứng và hệ thống duy tâm.

b. Mâu thuẫn giữa tính cách mạng và tính bảo thủ trong triết học Hêghen. (b)

c. Mâu thuẫn giữa phương pháp siêu hình và hệ thống duy tâm.

Câu 193: Tác phẩm nào đánh dấu việc hoàn thành bước chuyển từ lập trường triết học duy tâm sang lập trường triết học duy vật của Mác?

a. Nhận xét bản chỉ thị mới nhất về chế độ kiểm duyệt của Phổ.

b. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen.

c. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen. Lời nói đầu. (c)

Câu 194: Tác phẩm nào của Mác và Ăngghen đánh dấu sự hoàn thành về cơ bản triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung?

a. Hệ tư tưởng Đức

b. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản. (b)

c. Sự khốn cùng của triết học

d. Luận cương về Phoi-ơ-bắc.

Câu 195: Tác phẩm "Tư bản" do ai viết?

a. C. Mác. (a)

b. Ph. Ăngghen

c. C. Mác và Ph. Ăngghen

Câu 196: Tác phẩm "Chống Duyrinh" là của tác giả nào và viết vào năm nào?

a. C. Mác, vào 1876 - 1878

b. Ph. Ăngghen, vào 1876 - 1878. (b)

c. C. Mác và Ph. Ăngghen, vào 1877 - 1878.

d. Ph. Ăngghen, vào 1877 - 1878

Câu 197: Luận điểm sau là của ai và trong tác phẩm nào: "Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới"

a. Của Ph. Ăngghen, trong tác phẩm "Biện chứng của tự nhiên".

b. Của C. Mác, trong tác phẩm "Luận cương về Phoi-ơ-bắc". (b)

c. Của Lênin, trong tác phẩm "Bút ký triết học".

Câu 198: Thực chất bước chuyển cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện là nội dung nào sau đây?

a. Thống nhất giữa thế giới quan duy vật và phép biện chứng trong một hệ thống triết học. (a)

b. Thống nhất giữa triết học của Hêghen và triết học của Phoi-ơ-bắc.

c. Phê phán chủ nghĩa duy vật siêu hình của Phoi-ơ-bắc

d. Phê phán triết học duy tâm của Hêghen.

Câu 199: Thực chất bước chuyển cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện là nội dung nào sau đây?

a. Xây dựng được quan điểm duy vật biện chứng về lịch sử xã hội. (a)

b. Xây dựng được quan điểm duy vật về tự nhiên.

c. Xây dựng được quan điểm biện chứng về tự nhiên.

Câu 200: Thực chất bước chuyển cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện là nội dung nào sau đây?

a. Thống nhất phép biện chứng và thế giới quan duy vật trong một hệ thống triết học

b. Xây dựng được chủ nghĩa duy vật lịch sử

c. Xác định đối tượng triết học và khoa học tự nhiên, chấm dứt quan niệm sai lầm cho triết học là khoa học của mọi khoa học.

d. GỒM cả a, b và c. (d)

Câu 201: Khẳng định nào sau đây là sai

a. Triết học Mác cho triết học là khoa học của mọi khoa học. (a)

b. Theo quan điểm của triết học Mác triết học không thay thế được các khoa học cụ thể.

c. Theo quan điểm của triết học Mác sự phát triển của triết học quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của khoa học tự nhiên.

Câu 202: V.I. Lênin bổ sung và phát triển triết học Mác trong hoàn cảnh nào

a. Chủ nghĩa tư bản thế giới chưa ra đời.

b. Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời. (b)

c. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh.



Câu 203: Tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" là của tác giả nào và được xuất bản năm nào?

- a. Tác giả Plê-kha-nốp, xuất bản 1909
- b. Tác giả V.I. Lênin, xuất bản 1909.

(b)

- c. Tác giả Ph. Ăngghen, xuất bản 1910.
- d. Tác giả V.I. Lênin, xuất bản 1908

Câu 204: Tác phẩm "Bút ký triết học" là của tác giả nào?

- a. C. Mác. (c)
- c. V.I. Lênin

- b. Ph. Ăngghen.
- d. Hêghen

Câu 205: Lênin phê phán chủ nghĩa dân túy trong tác phẩm nào?

a. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

b. Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ ra sao. (b)

- c. Nhà nước và cách mạng
- d. Bút ký triết học

Câu 206: Đây là lập trường triết học của chủ nghĩa dân túy?

- a. Duy tâm chủ quan về lịch sử. (a)
- b. Duy tâm khách quan về lịch sử.
- c. Duy vật siêu hình về lịch sử.

Câu 207: Về triết học quan điểm của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán theo lập trường nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 208: Luận điểm về khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản ở khâu yếu nhất của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới là của ai?

- a. C. Mác. (c)
- c. V.I. Lênin.

- b. Ph. Ăngghen.
- d. Hồ Chí Minh

Câu 209: Chính sách kinh tế mới ở Nga đầu thế kỷ XX do ai đề xuất?

- a. Plê-kha-nốp
- c. Sít-ta-lin.

- b. V.I. Lênin. (b)

Câu 210: Một học thuyết triết học chỉ mang tính nhất nguyên khi nào?

- a. Khi thừa nhận tính thống nhất của thế giới. (a)
- b. Khi không thừa nhận sự thống nhất của thế giới.

c. Khi thừa nhận ý thức và vật chất độc lập với nhau

Câu 211: Quan điểm triết học nào cho rằng sự thống nhất của thế giới không phải ở tính tồn tại của nó mà ở tính vật chất của nó?

- a. Chủ nghĩa duy tâm
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (c)

Câu 212: Sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm về sự thống nhất của thế giới là ở cái gì?

- a. Thừa nhận tính tồn tại của thế giới.
- b. Thừa nhận tính vật chất của thế giới.

(b)

- c. Không thừa nhận tính tồn tại của thế giới.

Câu 213: Chủ nghĩa duy tâm tìm nguồn gốc của sự thống nhất của thế giới ở cái gì?

- a. Ở tính vật chất của thế giới.
- b. Ở ý niệm tuyệt đối hoặc ở ý thức của con người. (b)
- c. Ở sự vận động và chuyển hoá lẫn nhau của thế giới.

Câu 214: Quan điểm triết học nào cho rằng thế giới thống nhất vì được con người nghĩ về nó như một cái thống nhất

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 215: Quan điểm triết học nào tìm nguồn gốc của sự thống nhất của thế giới ở bản nguyên đầu tiên (ở thực thể đầu tiên duy nhất)?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình trước Mác.

(b)

- c. Chủ nghĩa duy tâm

Câu 216: Đây không phải là câu trả lời của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính thống nhất vật chất của thế giới

- a. Chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất.

b. Mọi bộ phận của thế giới vật chất đều liên hệ chuyển hoá lẫn nhau.

c. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, vĩnh viễn, vô hạn, vô tận, không do ai sinh ra và không mất đi.

d. Thế giới vật chất bao gồm những bộ phận riêng biệt nhau. (d)

Câu 217: Trường phái triết học phủ nhận sự tồn tại một thế giới duy nhất là thế giới vật chất?

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

c. Chủ nghĩa duy tâm. (c)

Câu 218: Điều khẳng định sau đây là đúng hay sai: Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng mới cho rằng mọi bộ phận của thế giới vật chất đều có mối liên hệ chuyển hoá lẫn nhau một cách khách quan.

a. Đúng (a)

b. Sai

c. Không xác định

Câu 219: Không thừa nhận tính vô hạn và vô tận của thế giới vật chất có chứng minh được tính thống nhất vật chất của thế giới không?

a. Có thể

b. Không thể (b)

Câu 220: Cho rằng có thế giới tinh thần tồn tại độc lập bên cạnh thế giới vật chất sẽ rơi vào quan điểm triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy tâm. (a)

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng .

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

d. có thể a hoặc b.

Câu 221: Nhà triết học nào coi sự vật cảm tính là cái bóng của ý niệm?

a. Đê-mô-crít c. Pla-tôn. (c)

b. A-ri-xtốt. d.

Hêghen.

Câu 222: Coi sự vật cảm tính là cái bóng của ý niệm. Đó là quan điểm của trường phái triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 223: Coi thế giới vật chất là kết quả của quá trình phát triển của ý niệm tuyệt đối là quan điểm của trường phái triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 224: Luận điểm cho: "tồn tại tức là được cảm giác" là của ai và thuộc lập trường triết học nào?

a. Cửa Hêghen, thuộc lập trường của chủ nghĩa duy tâm khách quan.

b. Cửa Béc-cơ-li, thuộc lập trường chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)

c. Cửa Pla-tôn, thuộc lập trường chủ nghĩa duy tâm khách quan.

d. Cửa A-ri-xtốt, thuộc lập trường chủ nghĩa duy vật.

Câu 225: Nhà triết học nào cho nước là thực thể đầu tiên của thế giới và quan điểm đó thuộc lập trường triết học nào?

a. Talét - chủ nghĩa duy vật tự phát.

(a)

b. Đidrô - Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c. Béc-cơ-li, - chủ nghĩa duy tâm chủ quan

d. Pla-tôn, - chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Câu 226: Nhà triết học nào coi lửa là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?

a. Đê-mô-crít, - chủ nghĩa duy vật tự phát

b. Hê-ra-clít, - chủ nghĩa duy vật tự

phát. (b)

c. Hê-ra-clít, - chủ nghĩa duy tâm khách quan.

d. Ana-ximen, - chủ nghĩa duy vật tự phát.

Câu 227: Nhà triết học nào cho nguyên tử và khoảng không là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?

a. Đê-mô-rít, chủ nghĩa duy vật tự phát. (a)

b. Hê-ra-clít, - chủ nghĩa duy vật tự phát

c. Đê-mô-crít, chủ nghĩa duy tâm khách quan.

d. A-ri-xtốt, - chủ nghĩa duy vật tự phát.

Câu 228: Đồng nhất vật chất nói chung với một vật thể hữu hình cảm tính đang tồn tại trong thế giới bên ngoài là quan điểm của trường phái triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy tâm.

b. Chủ nghĩa duy vật tự phát. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 229: Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử - một phần tử vật chất nhỏ nhất, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.
- b. Chủ nghĩa duy vật tự phát.  
(b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 230: Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại là gì?

- a. Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử.
- b. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình, cảm tính của vật chất. (b)
- c. Đồng nhất vật chất với khối lượng.
- d. Đồng nhất vật chất với ý thức.

Câu 131: Hạn chế chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại.

- a. Có tính chất duy tâm chủ quan.
- b. Có tính chất duy vật tự phát, là những phỏng đoán dựa trên những tài liệu cảm tính là chủ yếu, chưa có cơ sở khoa học. (b)
- c. Có tính chất duy vật máy móc siêu hình.

Câu 232: Đây là mặt tích cực trong quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại?

- a. Chống quan niệm máy móc siêu hình.
- b. Chống quan niệm duy tâm tôn giáo
- c. Thúc đẩy sự phát triển tư tưởng khoa học về thế giới.
- d. Gồm b và c. (d)
- g. Gồm cả a, b và c

Câu 233: Đỉnh cao nhất của tư tưởng duy vật cổ đại về vật chất là ở chỗ nào?

- a. Ở quan niệm về lửa là bản nguyên của thế giới
- b. Ở thuyết nguyên tử của Lơ-xíp và Ê-đê-mô-crít. (b)
- c. Ở quan niệm về con số là bản nguyên của thế giới.

Câu 234: Quan niệm duy vật về vật chất ở thế kỷ XVII - XVIII có tiến bộ hơn so với thời kỳ cổ đại không? nếu có thì tiến bộ ở chỗ nào?

- a. Không tiến bộ hơn.
- b. Có tiến bộ hơn ở chỗ không đồng nhất vật chất với dạng cụ thể của vật chất.

c. Có tiến bộ ở chỗ coi vật chất và vận động không tách rời nhau, vật chất và vận động có nguyên nhân tự thân. (c)

Câu 235: Đây là quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII.

- a. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình có tính chất cảm tính của vật chất.
- b. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể, đồng thời trong quan niệm về vật chất có nhiều yếu tố biện chứng. (b)
- c. Không đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất

Câu 236: Phương pháp tư duy nào chi phối những hiểu biết triết học duy vật về vật chất ở thế kỷ XVII - XVIII?

- a. Phương pháp biện chứng duy tâm
- b. Phương pháp biện chứng duy vật.
- c. Phương pháp siêu hình máy móc. (c)

Câu 237: Thuộc lập trường triết học nào khi giải thích mọi hiện tượng của tự nhiên bằng sự tác động qua lại của lực đẩy và lực hút của vật thể?

- a. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- d. Chủ nghĩa duy tâm.

Câu 238: Quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật thời kỳ nào đã quy giản sự khác nhau về chất giữa các vật về sự khác nhau về lượng?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng thời kỳ hiện đại
- b. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII (c)

Câu 239: Đồng nhất vật chất với khối lượng đó là quan niệm về vật chất của ai và ở thời kỳ nào?

- a. Các nhà triết học duy vật thời kỳ cổ đại.
- b. Các nhà triết học thời kỳ Phục hưng.
- c. Các nhà khoa học tự nhiên thế kỷ XVII - XVIII. (c)
- d. Các nhà triết học duy vật biện chứng thời kỳ cổ đại.

Câu 240: Coi vận động của vật chất chỉ là biểu hiện của vận động cơ học, đó là quan điểm về vận động và vật chất của ai?

- a. Các nhà triết học duy vật thời kỳ cổ đại.

b. Các nhà khoa học tự nhiên và triết học thế kỷ XVII - XVIII. (b)

c. Các nhà triết học duy vật biện chứng hiện đại.

d. Các nhà triết học duy tâm thế kỷ XVII - XVIII.

Câu 241: Những tài liệu nào ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm triết học về vật chất ở thế kỷ XVII - XVIII?

a. Quan sát trực tiếp

b. Khoa học tự nhiên ở trình độ lý luận.

c. Khoa học tự nhiên thực nghiệm nhất là cơ học. (c)

d. Khoa học xã hội.

Câu 242: Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hoặc một thuộc tính cụ thể của vật chất, coi vật chất có giới hạn tột cùng, đó là đặc điểm chung của hệ thống triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

c. Chủ nghĩa duy vật trước Mác.

(c)

d. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại.

Câu 243: Quan điểm của trường phái triết học nào coi khối lượng chỉ là thuộc tính của vật chất, gắn liền với vật chất?

a. Chủ nghĩa duy tâm.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (c)

Câu 244: Khẳng định nào sau đây là đúng?

a. Chủ nghĩa duy vật tự phát cổ đại đồng nhất vật chất nói chung với khối lượng.

b. Chủ nghĩa duy vật nói chung đồng nhất vật chất với khối lượng.

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII đồng nhất vật chất nói chung với khối lượng. (c)

Câu 245: Hiện tượng phóng xạ mà khoa học tự nhiên phát hiện ra chứng minh điều gì?

a. Vật chất nói chung là bất biến.

b. Nguyên tử là bất biến.

c. Nguyên tử là không bất biến. (c)

Câu 246: Phát minh ra hiện tượng phóng xạ và điện tử bác bỏ quan niệm triết học nào về vật chất

a. Quan niệm duy vật siêu hình về vật chất. (a)

b. Quan niệm duy tâm về vật chất cho nguyên tử không tồn tại.

c. Quan niệm duy vật biện chứng về vật chất.

Câu 247: Chủ nghĩa duy tâm đã lợi dụng những phát minh của khoa học tự nhiên về hiện tượng phóng xạ và điện tử để chứng minh cái gì?

a. Chứng minh nguyên tử không phải là bất biến.

b. Chứng minh nguyên tử biến đổi đồng nhất với vật chất mất đi. (b)

c. Chứng minh nguyên tử biến đổi nhưng vật chất nói chung không mất đi.

Câu 248: Quan niệm coi điện tử là phi vật chất thuộc lập trường triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

b. Chủ nghĩa duy tâm. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 249: Đồng nhất sự biến đổi của nguyên tử và khối lượng với sự biến mất của vật chất sẽ rơi vào quan điểm triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

c. Chủ nghĩa duy tâm. (c)

Câu 250: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về hiện tượng phóng xạ như thế nào?

a. Chứng minh nguyên tử không bất biến, nhưng không chứng minh vật chất biến mất. (a)

b. Chứng minh nguyên tử biến mất và vật chất cũng biến mất.

c. Chứng minh cơ sở vật chất của chủ nghĩa duy vật không còn.

Câu 251: Theo Lênin những phát minh của khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã làm tiêu tan cái gì?

a. Tiêu tan vật chất nói chung.

b. Tiêu tan dạng tồn tại cụ thể của vật chất.

c. Tiêu tan giới hạn hiểu biết trước đây về vật chất, quan điểm siêu hình về vật chất. (c)

Câu 252: Luận điểm cho rằng: "Điện tử cũng vô cùng vô tận, tự nhiên là vô tận" do ai nêu ra và trong tác phẩm nào?

a. Ăngghen nêu, trong tác phẩm "Chống Duyrinh".

- b. Mác nêu trong tác phẩm "Tư bản"  
 c. Lênin nêu trong tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán". (c)  
 d. Lênin nêu trong tác phẩm "Bút ký triết học".
- Câu 253: Quan điểm cho rằng: nhận thức mới về nguyên tử - phát hiện ra điện tử - làm cho nguyên tử không tồn tại, thuộc lập trường triết học nào?  
 a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.  
 b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)  
 c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  
 d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

- Câu 254: Quan điểm triết học nào cho rằng, nhận thức mới về nguyên tử chỉ bác bỏ quan niệm cũ về vật chất, không bác bỏ sự tồn tại vật chất nói chung?  
 a. Chủ nghĩa duy vật trước Mác.  
 b. Chủ nghĩa duy tâm.  
 c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- (c)  
 Câu 255: Định nghĩa về vật chất của Lênin được nêu trong tác phẩm nào?  
 a. Biện chứng của tự nhiên  
 b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán. (b)  
 c. Bút ký triết học  
 d. Nhà nước và cách mạng.

- Câu 256: Đây là quan niệm về vật chất của triết học Mác - Lênin?  
 a. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất.  
 b. Không đồng nhất vật chất nói chung với dạng cụ thể của vật chất.(b)  
 c. Coi có vật chất chung tồn tại tách rời các dạng cụ thể của vật chất.

- Câu 257: Thêm cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa về vật chất của Lênin: Vật chất là .....(1) dùng để chỉ .....(2).. được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ảnh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.  
 a. 1- Vật thể, 2- hoạt động  
 b. 1- Phạm trù triết học, 2- Thực tại khách quan. (b)  
 c. 1- Phạm trù triết học, 2- Một vật thể

Câu 258: Định nghĩa về vật chất của Lênin bao quát đặc tính quan trọng nhất của mọi dạng vật chất để phân biệt với ý thức, đó là đặc tính gì?

a. Thực tại khách quan độc lập với ý thức của con người. (a)

b. Vận động và biến đổi.

c. Có khối lượng và quảng tính.

Câu 259: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học có đặc tính gì?

a. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức. (a)

b. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi.

c. Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại.

Câu 260: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, chân không có vật chất tồn tại không?

a. Có. (a)

b. Không có

c. Vừa có, vừa không có.

Câu 261: Khẳng định sau đây là đúng hay sai: chủ nghĩa duy vật biện chứng không thừa nhận cái gì con người biết được mới là vật chất.

a. Đúng (a) c. Vừa đúng, vừa sai

b. Sai.

Câu 262: Đây là quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng

a. Vật chất là cái gây nên cảm giác cho chúng ta. (a)

b. Cái gì không gây nên cảm giác ở chúng ta thì không phải là vật chất

c. Cái không cảm giác được thì không phải là vật chất.

Câu 263: Quan điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: cái gì cảm giác được là vật chất.

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (d)

Câu 264: Khẳng định nào sau đây là đúng?

a. Định nghĩa về vật chất của Lênin thừa nhận vật chất tồn tại khách quan ngoài ý thức con người, thông qua các dạng cụ thể. (a)

b. Định nghĩa về vật chất của Lênin thừa nhận vật chất nói chung tồn tại vĩnh viễn, tách rời các dạng cụ thể của vật chất

c. Định nghĩa về vật chất của Lênin đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể của vật chất.

d. Cả a, b, c, đều đúng

Câu 265: Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận Lênin muốn khẳng định điều gì?

a. Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan. (a)

b. Cảm giác ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất.

c. Cảm giác, ý thức phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất.

Câu 266: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất?

a. Vật chất là vật thể

b. Vật chất không loại trừ cái không là vật thể. (b)

c. Không là vật thể thì không phải là vật chất.

Câu 267: Quan điểm triết học nào tách rời vật chất với vận động

a. Chủ nghĩa duy tâm.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 268: Trường phái triết học nào cho vận động bao gồm mọi sự biến đổi của vật chất, là phương thức tồn tại của vật chất.

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (b)

c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Câu 269: Nếu cho rằng có vật chất không vận động và có vận động thuần túy ngoài vật chất sẽ rơi vào lập trường triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 270: Trường phái triết học nào cho không thể có vật chất không vận động và không thể có vận động ngoài vật chất.

a. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (c)

Câu 271: Đây là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động.

a. Có vật chất không vận động.

b. Có vận động thuần túy ngoài vật chất.

c. Không có vận động thuần túy ngoài vật chất. (c)

Câu 272: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

a. Vận động là sự tự thân vận động của vật chất, không được sáng tạo ra và không mất đi. (a)

b. Vận động là sự đẩy và hút của vật thể.

c. Vận động được sáng tạo ra và có thể mất đi.

Câu 273: Ph. Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản:

a. 4 hình thức

c. 5 hình thức cơ

bản. (c)

b. 3 hình thức

Câu 274: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là thấp nhất?

a. Cơ học (a)

c. Hoá học

b. Vật lý

Câu 275: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất và phức tạp nhất?

a. Sinh học.

c. Vận động xã

hội. (c)

b. Hoá học.

Câu 276: Trường phái triết học nào cho vận động và đứng im không tách rời nhau?

a. Chủ nghĩa duy vật tự phát.

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

Câu 277: Trường phái triết học nào cho vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối?

a. Chủ nghĩa duy vật tự phát.

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

Câu 278: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, không tách rời vật chất. (a)

b. Không gian và thời gian phụ thuộc vào cảm giác của con người

c. Tồn tại không gian và thời gian thuần túy ngoài vật chất.

Câu 279: Trường phái triết học nào cho không gian và thời gian là do thói quen của con người quy định

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Câu 280: Khẳng định sau đây đúng hay sai: Quan điểm siêu hình cho có không gian thuần túy tồn tại ngoài vật chất.

- a. Sai
- b. Đúng. (b)

Câu 281: Khẳng định sau đây đúng hay sai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho không có không gian và thời gian thuần túy ngoài vật chất.

- a. Đúng (a)
- b. Sai.

Câu 282: Luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Chủ nghĩa duy tâm thừa nhận tính khách quan, vô tận và vĩnh cửu của không gian và thời gian

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thừa nhận tính khách quan, vô tận, gắn liền với vật chất của không gian và thời gian.

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng thừa nhận không gian, thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, có tính khách quan, vô tận và vĩnh cửu. (c)

Câu 283: Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nguồn gốc của ý thức?

a. Là sự phản ánh của hiện thực khách quan.

b. Là thuộc tính của bộ não người, do não người tiết ra.

c. Phủ nhận nguồn gốc vật chất của ý thức. (c)

Câu 284: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về phản ánh?

a. Phản ánh là thuộc tính của mọi dạng vật chất là cái vốn có của mọi dạng vật chất. (a)

b. Phản ánh chỉ là đặc tính của một số vật thể.

c. Phản ánh không phải là cái vốn có của thế giới vật chất, chỉ là ý thức con người tưởng tượng ra.

Câu 285: Đồng nhất ý thức với phản ánh vật lý, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình trước Mác.

(c)

d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Câu 286: Trường phái triết học nào đồng nhất ý thức với một dạng vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- b. Chủ nghĩa duy vật tầm thường. (b)
- c. Chủ nghĩa duy tâm.

Câu 287: Trường phái triết học nào cho ý thức không phải là chức năng của não

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII -

XVIII.

Câu 288: Trường phái triết học nào cho quá trình ý thức không tách rời đồng thời không đồng nhất với quá trình sinh lý thần kinh của não người?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (a)
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Câu 289: Đây là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc tự nhiên của ý thức?

- a. Ý thức tồn tại trên cơ sở quá trình sinh lý của não người.
- b. Ý thức không đồng nhất với quá trình sinh lý của não người.
- c. Ý thức đồng nhất với quá trình sinh lý của não người.
- d. Gồm a và b. (d)

Câu 290: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thiếu sự tác động của thế giới khách quan vào não người, có hình thành và phát triển được ý thức không?

- a. Không (a)
- b. Có thể hình thành được

c. Vừa có thể, vừa không thể

Câu 291: Luận điểm nào sau đây là của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc của ý thức

- a. Có não người, có sự tác động của thế giới vào não người là có sự hình thành và phát triển ý thức.
- b. Không cần sự tác động của thế giới vật chất vào não người vẫn hình thành được ý thức.

c. Có não người, có sự tác động của thế giới bên ngoài vẫn chưa đủ điều kiện để hình thành và phát triển ý thức. (c)

Câu 292: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ở động vật bậc cao có thể đạt đến hình thức phản ánh nào?

- a. Phản ánh ý thức.
- b. Phản ánh tâm lý động vật. (b)
- c. Tính kích thích.

Câu 293: Điều khẳng định nào sau đây là sai?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao chưa có ý thức.
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao cũng có ý thức. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng chỉ có con người mới có ý thức
- d. Chủ nghĩa duy vật đều cho ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào óc con người.

Câu 294: Hình thức phản ánh đặc trưng của của thế giới vô cơ là gì?

- a. Phản ánh vật lý hoá học. (a)
- b. Phản ánh sinh học.
- c. Phản ánh ý thức.

Câu 295: Hình thức phản ánh đặc trưng của thế giới thực vật và động vật chưa có hệ thần kinh là gì?

- a. Phản ánh vật lý, hoá học.
- b. Tính kích thích. (b)
- c. Tính cảm ứng
- d. Tâm lý động vật.

Câu 296: Hình thức phản ánh đặc trưng của động vật có hệ thần kinh là gì?

- a. Tính kích thích.
- b. Tâm lý động vật.
- c. Tính cảm ứng.
- d. Các phản xạ. (d)

Câu 297: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc của ý thức?

- a. Ý thức ra đời là kết quả quá trình phát triển lâu dài thuộc tính phản ánh của thế giới vật chất. (a)
- b. Ý thức ra đời là kết quả sự tác động lẫn nhau giữa các sự vật vật chất.
- c. Ý thức ra đời là kết quả quá trình tiến hoá của hệ thần kinh.

Câu 298: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nguồn gốc tự nhiên của ý thức gồm những yếu tố nào?

- a. Bộ óc con người. (d)
- Gồm a và b.
- b. Thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc. (g)
- Gồm cả a, b, và c.
- c. Lao động của con người

Câu 299: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng điều kiện cần và đủ cho sự ra đời và phát triển ý thức là những điều kiện nào?

- a. Bộ óc con người và thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc người
- b. Lao động của con người và ngôn ngữ.
- c. Gồm cả a, và b. (c)

Câu 300: Nguồn gốc xã hội của ý thức là yếu tố nào?

- a. Bộ óc con người.
- b. Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người.
- c. Lao động và ngôn ngữ của con người. (c)

Câu 301: Nguồn gốc xã hội cho sự ra đời của ý thức là yếu tố nào?

- a. Bộ não người.
- b. Thế giới vật chất bên ngoài tác động vào bộ não.
- c. Lao động và ngôn ngữ. (c)

Câu 302: Yếu tố đầu tiên đảm bảo cho sự tồn tại của con người là gì?

- a. Làm khoa học. (c)
- b. Sáng tạo nghệ thuật. (d)
- c. Lao động.
- d. Làm chính trị.

Câu 303: Nhân tố nào làm con người tách khỏi thế giới động vật?

- a. Hoạt động sinh sản duy trì nòi giống.
- b. Lao động. (b)
- c. Hoạt động tư duy phê phán.

Câu 304: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, quá trình hình thành ý thức là quá trình nào?

- a. Tiếp thu sự tác động của thế giới bên ngoài.
- b. Sáng tạo thuần túy trong tư duy con người.
- c. Hoạt động chủ động cải tạo thế giới và phản ánh sáng tạo thế giới. (c)

Câu 305: Để phản ánh khái quát hiện thực khách quan và trao đổi tư tưởng con người cần có cái gì?



a. Cộng cụ lao động. (c)  
Ngôn ngữ. (c)

b. Cơ gian cảm giác.

Câu 306: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là gì?

a. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người.

b. Lao động, thực tiễn xã hội. (b)

c. Bộ não người và hoạt động của nó.

Câu 307: Quan điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: ý thức là thực thể độc lập, là thực tại duy nhất.

a. Chủ nghĩa duy tâm. (a)

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 308: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

a. Ý thức là thực thể độc lập.

b. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người.

c. Ý thức là sự phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan vào bộ óc con người. (c)

d. Ý thức là năng lực của mọi dạng vật chất.

Câu 309: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

a. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. (a)

b. Ý thức là hình ảnh phản chiếu về thế giới khách quan.

c. Ý thức là tượng trưng của sự vật.

Câu 310: Sự khác nhau cơ bản giữa phản ánh ý thức và các hình thức phản ánh khác của thế giới vật chất là ở chỗ nào?

a. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh.

b. Tính sáng tạo năng động. (b)

c. Tính bị quy định bởi vật phản ánh.

Câu 311: Quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính sáng tạo của ý thức là thế nào?

a. Ý thức tạo ra vật chất.

b. Ý thức tạo ra sự vật trong hiện thực.

c. Ý thức tạo ra hình ảnh mới về sự vật trong tư duy. (c)

Câu 312: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong kết cấu của ý thức yếu tố nào là cơ bản và cốt lõi nhất?

a. Tri thức. (a) c. Niềm tin, ý chí.

b. Tình cảm.

Câu 313: Kết cấu theo chiều dọc (chiều sâu) của ý thức gồm những yếu tố nào?

a. Tự ý thức; tiềm thức; vô thức. (a)

b. Tri thức; niềm tin; ý chí.

c. Cảm giác, khái niệm; phán đoán

Câu 314: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

a. Ý thức do vật chất quyết định.

b. Ý thức tác động đến vật chất.

c. Ý thức do vật chất quyết định, nhưng có tính độc lập tương đối và tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn. (c)

Câu 315: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ý thức tác động đến đời sống hiện thực như thế nào?

a. Ý thức tự nó có thể làm thay đổi được hiện thực.

b. Ý thức tác động đến hiện thực thông qua hoạt động thực tiễn. (b)

c. Ý thức tác động đến hiện thực thông qua hoạt động lý luận.

Câu 316: Quan điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Nhận thức sự vật và hoạt động thực tiễn chỉ dựa vào những nguyên lý chung, không xuất phát từ bản thân sự vật,?

a. Chủ nghĩa kinh nghiệm.

b. Chủ nghĩa duy tâm kinh viện. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 317: Hoạt động chỉ dựa theo ý muốn chủ quan không dựa vào thực tiễn là lập trường triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (c) c. Chủ nghĩa duy tâm.

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 318: Quan điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn phải lấy hiện thực khách quan làm căn cứ, không được lấy mong muốn chủ quan làm căn cứ.

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (a)

b. Chủ nghĩa duy tâm.

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 319: Phép biện chứng duy vật có mấy nguyên lý cơ bản?

a. Một nguyên lý cơ bản

b. Hai nguyên lý cơ bản. (b)

c. Ba nguyên lý cơ bản.

Câu 320: Nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật là nguyên lý nào?

a. Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của vật chất.

b. Nguyên lý về sự vận động và đứng im của các sự vật.

c. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển. (c)

d. Nguyên lý về tính liên tục và tính gián đoạn của thế giới vật chất.

Câu 321: Quan điểm siêu hình trả lời câu hỏi sau đây như thế nào: Các sự vật trong thế giới có liên hệ với nhau không?

a. Các sự vật tồn tại biệt lập với nhau, không liên hệ, phụ thuộc nhau.

b. Các sự vật có thể có liên hệ với nhau, nhưng chỉ mang tính chất ngẫu nhiên, bề ngoài.

c. Các sự vật tồn tại trong sự liên hệ nhau.

d. Gồm a và b. (d)

Câu 322: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng trả lời câu hỏi sau đây như thế nào: Các sự vật trong thế giới có liên hệ với nhau không?

a. Các sự vật hoàn toàn biệt lập nhau.

b. Các sự vật liên hệ nhau chỉ mang tính chất ngẫu nhiên.

c. Các sự vật vừa khác nhau, vừa liên hệ, ràng buộc nhau một cách khách quan và tất yếu.

(c)

Câu 323: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan mối liên hệ giữa các sự vật do cái gì quyết định?

a. Do lực lượng siêu tự nhiên (thượng đế) quyết định.

b. Do bản tính của thế giới vật chất.

c. Do cảm giác của con người quyết định.

(c)

Câu 324: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan, mối quan hệ giữa các sự vật do cái gì quyết định?

a. Do lực lượng siêu nhiên (thượng đế, ý niệm tuyệt đối) quyết định. (a)

b. Do cảm giác, thói quen con người quyết định.

c. Do bản tính của thế giới vật chất.

Câu 325: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa khái niệm về "liên hệ": Liên hệ là phạm trù triết học chỉ ..... giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một hiện tượng trong thế giới

a. Sự di chuyển.

b. Những thuộc tính, những đặc điểm

c. Sự quy định, sự tác động qua lại, sự chuyển hoá lẫn nhau. (c)

Câu 326: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng là từ đâu?

a. Do lực lượng siêu nhiên (thượng đế, ý niệm) sinh ra.

b. Do tính thống nhất vật chất của thế giới. (b).

c. Do cảm giác thói quen của con người tạo ra.

d. Do tư duy con người tạo ra rồi đưa vào tự nhiên và xã hội.

Câu 327: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?

a. Tính ngẫu nhiên, chủ quan.

b. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng. (b)

c. Tính khách quan, nhưng không có tính phổ biến và đa dạng.

Câu 328: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng một sự vật trong quá trình tồn tại và phát triển có một hay nhiều mối liên hệ.

a. Có một mối liên hệ

b. Có một số hữu hạn mối liên hệ

c. Có vô vàn các mối liên hệ. (c).

Câu 329: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?

a. Có vai trò ngang bằng nhau.

b. Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ.

c. Có vai trò khác nhau, cần phải xem xét mọi mối liên hệ. (c).

Câu 330: Quan điểm nào cho rằng thế giới vô cơ, thế giới sinh vật và xã hội loài người là 3 lĩnh vực hoàn toàn khác biệt nhau, không quan hệ gì với nhau?

a. Quan điểm siêu hình.

(a)

b. Quan điểm biện chứng duy vật.

c. Quan điểm duy tâm biện chứng.  
Câu 331: Quan điểm nào cho rằng mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới là biểu hiện của mối liên hệ giữa các ý niệm?

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (c)
- d. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Câu 332: Đòi hỏi của quan điểm toàn diện như thế nào?

- a. Chỉ xem xét một mối liên hệ.
- b. Phải xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vật.
- c. Phải xem xét tất cả các mối liên hệ đồng thời phân loại được vị trí, vai trò của các mối liên hệ. (c)

Câu 333: Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là nguyên lý nào?

- a. Nguyên lý về sự phát triển.
- b. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.
- (b)
- c. Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất.

Câu 334: Trong những luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a. Xem xét sự phát triển chỉ là sự tăng, hay giảm đơn thuần về lượng. (a)
- b. Xem sự phát triển bao hàm cả sự thay đổi dần về lượng và sự nhảy vọt về chất.
- c. Xem sự phát triển đi lên bao hàm cả sự thụt lùi tạm thời.

Câu 335: Trong các quan điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a. Xem xét sự phát triển như một quá trình tiến lên liên tục, không có bước quanh co, thụt lùi, đứt đoạn. (a)
- b. Xem xét sự phát triển là một quá trình tiến từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, bao hàm cả sự thụt lùi, đứt đoạn.
- c. Xem xét sự phát triển như là quá trình đi lên bao hàm cả sự lặp lại cái cũ trên cơ sở mới.

Câu 336: Trong các quan điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a. Chất của sự vật không thay đổi gì trong quá trình tồn tại và phát triển của chúng. (a)

b. Phát triển là sự chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất.

c. Phát triển bao hàm sự nảy sinh chất mới và sự phá vỡ chất cũ.

Câu 337: Luận điểm sau đây về sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển diễn ra theo con đường tròn khép kín, là sự lặp lại đơn thuần cái cũ".

- a. Quan điểm biện chứng duy vật.
- b. Quan điểm siêu hình. (b)
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm.

Câu 338: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển chỉ là những bước nhảy về chất, không có sự thay đổi về lượng".

- a. Triết học duy vật biện chứng.
- b. Triết học duy vật siêu hình. (b)
- c. Triết học biện chứng duy tâm.

Câu 339: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển là quá trình chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất và ngược lại".

- a. Quan điểm biện chứng. (a)
- b. Quan điểm siêu hình.
- c. Quan điểm chiết trung và nguy hiểm.

Câu 340: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển là quá trình vận động tiến lên theo con đường xoáy ốc".

- a. Quan điểm siêu hình.
- b. Quan điểm chiết trung và nguy hiểm.
- c. Quan điểm biện chứng. (c)

Câu 341: Luận điểm sau đây về nguồn gốc của sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển là do sự sắp đặt của thượng đế và thần thánh".

- a. Chủ nghĩa duy tâm có tính chất tôn giáo. (a)
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- c. Chủ nghĩa duy vật tự phát.

Câu 342: Luận điểm sau đây về nguồn gốc của sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "phát triển trong hiện thực là tồn tại khác, là biểu hiện của sự phát triển của ý niệm tuyệt đối".

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 343: Luận điểm sau đây về nguồn gốc sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Phát triển của các sự vật là do cảm giác, ý thức con người quyết định".

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (a)
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 344: Luận điểm sau đây về nguồn gốc của sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: "Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong chính sự vật quy định sự phát triển của sự vật".

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (c)
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 345: Trong các luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Phát triển của các sự vật là biểu hiện của sự vận động của ý niệm tuyệt đối.
- b. Phát triển của các sự vật do cảm giác, ý thức con người quyết định.
- c. Phát triển của các sự vật do sự tác động lẫn nhau của các mặt đối lập của bản thân sự vật quyết định. (c)

Câu 346: Trong những luận điểm sau, đâu là định nghĩa về sự phát triển theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Phát triển là phạm trù chỉ sự vận động của các sự vật.
- b. Phát triển là phạm trù chỉ sự liên hệ giữa các sự vật.
- c. Phát triển là phạm trù chỉ quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của các sự vật. (c)

Câu 347: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận định nào sau đây là không đúng?

- a. Phát triển bao quát toàn bộ sự vận động nói chung.
- b. Phát triển chỉ khái quát xu hướng vận động đi lên của các sự vật. (b)
- c. Phát triển chỉ là một trường hợp cá biệt của sự vận động.

Câu 348: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Phát triển là xu hướng chung của sự vận động của thế giới vật chất.(a)

b. Phát triển là xu hướng chung nhưng không bản chất của sự vận động của sự vật.

c. Phát triển là xu hướng cá biệt của sự vận động của các sự vật.

Câu 349: Trong thế giới vô cơ sự phát triển biểu hiện như thế nào?

a. Sự tác động qua lại giữa các kết cấu vật chất trong điều kiện nhất định làm nảy sinh các hợp chất mới. (a)

b. Sự hoàn thiện của cơ thể thích ứng tốt hơn với sự biến đổi của môi trường.

c. Điều chỉnh hoạt động của cơ thể cho phù hợp với môi trường sống.

Câu 450: Trong xã hội sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?

a. Sự xuất hiện các hợp chất mới.

b. Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường.

c. Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác dân chủ, văn minh hơn. (c).

Câu 351: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những tính chất nào sau đây là tính chất của sự phát triển?

a. Tính khách quan.

b. Tính phổ biến.

c. Tính chất đa dạng, phong phú trong nội dung và hình thức phát triển.

d. Cả a, b, và c. (d)

Câu 352: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng điều khẳng định nào sau đây là đúng?

a. Mong muốn của con người quy định sự phát triển.

b. Mong muốn của con người tự nó không có ảnh hưởng đến sự phát triển của các sự vật. (b)

c. Mong muốn của con người hoàn toàn không có ảnh hưởng gì đến sự phát triển của các sự vật.

Câu 353: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Nguyện vọng, ý chí của con người tự nó tác động đến sự phát triển.

b. Nguyện vọng, ý chí của con người không có ảnh hưởng gì đến sự phát triển.

c. Nguyên vọng, ý chí của con người có ảnh hưởng đến sự phát triển thông qua hoạt động thực tiễn. (c)

Câu 354: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Sự phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy là hoàn toàn đồng nhất với nhau".

- a. Quan điểm siêu hình. (a)
- b. Quan điểm biện chứng duy vật.
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm.

Câu 355: Luận điểm sau đây thuộc quan điểm triết học nào: "Quá trình phát triển của mỗi sự vật là hoàn toàn khác biệt nhau, không có điểm chung nào".

- a. Quan điểm siêu hình. (a)
- b. Quan điểm biện chứng duy vật.
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm.

Câu 356: Luận điểm sau đây thuộc quan điểm triết học nào: Quá trình phát triển của các sự vật vừa khác nhau, vừa có sự thống nhất với nhau.

- a. Quan điểm biện chứng. (a)
- b. Quan điểm siêu hình.
- c. Quan điểm chiết trung và nguy biện.

Câu 357: Trong nhận thức cần quán triệt quan điểm phát triển. Điều đó dựa trên cơ sở lý luận của nguyên lý nào?

- a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.
- b. Nguyên lý về sự phát triển. (b)
- c. Nguyên lý về tính thống nhất vật chất của

thế giới.

Câu 358: Quan điểm phát triển đòi hỏi phải xem xét sự vật như thế nào?

- a. Xem xét trong trạng thái đang tồn tại của sự vật.
- b. Xem xét sự chuyển hoá từ trạng thái này sang trạng thái kia.
- c. Xem xét các giai đoạn khác nhau của sự vật.
- d. Gồm cả a, b, c. (d)

Câu 359: Trong nhận thức sự vật chỉ xem xét ở một trạng thái tồn tại của nó thì thuộc vào lập trường triết học nào?

- a. Quan điểm siêu hình phiến diện. (a)
- b. Quan điểm chiết trung.
- c. Quan điểm biện chứng duy vật.

Câu 360: Thêm các tập hợp từ thích hợp vào câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Trên thực tế các quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử cụ thể phải....

- a. Tách rời nhau hoàn toàn.
- b. Không tách rời nhau. (b)
- c. Có lúc tách rời nhau, có lúc không.

Câu 361: Thêm cụm từ nào vào câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển phải .....

- a. Đồng nhất với nhau một cách hoàn toàn.
- b. Độc lập với nhau một cách hoàn toàn.
- c. Quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không đồng nhất với nhau. (c)

Câu 362: Các phạm trù số, hàm số, điểm, đường, mặt là phạm trù của khoa học nào?

- a. Vật lý (c)
- b. Hoá học (d)
- c. Toán học.
- d. Triết học.

Câu 363: Các phạm trù: thực vật, động vật, tế bào, đồng hoá, dị hoá là những phạm trù của khoa học nào

- a. Toán học (c)
- b. Vật lý học (d)
- c. Sinh vật học.
- d. Triết học.

Câu 364: Các phạm trù: vật chất, ý thức, vận động, mâu thuẫn, bản chất, hiện tượng là những phạm trù của khoa học nào?

- a. Kinh tế chính trị học (c)
- b. Luật học. (d)
- c. Hoá học.
- d. Triết học.

Câu 365: Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa về phạm trù: "phạm trù là những ..... phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định".

- a. Khái niệm.
- b. Khái niệm rộng nhất.
- c. Khái niệm cơ bản nhất.
- d. Gồm b và c. (d)

Câu 366: Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù triết học: "Phạm trù triết học là những .....(1).... phản ánh những mặt, những mối liên hệ cơ bản và phổ biến nhất của ..... (2).... hiện thực".

- a. 1- khái niệm, 2- các sự vật của.
- b. 1- Khái niệm rộng nhất, 2- một lĩnh vực của.

c. 1- Khái niệm chung nhất, 2- toàn bộ thế giới. (c)

Câu 367: Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được một luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Quan hệ giữa phạm trù triết học và phạm trù của các khoa học cụ thể là quan hệ giữa ....

(1)....và ....(2)....

- a. 1- cái riêng, 2- cái riêng.
- b. 1- cái riêng, 2- cái chung.
- c. 1- cái chung, 2- cái riêng. (c)
- d. 1- cái chung, 2- cái chung.

Câu 368: Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù là những thực thể ý niệm tồn tại độc lập với ý thức con người và thế giới vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (a)
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 369: Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù được hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. (a)
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

Câu 370: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng phạm trù có tính chất chủ quan hay khách quan?

- a. Khách quan
- b. Chủ quan
- c. Vừa khách quan, vừa chủ quan. (c)

Câu 371: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính chất của các phạm trù: Nội dung của phạm trù có tính ..(1) ..., hình thức của phạm trù có tính...(2)..

- a. 1- chủ quan, 2- khách quan
- b. 1- chủ quan, 2- chủ quan.
- c. 1- khách quan, 2- chủ quan. (c)

Câu 372: Quan điểm triết học nào cho các phạm trù hoàn toàn tách rời nhau, không vận động, phát triển?

- a. Quan điểm siêu hình. (a)
- b. Quan điểm duy vật biện chứng.
- c. Quan điểm duy tâm biện chứng.

Câu 373: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái riêng: "cái riêng là phạm trù triết học dùng để chỉ ....."

- a. Một sự vật, một quá trình riêng lẻ nhất định. (a)
- b. Một đặc điểm chung của các sự vật
- c. Nét đặc thù của một số các sự vật.

Câu 374: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái chung: "cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ ....., được lặp lại trong nhiều sự vật hay quá trình riêng lẻ".

- a. Một sự vật, một quá trình.
- b. Những mặt, những thuộc tính. (b)
- c. Những mặt, những thuộc tính không

Câu 375: Thêm cụm từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái đơn nhất: "Cái đơn nhất là phạm trù triết học dùng để chỉ....."

- a. Những mặt lặp lại trong nhiều sự vật
- b. Một sự vật riêng lẻ.
- c. Những nét, những mặt chỉ ở một sự vật

(c)

Câu 376: Phái triết học nào cho chỉ có cái chung tồn tại thực, còn cái riêng không tồn tại thực?

- a. Phái Duy Thực. (a)
- c.

Phái duy biện

- b. Phái Duy Danh
- d. Phái chiết trung

Câu 377: Trường phái triết học nào thừa nhận chỉ có cái riêng tồn tại thực, cái chung chỉ là tên gọi trống rỗng?

- a. Phái Duy Thực
- b. Phái Duy Danh (b)
- c. Phái chiết trung
- d. Phái duy biện.

Câu 378: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phái duy Thực hay phái Duy Danh giải quyết đúng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung?

- a. Phái Duy Danh đúng
- b. Phái Duy Thực đúng
- c. Cả hai đều đúng
- d. Cả hai đều sai. (d)

Câu 379: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng

- a. Chỉ có cái chung tồn tại khách quan và vĩnh viễn.
- b. Chỉ có cái riêng tồn tại khách quan và thực sự
- c. Cái riêng và cái chung đều tồn tại khách quan và không tách rời nhau. (c)

Câu 380: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

- a. Cái chung tồn tại khách quan, bên ngoài cái riêng.
- b. Cái riêng tồn tại khách quan không bao chứa cái chung
- c. Không có cái chung thuần túy tồn tại ngoài cái riêng, cái chung tồn tại thông qua cái riêng.

(c)

Câu 381: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

- a. Cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ với cái chung. (a)
- b. Cái riêng không bao chứa cái chung nào.
- c. Cái riêng và cái chung hoàn toàn tách rời nhau

Câu 382: Trong những luận điểm sau, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Mỗi con người là một cái riêng, không có gì chung với người khác,
- b. Mỗi con người vừa là cái riêng, đồng thời có nhiều cái chung với người khác. (b)
- c. Mỗi người chỉ là sự thể hiện của cái chung, không có cái đơn nhất của nó.

Câu 383: Luận điểm nào sau đây là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a. Mỗi khái niệm là một cái riêng
- b. Mỗi khái niệm là một cái chung.
- c. Mỗi khái niệm vừa là cái riêng vừa là cái chung. (c)

Câu 384: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chỉ có cái cây cụ thể tồn tại, không có cái cây nói chung tồn tại, nên khái niệm cái cây là giả dối"

- a. Phái Duy Thực nghĩa duy vật biện chứng
- b. Phái Duy Danh. (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Phái duy vật biện.

Câu 385: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phạm trù vật chất không có sự tồn tại hữu hình như một vật cụ thể. Phạm trù vật chất bao quát đặc điểm chung tồn tại trong các vật cụ thể".

- a. Phái Duy Thực nghĩa duy vật biện chứng. (c)
- b. Phái Duy Danh
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 386: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Không có cái chung tồn tại thuần túy bên ngoài cái riêng. Không có cái riêng tồn tại không liên hệ với cái chung"

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng (b)
- c. Chủ nghĩa duy tâm siêu hình.

Câu 387: Có người nói tam giác vuông là cái riêng, tam giác thường là cái chung. Theo anh (chị) như vậy đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai
- c. Vừa đúng, vừa sai (c)

Câu 388: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm sau đây đúng hay sai: "Muốn nhận thức được cái chung phải xuất phát từ cái riêng".

- a. Đúng (a)
- b. Sai
- c. Không xác định

Không xác định

- b. Sai

Câu 389\*: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nguyên nhân: Nguyên nhân là phạm trù chỉ ....(1).. giữa các mặt trong một sự vật, hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra ...(2)..

- a. 1- sự liên hệ lẫn nhau, 2- một sự vật mới
- b. 1- sự thống nhất, 2- một sự vật mới
- c. 1- sự tác động lẫn nhau, 2- một biến đổi nhất định nào đó. (c)

Câu 390: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm kết quả: "Kết quả là ...(1).. do ...(2).. lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra"

- a. 1- mối liên hệ, 2- kết hợp
- b. 1- sự tác động, 2- những biến đổi
- c. 1- những biến đổi xuất hiện, 2- sự tác động. (c)

Câu 391: Xác định nguyên nhân của sự phát sáng của dây tóc bóng đèn.

- a. Nguồn điện  
b. Dây tóc bóng đèn  
c. Sự tác động giữa dòng điện và dây tóc bóng đèn (c)
- Câu 392: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng đâu là nguyên nhân của cách mạng vô sản.  
a. Sự xuất hiện giai cấp tư sản.  
b. Sự xuất hiện nhà nước tư sản  
c. Sự xuất hiện giai cấp vô sản và Đảng của nó  
d. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. (d)
- Câu 393: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nguyên nhân để hạt thóc nảy mầm là gì?  
a. Độ ẩm của môi trường  
b. Nhiệt độ của không khí  
c. Sự tác động giữa hạt thóc với nhiệt độ không khí và nước. (c)
- Câu 394: Theo quan điểm duy vật biện chứng nguyên nhân của nước sôi là gì  
a. Nhiệt độ của bếp lò  
b. Các phân tử nước  
c. Sự tác động giữa các phân tử nước với nhiệt độ của bếp lò (c)
- Câu 395: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng  
a. Có thể coi nguyên nhân và kết quả nằm ở hai sự vật khác nhau.  
b. Không thể coi nguyên nhân và kết quả nằm ở hai sự vật khác nhau.(b)  
c. Nguyên nhân và kết quả không cùng một kết cấu vật chất.
- Câu 396: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Mối liên hệ nhân quả là do cảm giác con người quy định"  
a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.  
b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)  
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.  
d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- Câu 397: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Mối liên hệ nhân quả là do ý niệm tuyệt đối quyết định.  
a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (a)  
b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  
d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

- Câu 398: Luận điểm sau đây là của trường phái triết học nào: Mối liên hệ nhân quả tồn tại khách quan phổ biến và tất yếu trong thế giới vật chất.  
a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan  
b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan  
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng (c).
- Câu 399: Luận điểm sau đây là thuộc lập trường triết học nào: Mọi hiện tượng, quá trình đều có nguyên nhân tồn tại khách quan không phụ thuộc vào việc chúng ta có nhận thức được điều đó hay không.  
a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.  
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng (c)
- Câu 400: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Không thể khẳng định một hiện tượng nào đó có nguyên nhân hay không khi chưa nhận thức được nguyên nhân của nó.  
a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (a)  
b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan  
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  
d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- Câu 401: Trong những luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?  
a. Ý thức con người không sáng tạo ra mối liên hệ nhân quả của hiện thực. (a)  
b. Mối liên hệ nhân quả chỉ tồn tại khi chúng ta nhận thức được nó.  
c. Không phải mọi hiện tượng đều có nguyên nhân.
- Câu 402: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nhận định nào sau đây là đúng?  
a. Nguyên nhân luôn luôn xuất hiện trước kết quả. (a)  
b. Cái xuất hiện trước đều là nguyên nhân của cái xuất hiện sau.  
c. Mọi sự kế tiếp nhau về mặt thời gian đều là quan hệ nhân quả.
- Câu 403: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng đâu là luận điểm sai?  
a. Mọi cái xuất hiện trước đều là nguyên nhân của cái xuất hiện sau. (a)  
b. Nguyên nhân là cái sản sinh ra kết quả.  
c. Nguyên nhân xuất hiện trước kết quả.
- Câu 404: Có thể đồng nhất quan hệ hàm số với quan hệ nhân quả không?



a. Không

(a)

b. có

Câu 405: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Nguyên nhân giống nhau trong những điều kiện khác nhau có thể đưa đến những kết quả khác nhau.

b. Nguyên nhân khác nhau cũng có thể đưa đến kết quả như nhau.

c. Nguyên nhân giống nhau trong điều kiện giống nhau luôn luôn đưa đến kết quả như nhau. (c)

Câu 406: Trong những luận điểm sau, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Kết quả do nguyên nhân quyết định, nhưng kết quả lại tác động trở lại nguyên nhân. (a)

b. Kết quả không tác động gì đối với nguyên nhân.

c. Kết quả và nguyên nhân không thể thay đổi vị trí cho nhau.

Câu 407: Hãy xác định đâu là cái tất yếu khi gieo một con xúc xắc

a. Có một trong 6 mặt xấp và một trong 6 mặt ngửa (a)

b. Mặt một chấm xấp trong lần gieo thứ nhất.

c. Mặt năm chấm xấp trong lần gieo thứ hai.

Câu 408: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù tất nhiên: tất nhiên là cái do ..(1).. của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện nhất định nó phải ...(2).. .. chứ không thể khác được

a. 1- nguyên nhân bên ngoài, 2- xảy ra như thế.

b. 1- những nguyên nhân bên trong, 2- xảy ra như thế. (b)

c. 1- những nguyên nhân bên trong, 2- không xác định được

Câu 409: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm ngẫu nhiên: "Ngẫu nhiên là cái không do ...(1)... kết cấu vật chất quyết định, mà do ...(2)... quyết định"

a. 1- nguyên nhân, 2- hoàn cảnh bên ngoài.

b. 1- Mọi liên hệ bản chất bên trong, 2- nhân tố bên ngoài. (b)

c. 1- mối liên hệ bên ngoài, 2- mối liên hệ bên trong.

Câu 410: Trong những luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Mọi cái chung đều là cái tất yếu.

b. Mọi cái chung đều không phải là cái tất yếu.

c. Chỉ có cái chung được quyết định bởi bản chất nội tại của sự vật mới là cái tất yếu. (c)

Câu 411: Nhu cầu ăn, mặc, ở, học tập của con người là cái chung hay là cái tất yếu?

a. Là cái chung

b. Là cái tất yếu

c. Vừa là cái chung vừa là cái tất yếu. (c)

Câu 412: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Mọi cái tất yếu đều là cái chung.

b. Mọi cái chung đều là cái tất yếu. (b)

c. Không phải cái chung nào cũng là cái tất yếu.

Câu 413: Sự giống nhau về sở thích ăn, mặc, ở, học nghệ gì là cái chung tất yếu hay là cái chung có tính chất ngẫu nhiên

a. Cái chung tất yếu

b. Cái chung ngẫu nhiên (b)

Câu 414: theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Ngẫu nhiên và tất nhiên đều có nguyên nhân (a)

b. Những hiện tượng chưa nhận thức được nguyên nhân là cái ngẫu nhiên.

c. Những hiện tượng nhận thức được nguyên nhân đều trở thành cái tất yếu.

Câu 415: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định nào sau đây là đúng

a. Cái ngẫu nhiên không có nguyên nhân.

b. Chỉ có cái tất yếu mới có nguyên nhân.

c. Không phải cái gì con người chưa nhận thức được nguyên nhân là cái ngẫu nhiên. (c)

Câu 416: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Tất nhiên là cái chúng ta biết được nguyên nhân và chi phối được nó.

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 417: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Đối với sự phát triển của sự vật chỉ có cái tất nhiên mới có vai trò quan trọng.

b. Cái ngẫu nhiên không có vai trò gì đối với sự phát triển của sự vật

c. Cả cái tất yếu và cái ngẫu nhiên đều có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của sự vật. (c)

Câu 418: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Có tất nhiên thuần túy tồn tại khách quan  
b. Có ngẫu nhiên thuần túy tồn tại khách quan  
c. Không có cái tất nhiên và ngẫu nhiên thuần túy tồn tại bên ngoài nhau. (c)

Câu 419: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Tất nhiên biểu hiện sự tồn tại của mình thông qua vô vàn cái ngẫu nhiên.  
b. Ngẫu nhiên là hình thức biểu hiện của cái tất nhiên.  
c. Có cái ngẫu nhiên thuần túy không thể hiện cái tất nhiên. (c)

Câu 420: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Tất nhiên và ngẫu nhiên tồn tại khách quan nhưng tách rời nhau, không có liên quan gì với nhau.

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.  
b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình. (b)  
c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Câu 421: Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào cái ngẫu nhiên hay tất nhiên là chính?

a. Dựa vào ngẫu nhiên  
b. Dựa vào tất yếu (b)  
c. Dựa vào cả hai

Câu 422: Điền tập hợp từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nội dung: nội dung là .... những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật

a. Sự tác động  
b. Sự kết hợp  
c. Tổng hợp tất cả (c)

Câu 423: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù hình thức: Hình thức là ...(1)... của sự vật, là hệ thống các ...(2)... giữa các yếu tố của sự vật.

a. 1- các mặt các yếu tố, 2- mối liên hệ  
b. 1- phương thức tồn tại và phát triển, 2- các mối liên hệ tương đối bền vững. (b)  
c. 1- tập hợp tất cả những mặt, 2- mối liên hệ bền vững.

Câu 424: Điền cụm từ thích hợp vào câu sau để được khái niệm về hình thức: Hình thức là hệ thống ..... giữa các yếu tố của sự vật.

a. Mối liên hệ tương đối bền vững. (a)  
b. Hệ thống các bước chuyển hoá  
c. Mặt đối lập  
d. Mâu thuẫn được thiết lập

Câu 425: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Không có hình thức tồn tại thuần túy không chứa đựng nội dung.  
b. Nội dung nào cũng tồn tại trong một hình thức nhất định.  
c. Nội dung và hình thức hoàn toàn tách rời nhau. (c)

Câu 426: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Nội dung và hình thức không tách rời nhau.  
b. Nội dung và hình thức luôn luôn phù hợp với nhau. (b)  
c. Không phải lúc nào nội dung và hình thức cũng phù hợp với nhau.

Câu 427: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Khái niệm hình thức được tạo ra trong tư duy của con người rồi đưa vào hiện thực để sắp xếp các sự vật cho có trật tự.

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  
b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (c)  
c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 428: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Hình thức thuần túy của sự vật tồn tại trước sự vật, quyết định nội dung của sự vật

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (b)  
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 429: Trong các luận điểm sau, đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quan hệ giữa nội dung và hình thức?

a. Nội dung quyết định hình thức trong sự phát triển của sự vật. (a)  
b. Hình thức quyết định nội dung.  
c. Tồn tại hình thức thuần túy không chứa đựng nội dung.

Câu 430: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong các luận điểm sau, đâu là luận điểm sai?

a. Hình thức thúc đẩy nội dung phát triển nếu nó phù hợp với nội dung.

b. Hình thức kìm hãm nội dung phát triển nếu nó không phù hợp với nội dung.

c. Hình thức hoàn toàn không phụ thuộc vào nội dung (c)

Câu 431: Điền cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa khái niệm bản chất: Bản chất là tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ...(1)...bên trong sự vật, quy định sự...(2)... của sự vật.

a. 1- chung, 2- vận động và phát triển.

b. 1- ngẫu nhiên, 2- tồn tại và biến đổi.

c. 1- tất nhiên, tương đối ổn định, 2- vận động và phát triển. (c)

Câu 432: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm hiện tượng: Hiện tượng là ..... của bản chất.

a. Cơ sở.

b. Nguyên nhân

c. Biểu hiện ra bên ngoài. (c)

Câu 433: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Bản chất đồng nhất với cái chung.

b. Cái chung và bản chất hoàn toàn khác nhau, không có gì chung

c. Có cái chung là bản chất, có cái chung không phải là bản chất. (c)

Câu 434: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Bản chất là những thực thể tinh thần tồn tại khách quan, quyết định sự tồn tại của sự vật

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 435: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Bản chất chỉ là tên gọi trống rỗng, do con người đặt ra, không tồn tại thực"

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (a)

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 436: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Hiện tượng tồn tại, nhưng đó là tổng hợp những cảm giác của con người".

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (c)

Câu 437: Luận điểm nào sau đây là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Bản chất tồn tại khách quan bên ngoài sự vật

b. Hiện tượng là tổng hợp các cảm giác của con người

c. Bản chất và hiện tượng đều tồn tại khách quan, là cái vốn có của sự vật. (c)

Câu 438: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Hiện tượng không bộc lộ bản chất

b. Có hiện tượng hoàn toàn không biểu hiện bản chất.

c. Hiện tượng nào cũng biểu hiện bản chất ở một mức độ nhất định. (c)

Câu 439: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Bản chất không được biểu hiện ở hiện tượng

b. Bản chất nào hiện tượng ấy, bản chất hoàn toàn đồng nhất với hiện tượng.

c. Bản chất nào hiện tượng ấy, bản chất thay đổi hiện tượng biểu hiện nó cũng thay đổi. (c)

Câu 440: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Bản chất và hiện tượng không hoàn toàn phù hợp nhau.

b. Cùng một bản chất có thể biểu hiện ở nhiều hiện tượng khác nhau

c. Một bản chất không thể biểu hiện ở nhiều hiện tượng khác nhau. (c)

Câu 441: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận điểm nào sau đây nói về bản chất của giai cấp tư sản?

a. Giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư

(a)

b. Giai cấp tư sản tích cực đổi mới công nghệ

c. Giai cấp tư sản thường áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động

d. Giai cấp tư sản tích cực đổi mới phương pháp quản lý.

Câu 442: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm hiện thực: "Hiện thực là phạm trù triết học chỉ cái ....."

a. Mối liên hệ giữa các sự vật.

b. Chưa có, chưa tồn tại

c. Hiện có đang tồn tại (c)

Câu 443: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm khả năng:

"Khả năng là phạm trù triết học chỉ ..... khi có các điều kiện thích hợp".

- a. Cái đang có, đang tồn tại
- b. Cái chưa có, nhưng sẽ có (b)
- c. Cái không thể có
- d. Cái tiền đề để tạo nên sự vật mới.

Câu 444: Dấu hiệu để phân biệt khả năng với hiện thực là gì?

- a. Sự có mặt và không có mặt trên thực tế
- (a)
- b. Sự nhận biết được hay không nhận biết được.
  - c. Sự xác định hay không xác định.

Câu 445: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Cái hiện chưa có nhưng sẽ có là khả năng. (a)
- b. Cái hiện đang có là hiện thực.
- c. Cái chưa cảm nhận được là khả năng.

Câu 446: Thêm cụm từ nào vào câu sau để được một khẳng định của chủ nghĩa duy vật biện chứng về các loại khả năng:

"Khả năng hình thành do các ..... quy định được gọi là khả năng ngẫu nhiên".

- a. Mối liên hệ chung
- b. Mối liên hệ tất nhiên, ổn định
- c. Tương tác ngẫu nhiên (c)
- d. Nguyên nhân bên trong

Câu 447: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Khả năng và hiện thực đều tồn tại khách quan.
- b. Khả năng và hiện thực không tách rời nhau
- c. Chỉ có hiện thực tồn tại khách quan, khả năng chỉ là cảm giác của con người. (c)

Câu 448: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Hiện thực nào cũng chứa đựng khả năng.
- b. Khả năng luôn tồn tại trong hiện thực.
- c. Khả năng chỉ tồn tại trong ý niệm, không tồn tại trong hiện thực. (c)

Câu 449: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Cùng một sự vật, trong những điều kiện nhất định tồn tại nhiều khả năng.

b. Một sự vật trong những điều kiện nhất định chỉ tồn tại một khả năng.(b)

c. Hiện thực thay đổi khả năng cũng thay đổi.

Câu 450: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

- a. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào khả năng.
- b. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, không cần tính đến khả năng.
- c. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, đồng thời phải tính đến khả năng. (c)

Câu 451: Luận điểm sau thuộc lập trường triết học nào: Quy luật trong các khoa học là sự sáng tạo chủ quan của con người và được áp dụng vào tự nhiên và xã hội.

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (b)
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 452: Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm "chất": "Chất là phạm trù triết học dùng để chỉ ... (1) ... khách quan ... (2) ... là sự thống nhất hữu cơ những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không là cái khác"

- a. 1- Tính quy định, 2- Vốn có của sự vật. (a)
- b. 1- Mối liên hệ, 2- Cửa các sự vật.
- c. 1- Các nguyên nhân, 2- Cửa các sự vật.

Câu 453: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Chất là tính quy định vốn có của sự vật.
- b. Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì.
- c. Chất đồng nhất với thuộc tính. (c)

Câu 454: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai

- a. Thuộc tính của sự vật là những đặc tính vốn có của sự vật.
- b. Thuộc tính của sự vật bộc lộ thông qua sự tác động giữa các sự vật
- c. Thuộc tính của sự vật không phải là cái vốn có của sự vật (c)

Câu 455: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Chất tồn tại khách quan bên ngoài sự vật.

(a)

b. Chất tồn tại khách quan gắn liền với sự vật.

c. Không có chất thuần túy bên ngoài sự vật.

Câu 456: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Mỗi sự vật có nhiều thuộc tính.

b. Mỗi thuộc tính biểu hiện một mặt chất của sự vật.

c. Mỗi thuộc tính có thể đóng vai trò là tính quy định về chất trong một quan hệ nhất định.

d. Mỗi sự vật chỉ có một tính quy định về chất. (d)

Câu 457: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Không có chất thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật.

b. Chỉ có sự vật có chất mới tồn tại.

c. Chỉ có sự vật có vô vàn chất mới tồn tại

d. Sự vật và chất hoàn toàn đồng nhất với

nhau. (d)

Câu 458: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Chất của sự vật được biểu hiện thông qua thuộc tính của sự vật. (a)

b. Mọi thuộc tính đều biểu hiện chất của sự vật.

c. Thuộc tính thay đổi, luôn làm cho chất của sự vật thay đổi.

Câu 459: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chất của sự vật tồn tại do phương pháp quan sát sự vật của con người quyết định".

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 460: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Chất của sự vật phụ thuộc vào số lượng các yếu tố tạo thành sự vật.

b. Chất của sự vật phụ thuộc vào phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật.

c. Mọi sự thay đổi phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật, đều không làm cho chất của sự vật thay đổi. (c)

Câu 561: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Chất tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại, quyết định đến sự tồn tại của sự vật.

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (a)

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 462: Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm "lượng": Lượng là phạm trù triết học dùng để chỉ...(1) ... của sự vật về mặt ...(2) ... của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật.

a. 1- tính quy định vốn có, 2- số lượng, quy mô, trình độ, nhịp điệu (a)

b. 1- mối liên hệ và phụ thuộc, 2- bản chất bên trong.

c. 1- mức độ quy mô, 2- chất lượng, phẩm chất.

Câu 463: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Lượng là tính quy định vốn có của sự vật.

b. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển

của sự vật

c. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người.

(c)

d. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật.

Câu 464: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Chất và lượng của sự vật đều tồn tại khách quan.

b. Không có chất lượng thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật.

c. Sự phân biệt giữa chất và lượng phụ thuộc vào ý chí của con người (c)

d. Sự phân biệt giữa chất và lượng của sự vật có tính chất tương đối.

Câu 465: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa mặt chất và lượng.

b. Tính quy định về chất nào của sự vật cũng có tính quy định về lượng tương ứng.

c. Tính quy định về chất không có tính ổn định. (c)

d. Tính quy định về lượng nói lên mặt thường xuyên biến đổi của sự vật.

Câu 466: Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là đúng?

- a. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của lượng.
- b. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của chất.
- c. Độ là phạm trù triết học chỉ giới hạn biến đổi của lượng, trong đó chưa làm thay đổi chất của sự vật. (c)

Câu 467: Giới hạn từ 0°C đến 100°C được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

- a. Độ (a)
- b. Chất
- c. Lượng
- d. Bước nhảy

Câu 468: Khi nước chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí tại 100°C được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

- a. Độ
- b. Bước nhảy (b)
- c. Chuyển hoá
- d. Tiệm tiến

Câu 469: Trong một mối quan hệ nhất định cái gì xác định sự vật?

- a. Tính quy định về lượng
- b. Tính quy định về chất (b)
- c. Thuộc tính của sự vật.

Câu 470: Tính quy định nói lên sự vật trong một mối quan hệ nhất định đó, gọi là gì?

- a. Chất (a)
- b. Lượng
- c. Độ
- d. Bước nhảy

Câu 471: Tính quy định nói lên quy mô trình độ phát triển của sự vật được gọi là gì?

- a. Chất
- b. Lượng (b)
- c. Độ
- d. Điểm

nút

Câu 472: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai

- a. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng chưa làm cho chất của sự vật biến đổi.
- b. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật. (b)
- c. Chỉ khi lượng đạt đến giới hạn của độ mới làm cho chất của sự vật thay đổi.

Câu 473: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Không phải mọi sự biến đổi của lượng đều đưa đến sự biến đổi của chất.

b. Sự thay đổi của lượng phải đạt đến một giới hạn nhất định mới làm cho chất của sự vật thay đổi.

c. Mọi sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật (c)

Câu 474: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

- a. Sự biến đổi về chất là kết quả sự biến đổi về lượng của sự vật. (a)
- b. Không phải sự biến đổi về chất nào cũng là kết quả của sự biến đổi về lượng.
- c. Chất không có tác động gì đến sự thay đổi của lượng.

Câu 475: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

- a. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng.
- b. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất.
- c. Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hoá từ sự thay đổi dần dần về lượng sang sự thay đổi về chất và ngược lại. (c)

Câu 476: Câu ca dao: Một cây làm chẳng nên non  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao,  
Thể hiện nội dung quy luật nào của phép biện chứng duy vật

- a. Quy luật mâu thuẫn
- b. Quy luật phủ định của phủ định
- c. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại. (c)

Câu 477: Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của sự chủ quan, nóng vội là do không tôn trọng quy luật nào?

- a. Quy luật mâu thuẫn
- b. Quy luật phủ định của phủ định
- c. Quy luật lượng - chất (c)

Câu 478: Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của trì trệ bảo thủ là do không tôn trọng quy luật nào của phép biện chứng duy vật?

- a. Quy luật lượng - chất. (a)
- b. Quy luật phủ định của phủ định.
- c. Quy luật mâu thuẫn.

Câu 479: Lênin nói quy luật mâu thuẫn có vị trí như thế nào trong phép biện chứng duy vật?

a. Là hạt nhân của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc bên trong của sự vận động và phát triển. (a)

b. Vạch ra xu hướng của sự phát triển.

c. Vạch ra cách thức của sự phát triển.

Câu 480: Trong lý luận về mâu thuẫn người ta gọi hai cực dương và âm của thanh nam châm là gì?

a. Hai mặt c. Hai mặt đối lập

(c)

b. Hai thuộc tính

d. Hai yếu tố.

Câu 481: Trong lý luận về mâu thuẫn người ta gọi quá trình đồng hoá và dị hoá trong cơ thể sống là gì?

a. Những thuộc tính

c. Hai yếu tố

b. Những sự vật

d. Hai mặt

đối lập. (d)

Câu 482: Trong quy luật mâu thuẫn tính quy định về chất và tính quy định về lượng được gọi là gì

a. Hai sự vật

c. Hai thuộc tính

b. Hai quá trình

d. Hai mặt đối lập

(d)

Câu 483: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau.

b. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật

c. Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật (c)

d. Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng

Câu 484: Theo quan điểm của CNDVBC các mặt đối lập do đâu mà có?

a. Do ý thức cảm giác của con người tạo ra.

b. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra

c. Vốn có của thế giới vật chất, không do ai sinh ra. (c)

Câu 485: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Các mặt đối lập nằm trong sự liên hệ với nhau, không có mặt đối lập nào tồn tại biệt lập.

b. Không phải lúc nào các mặt đối lập cũng liên hệ với nhau. (b)

c. Các mặt đối lập liên hệ, tác động qua lại với nhau một cách khách quan.

Câu 486: Luận điểm nào sau đây là không đúng

a. Hai mặt đối lập biện chứng của sự vật liên hệ với nhau tạo thành mâu thuẫn biện chứng

b. Ghép hai mặt đối lập lại với nhau là được mâu thuẫn biện chứng (b)

c. Không phải ghép bất kỳ hai mặt đối lập lại với nhau là được mâu thuẫn biện chứng.

Câu 487: Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau triết học gọi là gì?

a. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập

b. Sự thống nhất của hai mặt đối lập. (b)

c. Sự chuyển hoá của hai mặt đối lập.

Câu 488: Theo quan điểm của CNDVBC sự thống nhất của các mặt đối lập có những biểu hiện gì?

a. Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau.

b. Sự đồng nhất, có những điểm chung giữa hai mặt đối lập

c. Sự tác động ngang bằng nhau.

d. Sự bài trừ phủ định nhau.

g. Gồm a, b và c. (g)

Câu 489: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Sự thống nhất của các mặt đối lập loại trừ sự đấu tranh của các mặt đối lập".

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình (a)

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng.

Câu 490: Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?

a. Ràng buộc nhau.

b. Nương tựa nhau

c. Phủ định, bài trừ nhau. (c)

Câu 491: Lập trường triết học nào cho rằng mâu thuẫn tồn tại là do tư duy, ý thức của con người quyết định?

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (b)

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 492: Quan điểm triết học nào cho rằng mâu thuẫn và quy luật mâu thuẫn là sự vận động của ý niệm tuyệt đối?

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan. (b)

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

Câu 493: Quan điểm nào sau đây là của CNDVBC?

a. Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong mọi sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên, xã hội và tư duy. (a)

b. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy.

c. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong một số hiện tượng.

Câu 494: Trong mâu thuẫn biện chứng các mặt đối lập quan hệ với nhau như thế nào?

a. Chỉ thống nhất với nhau.

b. Chỉ có mặt đấu tranh với nhau

c. Vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau.

(c)

Câu 495: Trong hai xu hướng tác động của của các mặt đối lập xu hướng nào quy định sự ổn định tương đối của sự vật?

a. Thống nhất của các mặt đối lập (a)

b. Đấu tranh của các mặt đối lập

c. Cả a và b.

Câu 496: Trong hai xu hướng tác động của các mặt đối lập xu hướng nào quy định sự biến đổi thường xuyên của sự vật?

a. Thống nhất của các mặt đối lập.

b. Đấu tranh của các mặt đối lập. (b)

c. Cả a và b.

Câu 497: theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

a. Trong mâu thuẫn biện chứng thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là không thể tách rời nhau.

b. Sự vận động và phát triển của sự vật chỉ do một mình sự đấu tranh của các mặt đối lập quyết định. (b)

c. Sự vận động và phát triển của sự vật là do sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập quyết định

Câu 498: Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, thay đổi cùng với sự thay đổi căn bản về chất của sự vật, được gọi là mâu thuẫn gì?

a. Mâu thuẫn chủ yếu.

b. Mâu thuẫn bên trong

c. Mâu thuẫn cơ bản. (c)

Câu 499: Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu ở một giai đoạn phát triển nhất định của sự vật, chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn đó được gọi là mâu thuẫn gì?

a. Mâu thuẫn cơ bản c.  
Mâu thuẫn thứ yếu.

b. Mâu thuẫn chủ yếu (b) d.  
Mâu thuẫn đối kháng

Câu 500: Luận điểm nào thể hiện quan điểm siêu hình trong các luận điểm sau

a. Sự phân biệt giữa mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài chỉ là tương đối

b. Giải quyết mâu thuẫn bên trong liên hệ chặt chẽ với việc giải quyết mâu thuẫn bên ngoài.

c. Giải quyết mâu thuẫn bên trong không quan hệ với việc giải quyết mâu thuẫn bên ngoài. (c)

Câu 501: Mâu thuẫn đối kháng tồn tại ở đâu?

a. Trong cả tự nhiên, xã, hội và tư duy.

b. Trong mọi xã hội.

c. Trong xã hội có giai cấp đối kháng (c)

Câu 502: Trong quy luật phủ định của phủ định sự thay thế sự vật này bằng sự vật kia (thí dụ: nụ thành hoa, hoa thành quả v.v.) được gọi là gì?

a. Mâu thuẫn c. Tồn tại

b. Phủ định (b) d. Vận động

Câu 503: Sự tự thay thế sự vật này bằng sự vật kia không phụ thuộc vào ý thức con người trong phép biện chứng duy vật được gọi là gì?

a. Vận động c. Phủ định biện chứng (c)

b. Phủ định d. Phủ định của phủ định

Câu 504: Tôi nói "bông hoa hồng đỏ". Tôi lại nói "bông hoa hồng không đỏ" để phủ nhận câu nói trước của tôi. Đây có phải là phủ định biện chứng không?

a. Không (a) c. Vừa phải vừa không phải

b. Phải

Câu 505: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Phủ định biện chứng có tính khách quan

b. Phủ định biện chứng là kết quả giải quyết những mâu thuẫn bên trong sự vật

c. Phủ định biện chứng phụ thuộc vào ý thức của con người (c)

Câu 506: Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?



- a. Phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn (a)
- b. Phủ định biện chứng không đơn giản là xoá bỏ cái cũ.
- c. Phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ
- d. Phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố còn thích hợp của cái cũ.

Câu 507: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở phá huỷ hoàn toàn cái cũ"

- a. Quan điểm siêu hình (a)
- b. Quan điểm biện chứng duy vật
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm

Câu 508: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở giữ nguyên cái cũ".

- a. Quan điểm biện chứng duy vật
- b. Quan điểm biện chứng duy tâm
- c. Quan điểm siêu hình, phản biện chứng.

(c)

Câu 509: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Triết học Mác ra đời trên cơ sở phủ định hoàn toàn các hệ thống triết học trong lịch sử".

- a. quan điểm duy tâm siêu hình. (a)
- b. Quan điểm biện chứng duy vật.
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm.

Câu 510: Sự tự phủ định để đưa sự vật dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?

- a. Phủ định biện chứng.
- b. Phủ định của phủ định (b)
- c. Chuyển hoá

Câu 511: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Phủ định của phủ định có tính khách quan và kế thừa
- b. Phủ định của phủ định hoàn toàn lặp lại cái ban đầu (b)
- c. Phủ định của phủ định lặp lại cái ban đầu trên cơ sở mới cao hơn

Câu 512: Con đường phát triển của sự vật mà quy luật phủ định của phủ định vạch ra là con đường nào?

- a. Đường thẳng đi lên
- b. Đường tròn khép kín

- c. Đường xoáy ốc đi lên (c)

Câu 513: theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Phủ định của phủ định kết thúc một chu kỳ phát triển của sự vật
- b. Phủ định của phủ định kết thúc sự phát triển của sự vật. (b)
- c. Phủ định của phủ định mở đầu một chu kỳ phát triển mới của sự vật

Câu 514: Vị trí của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng duy vật?

- a. Chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển
- b. Chỉ ra cách thức của sự phát triển
- c. Chỉ ra xu hướng của sự phát triển (c)
- d. Cả a, b và c

Câu 515: Trường phái triết học nào cho nhận thức là sự kết hợp các cảm giác của con người

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan (c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

Câu 516: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chúng ta chỉ nhận thức được các cảm giác của chúng ta thôi".

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 517: Trường phái triết học nào cho nhận thức là "sự hồi tưởng" của linh hồn về thế giới ý niệm?

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan (b)
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 518: Trường phái triết học nào cho nhận thức là sự tự ý thức về mình của ý niệm tuyệt đối

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan (c)

Câu 519: Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Chủ nghĩa duy vật đều thừa nhận nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào đầu óc con người.

b. CNDV đều thừa nhận nhận thức là sự phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người dựa trên cơ sở thực tiễn. (b)

c. CNDVBC thừa nhận nhận thức là quá trình phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người trên cơ sở thực tiễn.

Câu 520: Trường phái triết học nào cho thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng (c)

Câu 521: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù thực tiễn:

"Thực tiễn là toàn bộ những ..... của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội"

- a. Hoạt động.
- b. Hoạt động vật chất
- c. Hoạt động có mục đích
- d. Hoạt động vật chất có mục đích, mang tính

lịch sử - xã hội (d)

Câu 522: Hoạt động nào sau đây là hoạt động thực tiễn

- a. Mọi hoạt động vật chất của con người
- b. Hoạt động tư duy sáng tạo ra các ý tưởng
- c. Hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa

học. (c)

Câu 523: Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất quy định đến các hình thức khác là hình thức nào?

- a. Hoạt động sản xuất vật chất (a)
- b. Hoạt động chính trị xã hội.
- c. Hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa

học.

Câu 524: Theo quan điểm của CNDVBC tiêu chuẩn của chân lý là gì?

- a. Được nhiều người thừa nhận.
- b. Đảm bảo không mâu thuẫn trong suy luận
- c. Thực tiễn (d)

Câu 525: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tiêu chuẩn chân lý

a. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý có tính chất tương đối.

b. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý có tính chất tuyệt đối

c. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý vừa có tính chất tương đối vừa có tính chất tuyệt

đối. (c)

Câu 526: Giai đoạn nhận thức diễn ra trên cơ sở sự tác động trực tiếp của các sự vật lên các giác quan của con người là giai đoạn nhận thức nào?

- a. Nhận thức lý tính
- c. Nhận thức

khoa học

- b. Nhận thức lý luận
- d. Nhận thức

cảm tính (d)

Câu 527: Nhận thức cảm tính được thực hiện dưới các hình thức nào?

- a. Khái niệm và phán đoán
- b. Cảm giác, tri giác và khái niệm
- c. Cảm giác, tri giác và biểu tượng (c)

Câu 528: Sự phản ánh trừu tượng, khái quát những đặc điểm chung, bản chất của các sự vật được gọi là giai đoạn nhận thức nào?

- a. Nhận thức cảm tính
- b. Nhận thức lý tính (b)
- c. Nhận thức kinh nghiệm

Câu 529: Nhận thức lý tính được thực hiện dưới hình thức nào?

- a. Cảm giác, tri giác và biểu tượng
- b. Khái niệm, phán đoán, suy luận (b)
- c. Tri giác, biểu tượng, khái niệm

Câu 530: Khái niệm là hình thức nhận thức của giai đoạn nào?

- a. Nhận thức cảm tính.
- b. Nhận thức lý tính (b)
- c. Nhận thức kinh nghiệm

Câu 531: Giai đoạn nhận thức nào gắn với thực tiễn?

- a. Nhận thức lý luận
- b. Nhận thức cảm tính (b)
- c. Nhận thức lý tính

Câu 532: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cảm giác là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan".

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng (a)
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Câu 533: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Nhận thức cảm tính gắn liền với thực tiễn
- b. Nhận thức cảm tính chưa phân biệt được cái bản chất với cái không bản chất
- c. Nhận thức cảm tính phản ánh sai sự vật

(c)

d. Nhận thức cảm tính chưa phản ánh đầy đủ và sâu sắc sự vật.

Câu 534: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Nhận thức lý tính phản ánh những mối liên hệ chung, bản chất của sự vật.

b. Nhận thức lý tính phản ánh sự vật sâu sắc, đầy đủ và chính xác hơn nhận thức cảm tính.

c. Nhận thức lý tính luôn đạt đến chân lý không mắc sai lầm. (c)

Câu 535: Luận điểm sau đây là của ai và thuộc trường phái triết học nào: "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, nhận thức thực tại khách quan"

a. Phoi-ơ-bắc; chủ nghĩa duy vật siêu hình.

b. Lênin; chủ nghĩa duy vật biện chứng.

(b)

c. Hêghen; chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Câu 536: theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Thực tiễn không có lý luận là thực tiễn mù quáng.

b. Lý luận không có thực tiễn là lý luận suông

c. Lý luận có thể phát triển không cần thực tiễn. (c)

Câu 537: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được khái niệm về chân lý: "Chân lý là những ...(1) ... phù hợp với hiện thực khách quan và được ...(2) ... kiểm nghiệm"

a. 1- cảm giác của con người; 2- ý niệm tuyệt đối

b. 1- Tri thức ; 2- thực tiễn (b)

c. 1- ý kiến; 2- nhiều người .

Câu 538: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai

a. Chân lý có tính khách quan

b. Chân lý có tính tương đối

c. Chân lý có tính trừu tượng (a)

d. Chân lý có tính cụ thể

Câu 539: Theo quan điểm của CNDVBC, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Nhận thức kinh nghiệm tự nó không chứng minh được tính tất yếu

b. Nhận thức kinh nghiệm tự nó chứng minh được tính tất yếu (b)

c. Lý luận không tự phát xuất hiện từ kinh nghiệm

Câu 540: Trong hoạt động thực tiễn không coi trọng lý luận thì sẽ thế nào?

a. Sẽ rơi vào chủ nghĩa kinh viện giáo điều

b. Sẽ rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm hẹp hòi. (b)

c. Sẽ rơi vào ảo tưởng.

**Câu 541: Chọn phương án đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật?**

a. Vật chất là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ hai.

b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức.

c. Ý thức tồn tại độc lập tách khỏi vật chất.

Đáp án: a, b

**Câu 542: Các hình thức nào dưới đây là hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật?**

Đáp án: Cả a, b và c

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 543: Ai là nhà duy vật tiêu biểu trong lịch sử triết học được kể dưới đây?**

- a. Đê mô crít
- b. Cantơ
- c. Ph. Bê cơn
- d. Hi-um

Đáp án a, c

**Câu 544: Quan điểm nào thuộc chủ nghĩa duy tâm?**

- a. Vật chất quyết định ý thức.
- b. Ý thức có trước, vật chất có sau; ý thức quyết định vật chất.
- c. Vật chất và ý thức song song tồn tại, không cái nào phụ thuộc cái nào.
- d. Ý thức là tính thứ nhất, vật chất là tính thứ hai.

Đáp án: b, d

**Câu 545: Ai là đại biểu của chủ nghĩa duy tâm trong lịch sử được kể dưới đây?**

- a. Platông
- b. Hê ra clít
- c. Hi-um
- d. Cả a và c

Đáp án: d

**Câu 546: Thế nào là nhất nguyên luận?**

- a. Chủ nghĩa duy vật
- b. Chủ nghĩa duy tâm

Đáp án: a, b

**Câu 547: Thế nào là nhị nguyên luận?**

- a. Vật chất có trước, ý thức có sau.
- b. Vật chất và ý thức song song tồn tại, không cái nào phụ thuộc cái nào.
- c. Ý thức có trước, vật chất có sau.

Đáp án: b.

**Câu 548: Thế nào là phương pháp siêu hình?**

- a. Xem xét các sự vật trong trạng thái cô lập, tách rời tuyệt đối.
- b. Xem xét trong trạng thái tĩnh tại, không vận động, phát triển.
- c. Xem xét phát triển thuần túy về lượng, không có thay đổi về chất.

Đáp án: a. b. c

**Câu 549: Thế nào là phương pháp biện chứng?**

- a. Xem xét sự vật trong mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau.
- b. Xem xét sự vật trong quá trình vận động, phát triển.
- c. Thừa nhận có sự đứng im tương đối của các sự vật, hiện tượng trong thế giới vật chất.

Đáp án: a. b.c

**Câu 550: Câu "nhân chi sơ tính bản thiện" là của ai?**

- a. Khổng Tử
- b. Mạnh Tử
- c. Tuân Tử
- d. Lão Tử

Đáp án: b

**Câu 551: Triết học Hêghen có những đặc điểm gì?**

- a. Biện chứng
- b. Duy tâm, bảo thủ
- c. Cách mạng
- d. Cả a và b

Đáp án: d

**Câu 552: Triết học Phoi ơ bắc có những đặc điểm gì?**

- a. Duy vật
- b. Duy tâm trong xã hội
- c. Siêu hình
- d. Cả a,b và c

Đáp án: d

**Câu 553: Trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, tư tưởng nào là điển hình nhất?**

- a. Chủ nghĩa duy vật
- b. Chủ nghĩa duy tâm
- c. Tư tưởng yêu nước
- d. Siêu hình

Đáp án: c

**Câu 554: Tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được C. Mác và Ph. Ăng ghen viết vào năm nào?**

- a. Năm 1844
- b. Năm 1847
- c. Năm 1848
- d. Năm 1850

Đáp án: c

**Câu 555: Tác phẩm "Chống Duyrinh" được Ph. Ăng ghen viết vào thời gian nào?**

- a. Từ 1876 - 1877
- b. Từ 1875 - 1878

c. Từ 1876 - 1878

Đáp án: c

**Câu 556:** Trong số ba phát minh dưới đây, phát minh nào là thuộc về triết học Mác?

- Phát minh ra “giai cấp”.
- Phát minh ra các quy luật cơ bản của phép biện chứng.
- Phát minh ra rằng: đấu tranh giai cấp là động lực phát triển trong các xã hội có giai cấp.

**Đáp án:** c

**Câu 557:** Hãy xác định mệnh đề đúng trong ba mệnh đề dưới đây:

- Triết học macxit là một học thuyết đã hoàn chỉnh, xong xuôi.
- Triết học macxit chưa hoàn chỉnh, xong xuôi và cần phải bổ sung để phát triển.
- Triết học macxit là “khoa học của mọi khoa học”.

**Đáp án:** b

**Câu 558:** Hãy chỉ ra nhận định đúng trong số ba nhận định sau đây về bản tính của phép biện chứng:

- Bản tính của phép biện chứng là phê phán, cách mạng và không hề biết sợ.
- Bản tính của phép biện chứng là hướng đến cái tuyệt đối.
- Bản tính của phép biện chứng

**Đáp án:** a

**Câu 559:** Hãy chỉ ra phương án đúng trong ba nhận xét dưới đây về mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng:

- Sản xuất đối lập hoàn toàn với tiêu dùng, vì sản xuất là sáng tạo còn tiêu dùng là phá huỷ.
- Sản xuất cũng là tiêu dùng.
- Sản xuất là cái có trước và quy định tiêu dùng.

**Đáp án:** b

**Câu 560:** Vì sao C. Mác đến nước Anh để thu thập tư liệu cho bộ **Tư bản** nổi tiếng của mình?

- Vì chỉ đến nước Anh, C. Mác mới nhận được sự giúp đỡ tài chính của Ph. Ăngghen.
- Vì các học thuyết kinh tế lớn mà C. Mác dự định phê phán đều bắt nguồn từ Anh Quốc.

c. Vì vào thời điểm đó, chủ nghĩa tư bản đạt được trạng thái chín muồi nhất ở Anh.

Hãy xác định một phương án trả lời mà bạn coi là đúng.

**Đáp án:** c

**Câu 561:** C. Mác viết: "Phương pháp biện chứng của tôi không những khác phương pháp của Hê ghen về căn bản, mà còn đối lập hẳn với phương pháp ấy nữa". Câu đó C.Mác viết trong tác phẩm nào?

- "Phê phán triết học pháp quyền của Hê ghen"
- "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"
- "Tư bản"

Đáp án: c

**Câu 562:** Cống hiến vĩ đại nhất của C.Mác về triết học là gì?

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- Coi thực tiễn là trung tâm

Đáp án: b

**Câu 563:** Định nghĩa của V.I. Lênin về vật chất được nêu ra trong tác phẩm nào?

- Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.
- Bút ký triết học
- Nhà nước và cách mạng.

Đáp án: a

**Câu 564:** Thuộc tính cơ bản để phân biệt vật chất với ý thức?

- Thực tại khách quan
- Vận động
- Không gian và thời gian.

Đáp án: a

**Câu 565:** Các hình thức tồn tại cơ bản của vật chất.

- Vận động
- Tồn tại khách quan
- Không gian và thời gian
- a và c

Đáp án: a, c

**Câu 566:** Thuộc tính chung nhất của vận động là gì?

- Thay đổi vị trí trong không gian
- Sự thay đổi về chất
- Sự biến đổi nói chung
- a và b

Đáp án: c

**Câu 567:** Đúng im có tách rời vận động không?

- a. Tách rời vận động
- b. Có quan hệ với vận động
- c. Bao hàm vận động
- d. b và c

Đáp án: c

**Câu 568:** Bài học kinh nghiệm mà Đảng ta đã rút ra trong công cuộc đổi mới là gì?

- a. Đổi mới kinh tế trước, đổi mới chính trị sau.
- b. Đổi mới chính trị trước, đổi mới kinh tế sau.
- c. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

Đáp án: c

**Câu 569:** Tư tưởng nào là của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra:

- a. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.
- b. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.
- c. Đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Đáp án: a

**Câu 570:** Câu nói sau đây của C.Mác là trong tác phẩm nào: "Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp".

- a. Lời nói đầu góp phần phê phán kinh tế chính trị.
- b. Sự khốn cùng của triết học
- c. Tư bản

Đáp án: b

**Câu 571:** Câu nói sau đây của C.Mác là trong tác phẩm nào: "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên".

- a. Tư bản
- b. Lời nói đầu góp phần phê phán kinh tế chính trị.
- c. Hệ tư tưởng Đức

Đáp án: a

**Câu 572:** Câu nói sau đây của V.I.Lênin là trong tác phẩm nào: "Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên".

- a. Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao.
- b. Nhà nước và cách mạng xã hội.
- c. Bệnh ấu trĩ tả khuynh và tính tiểu tư sản.

Đáp án: a

**Câu 573:** Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở?

- a. Trình độ công cụ lao động và con người lao động
- b. Trình độ tổ chức và phân công lao động xã hội.
- c. Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất.

Đáp án: a. b. c

**Câu 574:** Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các hình thái kinh tế - xã hội là:

- a. Lực lượng sản xuất
- b. Quan hệ sản xuất
- c. Chính trị, tư tưởng.

Đáp án: b

Câu 575: Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta phải.

- a. Chủ động xây dựng quan hệ sản xuất trước, sau đó xây dựng lực lượng sản xuất phù hợp.
- b. Chủ động xây dựng lực lượng sản xuất trước, sau đó xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp.
- c. Kết hợp đồng thời xây dựng lực lượng sản xuất với xác lập quan hệ sản xuất phù hợp.

Đáp án: c

Câu 576: Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là:

- a. Phù hợp với quá trình lịch sử - tự nhiên.
- b. Không phù hợp với quá trình lịch sử - tự nhiên.
- c. Vận dụng sáng tạo của Đảng ta.

Đáp án: a, c

Câu 577\*: Triết học ra đời từ thực tiễn, nó có các nguồn gốc:

- a. Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội
- b. Nguồn gốc nhận thức, nguồn gốc xã hội và giai cấp
- c. Nguồn gốc tự nhiên, xã hội và tư duy
- d. Nguồn gốc tự nhiên và nhận thức

\* Đáp án: a

Câu 578: Đối tượng nghiên cứu của triết học là:

- a. Những quy luật của thế giới khách quan
- b. Những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy
- c. Những vấn đề chung nhất của tự nhiên, xã hội, con người; quan hệ của con người nói chung, tư duy của con người nói riêng với thế giới xung quanh.
- d. Những vấn đề của xã hội, tự nhiên.

\* Đáp án: c

Câu 579: Triết học có vai trò là:

- a. Toàn bộ thế giới quan
- b. Toàn bộ thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận
- c. Hạt nhân lý luận của thế giới quan.
- d. Toàn bộ thế giới quan và phương pháp luận

\* Đáp án: c

Câu 580: Vấn đề cơ bản của triết học là:

- a. Quan hệ giữa tồn tại với tư duy và khả năng nhận thức của con người.
- b. Quan hệ giữa vật chất và ý thức, tinh thần với tự nhiên và con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?
- c. Quan hệ giữa vật chất với ý thức, tinh thần với tự nhiên, tư duy với tồn tại và con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?
- d. Quan hệ giữa con người và nhận thức của con người với giới tự nhiên

\* Đáp án: c

Câu 581: Lập trường của chủ nghĩa duy vật khi giải quyết mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học?

- a. Vật chất là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ hai
- b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức.
- c. Cả a và b.
- d. Vật chất và ý thức cùng đồng thời tồn tại, cùng quyết định lẫn nhau.

\* Đáp án: c

Câu 582\*: Ý nào dưới đây không phải là hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật:

- a. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật tầm thường
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

\* Đáp án: b

Câu 583: Ai là nhà triết học duy vật tiêu biểu trong lịch sử triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại được kể dưới đây?

- a. Đêmôcrit và Êpiquya
- b. Arixtot và Êpiquya
- c. Êpiquya và Xôcrat
- d. Xôcrat và Đêmôcrit

\* Đáp án: a

Câu 584: Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất, đây là quan điểm:

- a. Duy vật
- b. Duy tâm
- c. Nhị nguyên
- d. Duy tâm chủ quan

\* Đáp án: b

Câu 585: Vật chất và ý thức tồn tại độc lập, ý thức không quyết định vật chất và vật chất không quyết định ý thức, đây là quan điểm của:

- a. Duy vật
- b. Duy tâm
- c. Nhị nguyên
- d. Duy vật tầm thường

\* Đáp án: c

Câu 586\*: Chủ nghĩa duy vật chất phác trong khi thừa nhận tính thứ nhất của vật chất đã:

- a. Đồng nhất vật chất với vật thể
- b. Đồng nhất vật chất với một hoặc một số vật thể cụ thể cảm tính.
- c. Đồng nhất vật chất với nguyên tử và khối lượng.
- d. Đồng nhất vật chất với nguyên tử

\* Đáp án: b

Câu 587\*: Khi cho rằng “tồn tại là được tri giác”, đây là quan điểm:

- a. Duy tâm khách quan
- b. Nhị nguyên
- c. Duy tâm chủ quan
- d. Duy cảm

\* Đáp án: c

Câu 588: Khi thừa nhận trong những trường hợp cần thiết thì bên cạnh cái “hoặc là... hoặc là...” còn có cái “vừa là... vừa là...” nữa; thừa nhận một chính thể trong lúc vừa là nó vừa không phải là nó... đây là:

- a. Phương pháp siêu hình
- b. Phương pháp biện chứng
- c. Thuyết bất khả tri
- d. Chủ nghĩa duy vật

\* Đáp án: b

Câu 589: Thế nào là phương pháp siêu hình?

- a. Xem xét sự vật trong trạng thái cô lập, tách rời tuyệt đối
- b. Xem xét sự vật trong trạng thái tĩnh, không vận động phát triển

c. Xem xét sự phát triển chỉ là sự tăng tiến thuần túy về lượng, không có thay đổi về chất

d. Cả a, b và c.

\* Đáp án: d.

Câu 590: Triết học Ấn Độ cổ đại là một trong ba nền triết học tiêu biểu thời kỳ đầu của lịch sử triết học, đó là:

a. Triết học Ấn Độ, triết học Trung Quốc và Ả Rập

b. Triết học Ấn Độ, triết học Ả Rập và triết học Hy Lạp – La Mã

c. Triết học Ấn Độ, triết học Trung Quốc, triết học Hy Lạp – La Mã

d. Triết học Phương Tây

\* Đáp án: c.

Câu 591: Vai trò của kinh Vêda đối với triết học Ấn Độ cổ đại:

a. Là cội nguồn của văn hoá Ấn Độ

b. Là cơ sở của mọi trường phái triết học Ấn Độ

c. Là cơ sở của các trường phái triết học chính thống

d. Cả a và c

\* Đáp án: d.

Câu 592\*: Hệ thống triết học không chính thống ở Ấn Độ cổ đại gồm các trường phái:

a. Sàmkhuya, Đạo Jaina, Đạo Phật

b. Lôkayata, Đạo Jaina, Đạo Phật

c. Vêdanta, Đạo Jaina, Đạo Phật

d. Đạo Jaina, Đạo Phật, Yoga

\* Đáp án: b.

Câu 593\*: Hệ thống triết học chính thống ở Ấn Độ cổ đại gồm 6 trường phái:

a. Sàmkhuya, Vedanta, Mimansa, Yoga, Lokayata, Vaseisika.

b. Sàmkhuya, Vedanta, Mimansa, Yoga, Đạo Jaina, Vaseisika.

c. Sàmkhuya, Vedanta, Mimansa, Yoga, Nyaya, Vaseisika.

d. Sàmkhuya, Yoga, Lokayata, Vaseisika, Mimansa.

\* Đáp án: c.

Câu 594: Quan niệm tồn tại tuyệt đối (Brahman) đồng nhất với “tôi” (Atman) là ý thức cá nhân thuần túy. Quan niệm đó là của trường phái triết học cổ đại nào ở Ấn Độ:

a. Sàmkhuya

b. Nyaya

c. Vêdanta

d. Yoga

\* Đáp án: c.

Câu 595: Thế giới được tạo ra bởi 4 yếu tố: đất, nước, lửa, không khí là quan điểm của trường phái triết học cổ đại nào ở Ấn Độ:

a. Lokayata

b. Nyaya

c. Sàmkhuya

d. Mimansa

\* Đáp án: a.

Câu 596\*: Thế giới vật chất là thể thống nhất của 3 yếu tố: Sattva (nhẹ, sáng, tươi vui), Rajas (động, kích thích), Tamas (nặng, khó khăn) là quan điểm của trường phái triết học cổ đại nào ở Ấn Độ::

a. Lôkayata

b. Sàmkhuya

c. Mimansa

d. Nyaya

\* Đáp án: b.

Câu 597: Quan điểm các vật thể vật chất hình thành do các nguyên tử hấp dẫn và kết hợp với nhau theo nhiều dạng khác nhau là của trường phái triết học Ấn Độ cổ đại nào:

a. Mimansa

b. Đạo Jaina

c. Lôkayata

d. Yoga

\* Đáp án: b.

Câu 598: Cơ sở lý luận của đạo Hindu ở Ấn Độ cổ đại là trường phái triết học nào:

a. Mimansa

b. Yôga

c. Vêdanta

d. Lôkoyata

\* Đáp án: c.

Câu 599\*: Trong triết học cổ đại Ấn Độ, nhân sinh quan Phật giáo thể hiện tập trung trong thuyết “tứ đế”. Phương án nào sau đây phản ánh được “tứ đế” đó?

a. Khổ đế, Tập đế, Nhân đế, Đạo đế

b. Khổ đế, Tập đế, Nhân đế, Diệt đế

c. Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế

d. Khổ đế, Tập đế, Đạo đế, Niết bàn



\* Đáp án: c.

Câu 600\*: Bát chính đạo của Đạo Phật nằm trong phương án nào sau đây:

- a. Chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính đạo.
  - b. Chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định.
  - c. Chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính định, chính tinh tiến, chính niệm, chính đạo.
  - d. Chính kiến, chính khẩu, chính tư duy, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định.
- \* Đáp án: b.

Câu 601: Trong triết học cổ đại nào Trung Hoa, người chủ trương cải biến xã hội loạn lạc bằng “Nhân trị” là:

- a. Khổng Tử
  - b. Tuân Tử
  - c. Hàn Phi Tử
  - d. Mạnh Tử
- \* Đáp án: a.

Câu 602: Nhà triết học Trung Quốc cổ đại nào đưa ra quan điểm “Nhân trị sơ tính bản thiện”?

- a. Dương Hùng
  - b. Mạnh Tử
  - c. Mặc Tử
  - d. Lão Tử
- \* Đáp án: b.

Câu 603: Nhà triết học Trung Quốc cổ đại nào đưa ra quan điểm: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (Dân là trọng hơn cả, xã tắc đứng đằng sau, vua còn nhẹ hơn):

- a. Khổng Tử
  - b. Tuân Tử
  - c. Mạnh Tử
  - d. Lão Tử
- \* Đáp án: c.

Câu 604: Tác giả câu nói nổi tiếng: “Lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt”?

- a. Lão Tử

- b. Hàn Phi Tử
- c. Trang Tử
- d. Tuân Tử

\* Đáp án: a.

Câu 605\*: Quan điểm: “Đời khác thì việc phải khác, việc khác thì pháp độ phải khác” là của nhà triết học Trung Quốc cổ đại nào?

- a. Thương Ưởng
- b. Hàn Phi Tử
- c. Mặc Tử
- d. Tuân Tử

\* Đáp án: b.

Câu 606: Tư tưởng về sự giàu nghèo, sống chết, họa phúc, thành bại không phải là do số mệnh quy định mà do hành vi con người gây nên là của ai:

- a. Lão Tử
- b. Trang Tử
- c. Mặc Tử
- d. Khổng Tử

\* Đáp án: c.

Câu 607: Nhà triết học Trung Quốc cổ đại nào quan niệm nguyên nhân và động lực căn bản của mọi sự biến đổi lịch sử là do dân số và của cải ít hoặc nhiều?

- a. Hàn Phi Tử
- b. Khổng Tử
- c. Mạnh Tử
- d. Tuân Tử

\* Đáp án: a.

Câu 608\*: Ông cho rằng tự nhiên không có ý chí tối cao, ý muốn chủ quan con người không thể thay đổi được quy luật khách quan, vận mệnh của con người là do con người tự quyết định lấy. Ông là ai?

- a. Trang Tử
- b. Mặc Tử
- c. Hàn Phi Tử
- d. Khổng Tử

\* Đáp án: c.

Câu 609: Học thuyết “Kiêm ái” kêu gọi yêu thương tất cả mọi người như nhau, không phân biệt thân sơ, trên dưới, sang hèn là của nhà triết học nào?

- a. Dương Chu
- b. Lão Tử
- c. Mặc Tử
- d. Mạnh Tử

\* Đáp án: c.

Câu 610\*: Chủ trương chủ nghĩa “vị ngã” tức là vì mình trong triết học Trung Quốc cổ đại là của tác giả nào?

- a. Lão Tử
- b. Dương Chu
- c. Trang Tử
- d. Mạnh Tử

\* Đáp án: b.

Câu 611\*: Người đưa ra tư tưởng về sự hình thành khái niệm trước hết là dựa vào kinh nghiệm cảm quan. Con người lấy tính chất chung của sự vật khách quan do cảm giác chung đưa lại để so sánh và quy nạp thành từng loại, đặt cho nó một tên gọi chung, do đó hình thành lời và khái niệm. Ông là ai?

- a. Tuân Tử
- b. Mặc Tử
- c. Trang Tử
- d. Khổng Tử

\* Đáp án: a.

Câu 612\*: Đề cập về nguồn gốc xã hội của con người, một triết gia Trung Quốc cổ đại cho rằng con người khác động vật ở chỗ có tổ chức xã hội và có sinh hoạt xã hội theo tập thể. Sở dĩ như vậy là để sinh tồn, người ta cần phải có sự liên hệ, trao đổi và giúp đỡ nhau một cách tự nhiên và tất yếu. Ông là ai?

- a. Lão Tử
- b. Mạnh Tử
- c. Tuân Tử
- d. Khổng Tử

\* Đáp án: c.

Câu 613: Quan điểm: “Hoạ là chỗ tựa của phúc, phúc là chỗ nấu của hoạ” tư tưởng về sự thống nhất của các mặt đối lập ấy là của nhà triết học nào?

- a. Mặc Tử
- b. Lão Tử
- c. Tuân Tử
- d. Hàn Phi Tử

\* Đáp án: b.

Câu 614\*: Luận điểm nổi tiếng: “Trời có bốn mùa, đất có sản vật, người có văn tự” là của nhà triết học nào?

- a. Khổng Tử
- b. Mạnh Tử
- c. Hàn Phi Tử
- d. Tuân Tử

\* Đáp án: d.

Câu 615: Theo Talét (~ 624-547 TCN) bản nguyên của mọi vật trong thế giới là:

- a. Nước
- b. Không khí
- c. Ête
- d. Lửa

\* Đáp án: a.

Câu 616: Ông cho rằng vũ trụ không phải do Chúa trời hay một lực lượng siêu nhiên thần bí nào tạo ra. Nó “mãi mãi đã, đang và sẽ là ngọn lửa vĩnh viễn đang không ngừng bùng cháy và tồn tại”. Ông là ai?

- a. Đêôcrit
- b. Platôn
- c. Hêraclit
- d. Arixtốt

\* Đáp án: c.

Câu 617\*: Luận điểm “cùng một cái ở trong chúng ta – sống và chết, thức và ngủ, trẻ và già. Vì rằng cái này mà biến đổi thành cái kia, và ngược lại cái kia mà biến đổi thành cái này” là của ai?

- a. Lơxip
- b. Hêraclit
- c. Arixtốt
- d. Đêôcrit

\* Đáp án: b.

Câu 618\*: Ông cho rằng linh hồn luôn vận động sinh ra nhiệt làm cho cơ thể hưng phấn và vận động, nơi cư trú của linh hồn là trái tim. Ông là ai?

- a. Đêôcrit
- b. Platôn
- c. Arixtốt
- d. Hêraclit

\* Đáp án: a.

Câu 619: Tư tưởng về sự vận động, phát triển không ngừng của thế giới do quy luật khách quan (lôgos) quy định là của nhà triết học nào?

- a. Arixtốt
- b. Đêôcrit

- c. Hêraclit
- d. Xenôphan

\* Đáp án: c.

Câu 620\*: Quan điểm thế giới là một khối “duy nhất” bất sinh bất dịch. Thế giới không phải do thần thánh tạo ra là của triết gia nào?

- a. Pitago
- b. Xenôphan
- c. Pacmênit
- d. Hêraclit

\* Đáp án: b.

Câu 621\*: Nhà triết học Hy Lạp cổ đại đầu tiên quan niệm, không phải thần thánh sáng tạo ra con người, mà chính con người nghĩ ra, sáng tạo các vị thần thánh theo trí tưởng tượng và theo hình tượng của mình. Ông là ai?

- a. Hêraclit
- b. Đêôcrit
- c. Xenôphan
- d. Pacmênit

\* Đáp án: c.

Câu 622: Ông cho rằng khởi nguyên của thế giới vật chất là 4 yếu tố vật chất: đất, nước, lửa, không khí. Ông là ai?

- a. Dênon
- b. Empêdoc
- c. Anaxago
- d. Xenôphan

\* Đáp án: b.

Câu 623\*: Nhà triết học đưa ra quan niệm sự sống là kết quả của quá trình biến đổi của bản thân tự nhiên; được phát sinh từ những vật thể ẩm ướt, dưới tác động của nhiệt độ. Ông là ai?

- a. Đêôcrit
- b. Hêraclit
- c. Xenôphan
- d. Anaxago

\* Đáp án: a.

Câu 624: Người được Arixtốt coi là tiền bối của mình về logic học, ông là ai?

- a. Platôn
- b. Hêraclit
- c. Đêôcrit
- d. Pitago

\* Đáp án: c.

Câu 625: Tư tưởng về nguồn gốc tâm lý của tín ngưỡng, tôn giáo là vì con người bị ám ảnh bởi những hiện tượng khủng khiếp trong tự nhiên, là của nhà triết học Hy Lạp cổ đại nào?

- a. Hêraclit
- b. Đêôcrit
- c. Arixtốt
- d. Platôn

\* Đáp án: b.

Câu 626\*: Người đưa ra luận điểm “vạch ra khuyết điểm của riêng mình tốt hơn là vạch ra khuyết điểm của người khác”, ông là ai?

- a. Đêôcrit
- b. Arixtốt
- c. Hêraclit
- d. Platôn

\* Đáp án: a.

Câu 627: Ông cho rằng vật chất cũng là cái có thực nhưng không phải là cái tồn tại, nó chỉ là cái bóng của cái tồn tại “ý niệm”, ông là ai?

- a. Pitago
- b. Xôcrat
- c. Platôn
- d. Arixtốt

\* Đáp án: c.

Câu 628\*: Người đầu tiên nhấn mạnh vai trò đặc biệt của khái niệm trong nhận thức, khi ông cho rằng khám phá ra chân lý đích thực về bản chất sự vật tức là phải hiểu nó ở mức độ khái niệm. Ông là ai?

- a. Arixtốt
- b. Xôcrat
- c. Platôn
- d. Đêôcrit

\* Đáp án: b.

Câu 629: Người đưa ra quan điểm rằng ý niệm là đối tượng của nhận thức chân lý bằng sự hồi tưởng của linh hồn bất tử, ông là ai?

- a. Pitago
- b. Pacmênit
- c. Platôn
- d. Arixtốt

\* Đáp án: c.

Câu 630: Nhà triết học Hy Lạp cổ đại được C.Mác suy tôn là “người khổng lồ về tư tưởng”, ông là ai?

- a. Đê mêcrit
  - b. Arixốt
  - c. Platôn
  - d. Hêraclit
- \* Đáp án: b.

Câu 631\*: Quá trình tư duy diễn ra qua các khâu: Cơ thể – tác động bên ngoài – cảm giác – tưởng tượng – tư duy, là khái quát của nhà triết học nào?

- a. Arixốt
- b. Hêraclit
- c. Đê mêcrit
- d. Platôn

\* Đáp án: a.

Câu 632: Người đưa ra quan điểm trong việc xem xét nhà nước về 3 phương diện: lập pháp, hành pháp và phán xử, ông là nhà triết học nào?

- a. Platôn
- b. Anaxago
- c. Arixốt
- d. Đê mêcrit

\* Đáp án: c.

Câu 633: Thời kỳ trung cổ bắt đầu từ:

- a. Thế kỷ V đến thế kỷ XIII
- b. Thế kỷ V đến thế kỷ XV
- c. Thế kỷ V đến thế kỷ XVI
- d. Thế kỷ IV đến thế kỷ XIV

\* Đáp án: b.

Câu 634: Hình thái kinh tế - xã hội nào thống trị thời kỳ trung cổ ở Tây Âu:

- a. Chiếm hữu nô lệ
- b. Cộng sản nguyên thủy
- c. Phong kiến
- d. Tư bản chủ nghĩa

\* Đáp án: c.

Câu 635: Người đưa ra quan niệm Thượng đế là một vật thể, ông là ai?

- a. Tectuliêng
- b. Ôguytxanh
- c. Giăngxicốt Origeno
- d. Tômat Đacanh

\* Đáp án: a.

Câu 636\*: Ông cho rằng quá trình nhận thức của con người là quá trình nhận thức Thượng đế, nhận thức

Thượng đế chỉ để đạt được bởi niềm tin tôn giáo và Thượng đế là chân lý tối cao?

- a. TômatĐacanh
- b. Ôguytxanh
- c. ĐƠnxcốt
- d. Tectuliêng

\* Đáp án: b.

Câu 637: Thời kỳ hưng thịnh của chủ nghĩa Kinh viện ở Tây Âu thời kỳ trung cổ:

- a. Thế kỷ X
- b. Thế kỷ X đến thế kỷ XII
- c. Thế kỷ XIII
- d. Thế kỷ X đến Thế kỷ XIII

\* Đáp án: c.

Câu 638\*: Người đưa ra tư tưởng đồng nhất tôn giáo với triết học rằng: “triết học chân chính và tôn giáo chân chính là một”, ông là ai?

- a. Giăngxicốt Origeno
- b. Tectuliêng
- c. TômatĐacanh
- d. ĐƠnxcốt

\* Đáp án: a.

Câu 639: Khi giải quyết quan hệ giữa lý trí và lòng tin, ông quan niệm rằng niềm tin phải lấy lý trí làm cơ sở “hiểu để mà tin”, ông là ai?

- a. ĐƠnxcốt
- b. Pie Abơla
- c. Rôgiê Bêcơn
- d. Ôguytxanh

\* Đáp án: b.

Câu 640: Quan niệm đối tượng của triết học là nghiên cứu “chân lý và lý trí”, còn đối tượng của thần học là “chân lý của lòng tin tôn giáo” là của ai?

- a. Pie Abơla
- b. Ôguytxanh
- c. Tômat Đacanh
- d. Rôgiê Bêcơn

\* Đáp án: c.

Câu 641: Người theo chủ nghĩa Duy thực triết để ông là ai?

- a. Tômat Đacanh
- b. Giăngxicốt Origeno
- c. ĐƠnxcốt
- d. Pie Abơla

\* Đáp án: b.

Câu 642: Người coi khoa học thực nghiệm là chúa tể của khoa học, ông là ai?

- a. Rôgiê Bêcơn
- b. Pie Abơla
- c. Guyôm Ôccam
- d. Đơnxcốt

\* Đáp án: a

Câu 643: Người được coi là nhà triết học duy tâm chủ quan triệt để nhất trong lịch sử triết học Trung Quốc, ông là ai?

- a. Lý Chí (1527-1602)
- b. Lục Cửu Uyên
- c. Vương Thủ Nhân (1472-1528)
- d. Thiệu Ung

\* Đáp án: c.

Câu 644: Ông được coi là người tiên phong trong việc kết hợp Nho – Phật – Lão, ông là ai?

- a. Chu Đôn Di (1017-1073)
- b. Thiệu Ung (1011-1077)
- c. Chu Hy (1130-1200)
- d. Vương Thủ Nhân (1472-1528)

\* Đáp án: b.

Câu 645\*: Quan niệm: “Hình (thể xác) là cái chất của tinh thần, tinh thần là tác dụng của (hình) thể xác” là của nhà triết học hoặc trường phái triết học nào ở Trung Quốc?

- a. Bùì Nguy (265-299)
- b. Phạm Chấn (450-515)
- c. Phái Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Đông Pha.
- d. Chu Hy (1130-1200)

\* Đáp án: b.

Câu 646\*: Quan niệm: “Không có hai mặt đối lập không thể thấy được sự thống nhất thì tác dụng của hai mặt đối lập cũng không có” là của nhà triết học nào?

- a. Trình Hạo (1032-1085)
- b. Trình Di (1033-1107)
- c. Trương Tải (1020-1077)
- d. Thiệu Ung (1011-1077)

\* Đáp án: c.

Câu 647: Tư tưởng thế giới là một chỉnh thể không thể phân chia trong đó có các sự vật, hiện tượng đều có mối liên hệ với nhau, ví như cơ thể con người, đó là tư tưởng của ai?

- a. Trần Lượng (1143-1194)
- b. Lục Cửu Uyên (1139-1192)
- c. Chu Hy(1130-1200)
- d. Trình Di (1033-1107)

\* Đáp án: a.

Câu 648\*: Ông cho rằng chỉ có nghiên cứu sự vật cụ thể, tìm hiểu đời sống con người mới có thể tìm ra quy luật khách quan, tìm ra chân lý. Ông là ai?

- a. Trương Tải (1020 - 1077)
- b. Thiệu Ung (1011 - 1077)
- c. Trần Lượng (1143 - 1194)
- d. Lục Cửu Uyên (1139-1192)

\* Đáp án: c

Câu 649: Ông nói: “Trời đất sinh ở Thái cực. Thái cực là cái Tâm của ta; muôn vật biến hoá là do Thái cực sinh ra, tức là Tâm của ta sinh ra vậy. Bởi vậy, mới nói Đạo của trời đất có đủ ở người”. Ông là nhà triết học nào?

- a. Chu Đôn Di (1017 - 1073)
- b. Thiệu Ung (1011 - 1077)
- c. Trình Di (1033 - 1107)
- d. Chu Hy(1130-1200)

\* Đáp án: b

Câu 650: Tác phẩm nào được coi là đánh dấu sự chín muồi của thế giới quan mới (chủ nghĩa duy vật về lịch sử)?

- a. Hệ tư tưởng Đức
- b. Bản thảo kinh tế triết học 1844
- c. Sự khốn cùng của triết học
- d. Luận cương về Phoiơbắc

\* Đáp án: a.

Câu 651: Yếu tố nào giữ vai trò quyết định trong tồn tại xã hội?

- a. Môi trường tự nhiên
- b. Điều kiện dân số
- c. Phương thức sản xuất

d. Lực lượng sản xuất

\* Đáp án: c.

Câu 652: Sản xuất vật chất là gì?

- a. Sản xuất xã hội, sản xuất tinh thần
- b. Sản xuất của cải vật chất
- c. Sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần
- d. Sản xuất ra đời sống xã hội

\* Đáp án: b.

Câu 653: Tư liệu sản xuất bao gồm:

- a. Con người và công cụ lao động
- b. Con người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động
- c. Đối tượng lao động và tư liệu lao động
- d. Công cụ lao động và tư liệu lao động

\* Đáp án: c.

Câu 654: Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở:

- a. Trình độ công cụ lao động và người lao động
- b. Trình độ tổ chức, phân công lao động xã hội
- c. Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất
- d. Tăng năng suất lao động

\* Đáp án: a, b, c.

Câu 655\*: Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội trong lịch sử?

- a. Quan hệ sản xuất đặc trưng
- b. Chính trị tư tưởng
- c. Lực lượng sản xuất
- d. Phương thức sản xuất

\* Đáp án: a.

Câu 656: Yếu tố cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất:

- a. Người lao động
- b. Công cụ lao động
- c. Phương tiện lao động
- d. Tư liệu lao động

\* Đáp án: b.

Câu 657: Trong quan hệ sản xuất, quan hệ nào giữ vai trò quyết định:

- a. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất
- b. Quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất

c. Quan hệ phân phối sản phẩm.

d. Quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

\* Đáp án: a.

Câu 658: Thời đại đồ đồng tương ứng với hình thái kinh tế – xã hội:

- a. Hình thái kinh tế – xã hội cộng sản nguyên thủy
- b. Hình thái kinh tế – xã hội phong kiến
- c. Hình thái kinh tế – xã hội chiếm hữu nô lệ
- d. Hình thái kinh tế – xã hội tư bản chủ nghĩa

\* Đáp án: c.

Câu 659\*: Nội dung của quá trình sản xuất vật chất là:

- a. Tư liệu sản xuất và quan hệ giữa người với người đối với tư liệu sản xuất
- b. Tư liệu sản xuất và người lao động với kỹ năng lao động tương ứng với công cụ lao động
- c. Tư liệu sản xuất và tổ chức, quản lý quá trình sản xuất.
- d. Tư liệu sản xuất và con người.

\* Đáp án: b.

Câu 660: Nền tảng vật chất của toàn bộ lịch sử nhân loại là:

- a. Lực lượng sản xuất
- b. Quan hệ sản xuất
- c. Của cải vật chất
- d. Phương thức sản xuất

\* Đáp án: a.

Câu 661: Hoạt động tự giác trên quy mô toàn xã hội là đặc trưng cơ bản của nhân tố chủ quan trong xã hội?

- a. Cộng sản nguyên thủy
- b. Tư bản chủ nghĩa
- c. Xã hội chủ nghĩa
- d. Phong kiến

\* Đáp án: c.

Câu 662\*: Khuynh hướng của sản xuất là không ngừng biến đổi phát triển. Sự biến đổi đó bao giờ cũng bắt đầu từ:

- a. Sự biến đổi, phát triển của cách thức sản xuất
- b. Sự biến đổi, phát triển của lực lượng sản xuất
- c. Sự biến đổi, phát triển của kỹ thuật sản xuất

d. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật

\* Đáp án: b

Câu 663: Tính chất xã hội của lực lượng sản xuất được bắt đầu từ:

- a. Xã hội tư bản chủ nghĩa
- b. Xã hội xã hội chủ nghĩa
- c. Xã hội phong kiến
- d. Xã hội chiếm hữu nô lệ.

\* Đáp án: a.

Câu 664: Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định đối với sự vận động, phát triển của xã hội?

- a. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- b. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- c. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- d. Quy luật đấu tranh giai cấp

\* Đáp án: a.

Câu 665: Trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta, chúng ta cần phải tiến hành:

- a. Phát triển lực lượng sản xuất đạt trình độ tiên tiến để tạo cơ sở cho việc xây dựng quan hệ sản xuất mới.
- b. Chủ động xây dựng quan hệ sản xuất mới để tạo cơ sở thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- c. Kết hợp đồng thời phát triển lực lượng sản xuất với từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp.
- d. củng cố xây dựng kiến trúc thượng tầng mới cho phù hợp với cơ sở hạ tầng

\* Đáp án: c.

Câu 666\*: Thực chất của quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:

- a. Quan hệ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội
- b. Quan hệ giữa kinh tế và chính trị
- c. Quan hệ giữa vật chất và tinh thần.
- d. Quan hệ giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội

\* Đáp án: b.

Câu 667: Phạm trù hình thái kinh tế – xã hội là phạm trù được áp dụng:

- a. Cho mọi xã hội trong lịch sử
- b. Cho một xã hội cụ thể
- c. Cho xã hội tư bản chủ nghĩa
- d. Cho xã hội cộng sản chủ nghĩa

\* Đáp án: a.

Câu 668\*: C.Mác viết: “Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên”, theo nghĩa:

- a. Sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội cũng giống như sự phát triển của tự nhiên không phụ thuộc chủ quan của con người.
- b. Sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội tuân theo quy luật khách quan của xã hội.
- c. Sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội ngoài tuân theo các quy luật chung còn bị chi phối bởi điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia dân tộc.
- d. Sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội tuân theo các quy luật chung.

\* Đáp án: a, b, c.

Câu 669\*: Chủ trương thực hiện nhất quán cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay là:

- a. Sự vận dụng đúng đắn quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất.
- b. Nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới
- c. Nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế
- d. Nhằm phát triển quan hệ sản xuất

\* Đáp án: a, c.

Câu 670: Cấu trúc của một hình thái kinh tế – xã hội gồm các yếu tố cơ bản hợp thành:

- a. Lĩnh vực vật chất và lĩnh vực tinh thần
- b. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- c. Quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng
- d. Quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

\* Đáp án: c.

Câu 671: Tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay là:

- a. Trái với tiến trình lịch sử tự nhiên
- b. Phù hợp với quá trình lịch sử tự nhiên
- c. Vận dụng sáng tạo của Đảng ta

d. Không phù hợp với quy luật khách quan

\* Đáp án: b, c.

Câu 672\*: Luận điểm: “Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên” được C.Mác nêu trong tác phẩm nào?

a. Tư bản

b. Hệ tư tưởng Đức

c. Lời nói đầu góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị

d. Tuyên ngôn Đảng cộng sản

\* Đáp án: a.

Câu 673\*: Câu nói sau của V.I.Lênin là trong tác phẩm nào: “Chỉ có đem qui những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên”.

a. Nhà nước và cách mạng

b. Chủ nghĩa tư bản ở Nga

c. Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao.

d. Làm gì?

\* Đáp án: c.

Câu 674: Quan hệ sản xuất bao gồm:

a. Quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người

b. Quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, lưu thông, tiêu dùng hàng hoá

c. Các quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất

d. Quan hệ giữa người với người trong đời sống xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 675: Cách viết nào sau đây là đúng:

a. Hình thái kinh tế – xã hội

b. Hình thái kinh tế của xã hội

c. Hình thái xã hội

d. Hình thái kinh tế, xã hội

\* Đáp án: a.

Câu 676: Cơ sở hạ tầng của xã hội là:

a. Đường xá, cầu tàu, bến cảng, bưu điện...

b. Tổng hợp các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội

c. Toàn bộ cơ sở vật chất – kỹ thuật của xã hội

d. Đời sống vật chất

\* Đáp án: b.

Câu 677: Kiến trúc thượng tầng của xã hội bao gồm:

a. Toàn bộ các quan hệ xã hội

b. Toàn bộ các tư tưởng xã hội và các tổ chức tương ứng

c. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, ... và những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái chính trị, ... được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định.

d. Toàn bộ ý thức xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 678: Xét đến cùng, nhân tố có ý nghĩa quyết định sự thắng lợi của một trật tự xã hội mới là:

a. Năng suất lao động

b. Sức mạnh của luật pháp

c. Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

d. Sự điều hành và quản lý xã hội của Nhà nước

\* Đáp án: a.

Câu 679: Trong 3 đặc trưng của giai cấp thì đặc trưng nào giữ vai trò chi phối các đặc trưng khác:

a. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác

b. Khác nhau về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội

c. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội

d. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội

\* Đáp án: b.

Câu 680: Sự phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế – xã hội nào?

a. Cộng sản nguyên thủy

b. Chiếm hữu nô lệ

c. Phong kiến.

d. Tư bản chủ nghĩa

\* Đáp án: b.



Câu 681: Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- a. Do sự phát triển lực lượng sản xuất làm xuất hiện “của dư” tương đối
- b. Do sự chênh lệch về khả năng giữa các tập đoàn người
- c. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- d. Do sự phân hoá giữa giàu và nghèo trong xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 682\*: Đấu tranh giai cấp, xét đến cùng là nhằm:

- a. Phát triển sản xuất
- b. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp
- c. Lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị bóc lột.
- d. Giành lấy chính quyền Nhà nước

\* Đáp án: a.

Câu 683\*: Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do:

- a. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống
- b. Sự đối lập về lợi ích cơ bản – lợi ích kinh tế
- c. Sự khác nhau giữa giàu và nghèo
- d. Sự khác nhau về mức thu nhập

\* Đáp án: b.

Câu 684: Trong các hình thức đấu tranh sau của giai cấp vô sản, hình thức nào là hình thức đấu tranh cao nhất?

- a. Đấu tranh chính trị
- b. Đấu tranh kinh tế
- c. Đấu tranh tư tưởng
- d. Đấu tranh quân sự

\* Đáp án: a.

Câu 685: Vai trò của đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại?

- a. Là động lực cơ bản của sự phát triển xã hội.
- b. Là một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội trong các xã hội có giai cấp
- c. Thay thế các hình thái kinh tế – xã hội từ thấp đến cao.
- d. Lật đổ ách thống trị của giai cấp thống trị

\* Đáp án: b.

Câu 686: Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là:

- a. Nhằm mục đích cuối cùng thiết lập quyền thống trị của giai cấp vô sản
- b. Cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt nhất
- c. Cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng trong lịch sử
- d. Thực hiện chuyên chính vô sản

\* Đáp án: b, c.

Câu 687: Điều kiện thuận lợi cơ bản nhất của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong thời kỳ quá độ:

- a. Giai cấp thống trị phản động bị lật đổ
- b. Giai cấp vô sản đã giành được chính quyền
- c. Sự ủng hộ giúp đỡ của giai cấp vô sản quốc tế
- d. Có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản

\* Đáp án: b.

Câu 688: Trong hai nhiệm vụ của đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sau đây, nhiệm vụ nào là cơ bản quyết định?

- a. Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới
- b. Bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được
- c. Củng cố, bảo vệ chính quyền
- d. Phát triển lực lượng sản xuất

\* Đáp án: a.

Câu 689\*: Trong các nội dung chủ yếu sau của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay theo quan điểm Đại hội IX của Đảng, nội dung nào là chủ yếu nhất?

- a. Làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch
- b. Chống áp bức bất công, thực hiện công bằng xã hội
- c. Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
- d. Đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ tham nhũng, lãng phí.

\* Đáp án: c.

Câu 690\*: Luận điểm sau của C.Mác: “Sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất” được hiểu theo nghĩa:

- a. Giai cấp chỉ là một phạm trù lịch sử

- b. Sự tồn tại của giai cấp gắn liền với lịch sử của sản xuất
- c. Sự tồn tại giai cấp chỉ gắn liền với các giai đoạn phát triển nhất định của sản xuất
- d. Giai cấp chỉ là một hiện tượng lịch sử

\* Đáp án: a, c.

Câu 691: Cơ sở của liên minh công – nông trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản là gì?

- a. Mục tiêu lý tưởng
- b. Cùng địa vị
- c. Thống nhất về lợi ích cơ bản
- d. Mang bản chất cách mạng

\* Đáp án: c.

Câu 692: Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức nào?

- a. Đấu tranh tư tưởng
- b. Đấu tranh kinh tế
- c. Đấu tranh chính trị
- d. Đấu tranh vũ trang

\* Đáp án: b.

Câu 693\*: Cách hiểu nào sau đây về mục đích cuối cùng đấu tranh giai cấp trong lịch sử là đúng?

- a. Đấu tranh giai cấp nhằm thay đổi địa vị lẫn nhau giữa các giai cấp
- b. Đấu tranh giai cấp xét đến cùng là nhằm chiếm lấy quyền lực nhà nước
- c. Đấu tranh giai cấp nhằm mục đích cuối cùng là xoá bỏ giai cấp.
- d. Đấu tranh giai cấp nhằm thay đổi hiện thực xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 694: Theo sự phát triển của lịch sử xã hội, thứ tự sự phát triển các hình thức cộng đồng người là:

- a. Bộ lạc – Bộ tộc – Thị tộc – Dân tộc
- b. Bộ tộc – Thị tộc – Bộ lạc – Dân tộc
- c. Thị tộc – Bộ lạc – Bộ tộc – Dân tộc
- d. Thị tộc – Bộ lạc – Liên minh thị tộc – Bộ tộc – Dân tộc

\* Đáp án: c.

Câu 695: Hình thức cộng đồng người nào hình thành khi xã hội loài người đã bắt đầu có sự phân chia thành giai cấp?

- a. Bộ lạc
- b. Thị tộc
- c. Bộ tộc
- d. Dân tộc

\* Đáp án: c.

Câu 696: Sự hình thành dân tộc phổ biến là gắn với:

- a. Xã hội phong kiến
- b. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản
- c. Phong trào công nhân và cách mạng vô sản
- d. Xã hội cổ đại

\* Đáp án: b.

Câu 697\*: Đặc điểm nào sau đây thuộc về chủng tộc:

- a. Cùng cư trú trên một khu vực địa lý
- b. Cùng một sở thích nhất định
- c. Cùng một tính chất về mặt sinh học
- d. Cùng một quốc gia, dân tộc

\* Đáp án: c.

Câu 698: Tính chất của dân tộc được quy định bởi:

- a. Phương thức sản xuất thống trị trong dân tộc
- b. Giai cấp lãnh đạo xã hội và dân tộc
- c. Xu thế của thời đại
- d. Đặc điểm ngôn ngữ, văn hoá

\* Đáp án: a, b.

Câu 699: Trong các mối liên hệ cộng đồng sau đây, hình thức liên hệ nào là quan trọng nhất quy định đặc trưng của cộng đồng dân tộc?

- a. Cộng đồng lãnh thổ
- b. Cộng đồng kinh tế
- c. Cộng đồng ngôn ngữ
- d. Cộng đồng văn hóa

\* Đáp án: b, d

Câu 700\*: Trong các hình thức nhà nước dưới đây, hình thức nào thuộc về kiểu nhà nước phong kiến?

- a. Quân chủ lập hiến, cộng hoà đại nghị
- b. Quân chủ tập quyền, quân chủ phân quyền
- c. Chính thể quân chủ, chính thể cộng hoà
- d. Quân chủ chuyên chế

\* Đáp án: b.

Câu 701: Chức năng nào là cơ bản nhất trong 3 chức năng sau đây của các nhà nước trong lịch sử:

- a. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại
- b. Chức năng xã hội
- c. Chức năng thống trị giai cấp
- d. Chức năng đối nội

\* Đáp án: c.

Câu 702\*: Vấn đề cơ bản nhất của chính trị là:

- a. Đảng phái chính trị
- b. Chính quyền nhà nước, quyền lực nhà nước
- c. Quan hệ giai cấp.
- d. Lợi ích kinh tế của giai cấp

\* Đáp án: b.

Câu 703\*: Nguyên nhân xét đến cùng của những hành động chính trị trong xã hội?

- a. Kinh tế
- b. Chính trị
- c. Tư tưởng
- d. Lợi ích

\* Đáp án: a.

Câu 704: Sự ra đời và tồn tại của nhà nước:

- a. Là nguyện vọng của giai cấp thống trị
- b. Là nguyện vọng của mỗi quốc gia dân tộc
- c. Là một tất yếu khách quan do nguyên nhân kinh tế
- d. Là do sự phát triển của xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 705: Đáp án nào sau đây nêu đúng nhất bản chất của Nhà nước:

- a. Cơ quan phúc lợi chung của toàn xã hội
- b. Công cụ thống trị áp bức của giai cấp thống trị đối với toàn xã hội, cơ quan trọng tài phân xử, hoà giải các xung đột xã hội.
- c. Là cơ quan quyền lực của giai cấp
- d. Là bộ máy quản lý xã hội

\* Đáp án: b.

Câu 706: Đặc trưng chủ yếu của cách mạng xã hội là gì :

- a. Sự thay đổi về hệ tư tưởng nói riêng và toàn bộ đời sống tinh thần xã hội nói chung.

b. Sự thay đổi về toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội nói chung

- c. Sự thay đổi chính quyền nhà nước từ tay giai cấp thống trị phản động sang tay giai cấp cách mạng.
- d. Sự thay đổi đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội nói chung.

Đáp án : c.

Câu 707: Nguyên nhân sâu xa nhất của cách mạng xã hội là:

- a. Nguyên nhân chính trị
- b. Nguyên nhân kinh tế
- c. Nguyên nhân tư tưởng
- d. Nguyên nhân tâm lý

\* Đáp án: b.

Câu 708: Điều kiện khách quan của cách mạng xã hội là:

- a. Phương pháp cách mạng
- b. Thời cơ cách mạng
- c. Tình thế cách mạng
- d. Lực lượng cách mạng

\* Đáp án: b, c.

Câu 709\*: Vai trò của cách mạng xã hội đối với tiến hóa xã hội:

- a. Cách mạng xã hội mở đường cho quá trình tiến hóa xã hội lên giai đoạn cao hơn.
- b. Cách mạng xã hội làm gián đoạn quá trình tiến hóa xã hội
- c. Cách mạng xã hội không có quan hệ với tiến hóa xã hội
- d. Cách mạng xã hội phủ định tiến hóa xã hội

\* Đáp án: a.

Câu 710: Vai trò của cải cách xã hội đối với cách mạng xã hội:

- a. Cải cách xã hội không có quan hệ với cách mạng xã hội
- b. Cải cách xã hội thúc đẩy quá trình tiến hóa xã hội, từ đó tạo tiền đề cho cách mạng xã hội
- c. Cải cách xã hội của lực lượng xã hội tiến bộ và trong hoàn cảnh nhất định trở thành bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội.
- d. Cải cách xã hội không có ảnh hưởng gì tới cách mạng xã hội

\* Đáp án: b, c.

Câu 711\*: Quan điểm của chủ nghĩa cải lương đối với cách mạng xã hội, đó là:

- Chủ trương cải cách riêng lẻ trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản
- Chủ trương thay đổi chủ nghĩa tư bản bằng phương pháp hoà bình
- Từ bỏ đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội
- Tiến hành hoạt động đấu tranh kinh tế

\* Đáp án: a, c.

Câu 712: Cuộc cách mạng tháng 8/1945 ở nước ta do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo:

- Là cuộc cách mạng vô sản
- Là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- Là cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp
- Là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc

\* Đáp án: b.

Câu 713\*: Yếu tố giữ vai trò quan trọng nhất của nhân tố chủ quan trong cách mạng vô sản là:

- Đảng của giai cấp công nhân có đường lối cách mạng đúng đắn
- Tính tích cực chính trị của quần chúng
- Lực lượng tham gia cách mạng
- Khối đoàn kết công – nông – trí thức.

\* Đáp án: b.

Câu 714\*: Điều kiện không thể thiếu để cuộc cách mạng xã hội đạt tới thành công theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin:

- Bạo lực cách mạng
- Sự giúp đỡ quốc tế
- Giai cấp thống trị phản động tự nó không duy trì được địa vị thống trị
- Sự khủng hoảng của chế độ xã hội cũ

\* Đáp án: a.

Câu 715: Theo Ph. Ăngghen, vai trò quyết định của lao động đối với quá trình biến vượn thành người là:

- Lao động làm cho bàn tay con người hoàn thiện hơn
- Lao động làm cho não người phát triển hơn
- Lao động là nguồn gốc hình thành ngôn ngữ
- Lao động tạo ra nguồn thức ăn nhiều hơn

\* Đáp án: a, b, c.

Câu 716\*: Kết luận của Ph. Ăngghen về vai trò quyết định của lao động trong việc hình thành con người và là điều kiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội là nhờ:

- Áp dụng quan điểm của Đac-uyn trong tác phẩm “Nguồn gốc loài người” của ông.
- Áp dụng quan điểm duy vật lịch sử vào nghiên cứu vấn đề nguồn gốc loài người
- Áp dụng quan điểm của các nhà kinh tế chính trị học Anh “lao động là nguồn gốc của mọi của cải”.
- Suy luận chủ quan của Ph. Ăngghen

\* Đáp án: b.

Câu 717: Tiêu chuẩn cơ bản nhất của tiến bộ xã hội là:

- Trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật
- Trình độ dân trí và mức sống cao của xã hội
- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- Trình độ phát triển của đạo đức, luật pháp, tôn giáo

\* Đáp án: c.

Câu 718: Những đặc trưng cơ bản của nhà nước:

- Nhà nước quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định
- Là bộ máy quyền lực đặc biệt mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội
- Nhà nước hình thành hệ thống thuế khoá để duy trì và tăng cường bộ máy cai trị
- Nhà nước quản lý dân cư bằng luật pháp

\* Đáp án: a, b, c.

Câu 719\*: Lý luận hình thái kinh tế – xã hội của C.Mác được V.I.Lênin trình bày khái quát trong tác phẩm nào sau đây:

- Nhà nước và cách mạng
- Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao.
- Chủ nghĩa tư bản ở Nga
- Bút ký triết học

\* Đáp án: b.

Câu 720: Thực chất của cách mạng xã hội là:

- a. Thay đổi thể chế chính trị này bằng thể chế chính trị khác
- b. Thay đổi thể chế kinh tế này bằng thể chế kinh tế khác
- c. Thay đổi hình thái kinh tế – xã hội thấp lên hình thái kinh tế – xã hội cao hơn.
- d. Thay đổi chế độ xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 721\*: C.Mác viết: “Các học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh giáo dục... Các học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục”. Câu nói này trong tác phẩm nào sau đây:

- a. Luận cương về Phoiơbắc
- b. Hệ tư tưởng Đức
- c. Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844
- d. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêgen

\* Đáp án: a.

Câu 722: Điểm xuất phát để nghiên cứu xã hội và lịch sử của C.Mác, Ph.Ăngghen là:

- a. Con người hiện thực
- b. Sản xuất vật chất
- c. Các quan hệ xã hội
- d. Đời sống xã hội

\* Đáp án: b.

Câu 723\*: Tư tưởng về vai trò cách mạng của bạo lực như là phương thức để thay thế xã hội cũ bằng xã hội mới của F.Ăngghen được trình bày trong tác phẩm:

- a. Những bức thư duy vật lịch sử
- b. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước.
- c. Chống Duyrinh
- d. Biện chứng của tự nhiên

\* Đáp án: c.

Câu 724: Đặc trưng nào dễ biến động nhất trong các đặc trưng của dân tộc:

- a. Sinh hoạt kinh tế
- b. Lãnh thổ
- c. Ngôn ngữ

d. Văn hóa và cấu tạo tâm lý

\* Đáp án: a.

Câu 725: Chức năng xã hội của nhà nước với tư cách là:

- a. Một tổ chức xã hội
- b. Một cơ quan công quyền
- c. Một bộ máy trấn áp
- d. Một cơ quan pháp chế

\* Đáp án: b.

Câu 726: Chức năng giai cấp của nhà nước bao gồm:

- a. Tổ chức, kiến tạo trật tự xã hội
- b. Thực hành chuyên chính trấn áp các giai cấp đối lập
- c. củng cố, mở rộng cơ sở chính trị xã hội cho sự thống trị của giai cấp cầm quyền.
- d. Quản lý xã hội

\* Đáp án: b, c.

Câu 727\*: Nhận xét của V.I.Lênin về một tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen: “Tác phẩm này trình bày một cách hết sức sáng tạo và rõ ràng thế giới quan mới chủ nghĩa duy vật triệt để” (tức chủ nghĩa duy vật lịch sử). Đó là tác phẩm:

- a. Tư bản
- b. Lutvích Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức
- c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản
- d. Luận cương về Phoiơbắc

\* Đáp án: c.

Câu 728: Lịch sử diễn ra một cách phức tạp là do:

- a. Bị tác động bởi quy luật lợi ích
- b. Bị chi phối bởi quy luật chung của xã hội
- c. Bị chi phối bởi đặc thù truyền thống văn hoá của mỗi quốc gia dân tộc.
- d. Cả a và c

\* Đáp án: d

Câu 729: Chọn câu của C.Mác định nghĩa bản chất con người trong các phương án sau:

- a. Trong tính hiện thực, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội.
- b. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà tất cả các mối quan hệ xã hội.

c. Bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội.

d. Con người là động vật xã hội

\* Đáp án: c.

Câu 730\*: Biểu hiện vĩ đại nhất trong bước ngoặt cách mạng do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện:

a. Làm thay đổi tính chất của triết học

b. Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật về lịch sử

c. Thống nhất chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng sau khi cải tạo, phát triển cho ra đời chủ nghĩa duy vật biện chứng.

d. Phát hiện ra quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản

\* Đáp án: b.

Câu 731: Bản chất của con người được quyết định bởi:

a. Các mối quan hệ xã hội

b. Nỗ lực của mỗi cá nhân

c. Giáo dục của gia đình và nhà trường

d. Hoàn cảnh xã hội

\* Đáp án: a.

Câu 732: Con người là thể thống nhất của các mặt cơ bản

a. Sinh học

b. Tâm lý

c. Xã hội

d. Phẩm chất đạo đức

\* Đáp án: a, c

Câu 733\*: Câu nói sau của Ph.Ăngghen: “Nhà nước là yếu tố tùy thuộc, còn xã hội công dân tức là lĩnh vực những quan hệ kinh tế, là yếu tố quyết định”, được nêu trong tác phẩm:

a. Lutvich Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức

b. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước

c. Chống Duyrinh

d. Biện chứng của tự nhiên

\* Đáp án: a.

Câu 734: Lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử là:

a. Nhân dân

b. Quần chúng nhân dân

c. Vĩ nhân, lãnh tụ

d. Các nhà khoa học

\* Đáp án: b.

Câu 735: Hạt nhân cơ bản của quần chúng nhân dân là:

a. Các giai cấp, tầng lớp thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

b. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất

c. Những người chống lại giai cấp thống trị phản động

d. Những người nghèo khổ

\* Đáp án: b.

Câu 736\*: Cơ sở lý luận nền tảng của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng ta là:

a. Học thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp của triết học Mác-Lênin

b. Phép biện chứng duy vật

c. Học thuyết về hình thái kinh tế – xã hội

d. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

\* Đáp án: c.

Câu 737: Nền tảng của quan hệ giữa cá nhân và xã hội:

a. Quan hệ chính trị

b. Quan hệ lợi ích

c. Quan hệ pháp quyền

d. Quan hệ đạo đức

\* Đáp án: b.

Câu 738: Các yếu tố cơ bản tạo thành cấu trúc của một hình thái kinh tế – xã hội:

a. Lực lượng sản xuất.

b. Quan hệ sản xuất

c. Quan hệ xã hội

d. Kiến trúc thượng tầng

\* Đáp án: a, b, d.

Câu 739: Vai trò của mặt xã hội trong con người:

a. Là tiền đề tồn tại của con người

b. Cải tạo nâng cao mặt sinh vật

- c. Quyết định bản chất con người  
d. Phân biệt sự khác nhau căn bản giữa người với động vật  
\* Đáp án: b, c, d.

Câu 740: Kiến trúc thượng tầng chịu sự quyết định của cơ sở hạ tầng theo cách:

- a. Chủ động  
b. Thụ động  
\* Đáp án: a.

Câu 741\*: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay cần:

- a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
b. Dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước  
c. Xây dựng hệ thống luật pháp hoàn chỉnh và phân lập rõ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.  
d. Đưa luật pháp vào cuộc sống  
\* Đáp án: a, b.

Câu 742: Tư tưởng về hai giai đoạn của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa được C.Mác và Ph.Ăngghen trình bày rõ ràng trong tác phẩm nào:

- a. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản  
b. Hệ tư tưởng Đức  
c. Phê phán cương lĩnh Gôta  
d. Luận cương về Phoiơbắc  
\* Đáp án: c.

Câu 743\*: Theo quan điểm mácxít thì mọi xung đột trong lịch sử xét đến cùng đều bắt nguồn từ:

- a. Mâu thuẫn về lợi ích giữa những tập đoàn người, giữa các cá nhân  
b. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  
c. Mâu thuẫn về hệ tư tưởng  
d. Mâu thuẫn giai cấp  
\* Đáp án: b.

Câu 744\*: Theo C.Mác và Ph.Ăngghen thì quá trình thay thế các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất phụ thuộc vào:

- a. Trình độ của công cụ sản xuất  
b. Trình độ kỹ thuật sản xuất

- c. Trình độ phân công lao động xã hội  
d. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất  
\* Đáp án: c.

Câu 745: Trong cách mạng vô sản, nội dung nào xét đến cùng đóng vai trò quyết định:

- a. Kinh tế  
b. Chính trị  
c. Văn hoá  
d. Tư tưởng  
\* Đáp án: a.

Câu 746: Quan niệm nào về sản xuất vật chất sau đây là đúng:

- a. Sản xuất vật chất là quá trình con người tác động vào tự nhiên làm biến đổi tự nhiên  
b. Sản xuất vật chất là quá trình tạo ra của cải vật chất  
c. Sản xuất vật chất là quá trình sản xuất xã hội  
d. Sản xuất vật chất là quá trình tạo ra tư liệu sản xuất  
\* Đáp án: b.

Câu 747\*: Hiểu vấn đề “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta như thế nào là đúng:

- a. Là sự “phát triển rút ngắn” và “bỏ qua” việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa  
b. Là “bỏ qua” sự phát triển lực lượng sản xuất  
c. Là sự phát triển tuần tự  
d. Cả a, b và c  
\* Đáp án: a

Câu 748. Cuộc cách mạng vô sản, về cơ bản khác các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử

- a. Thủ tiêu sự thống trị của giai cấp thống trị phản động  
b. Thủ tiêu sở hữu tư nhân nói chung  
c. Thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất  
d. Thủ tiêu nhà nước tư sản  
\* Đáp án : c.

Câu 749\* Tư tưởng về giải phóng nhân loại được C.Mác đề xuất vào năm nào, trong tác phẩm nào?

- a. Năm 1844 trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844”

- b. Năm 1843 trong tác phẩm “Bản thảo góp phần phê phán kinh tế -chính trị học”
- c. Năm 1843 trong tác phẩm: ”Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen”
- d. Luận cương về Phoio**ả**c

\* Đáp án: a.

Câu 750: Cá nhân là sản phẩm của xã hội theo nghĩa:

- a. Mỗi cá nhân ra đời, tồn tại trong những mối quan hệ xã hội nhất định
- b. Xã hội là môi trường, điều kiện, phương tiện để phát triển cá nhân
- c. Xã hội quy định nhu cầu, phương hướng phát triển của cá nhân
- d. Cá nhân là một con người trong xã hội

\* Đáp án: a,b,c.

Câu 751: Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là:

- a. Kiểu tổ chức tự quản của nhân dân lao động
- b. Một hình thức nhà nước
- c. Cơ quan quyền lực công cộng
- d. Kiểu tổ chức tự quản của giai cấp vô sản

\* Đáp án: b.

Câu 752: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

- a. Nhiều thành phần xã hội đan xen tồn tại
- b. Lực lượng sản xuất chưa phát triển
- c. Năng xuất lao động thấp
- d. Từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến quá độ lên CNXH không qua chế độ tư bản chủ nghĩa

\* Đáp án : d.

Câu 753\* Tiêu chí cơ bản để đánh giá tiến bộ xã hội:

- a. Sự phát triển đồng bộ của kinh tế chính trị, văn hoá và xã hội
- b. Sự phát triển của sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần
- c. Sự phát triển toàn diện con người
- d. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

\* Đáp án: c.

Câu 754: Điều kiện dân số- một yếu tố của tồn tại xã hội được xem xét trên các mặt nào?

- a. Số lượng và chất lượng dân số
- b. Cả a và c

c. Mật độ phân bố, tốc độ tăng dân số

d. Đặc điểm dân số

\* Đáp án : b.

Câu 755\*: Quốc gia nào sau đây trong lịch sử đã từng phát triển bỏ qua một vài hình thái kinh tế- xã hội?

- a. Nga và Ucraina
- b. Hoa Kỳ, Ôttrâyliya và Việt Nam
- c. Việt Nam và Nga
- d. Đức và Italia

\* Đáp án: b.

Câu 756. Vai trò của ý thức cá nhân đối với ý thức xã hội:

- a. Ý thức cá nhân là phương thức tồn tại và biểu hiện của ý thức xã hội
- b. Tổng số ý thức cá nhân bằng ý thức xã hội
- c. Ý thức cá nhân độc lập với ý thức xã hội
- d. Ý thức cá nhân quyết định ý thức xã hội

\* Đáp án: a.

Câu 757: Căn cứ để lý giải một hiện tượng ý thức cụ thể:

- a. Quan điểm của (cá nhân, tầng lớp, giai cấp) với tư cách là chủ thể của hiện tượng ý thức ấy
- b. Tồn tại xã hội cụ thể làm nảy sinh hiện tượng ý thức cụ thể cần lý giải
- c. Cả a và b.
- d. Hệ ý thức của giai cấp

\* Đáp án: b.

Câu 758. Theo quy luật, nhà nước là công cụ của giai cấp mạnh nhất, đó là

- a. Giai cấp đông đảo nhất trong xã hội
- b. Giai cấp thống trị về kinh tế
- c. Giai cấp tiến bộ đại diện cho xã hội tương lai
- d. Giai cấp thống trị về chính trị

\* Đáp án: b.

Câu 759\*. Để có chủ nghĩa xã hội thì: “Phải phát triển dân chủ đến cùng, tìm ra những hình thức của sự phát triển ấy, đem thí nghiệm những hình thức ấy trong thực tiễn”. Luận điểm đó của Lênin được viết trong tác phẩm:

- a. Sáng kiến vĩ đại
- b. Nhà nước và cách mạng



c. Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô viết

d. Bút ký triết học

\* Đáp án: b.

Câu 760: Vấn đề xét đến cùng chi phối sự vận động, phát triển của một giai cấp là:

a. Hệ tư tưởng

b. Đường lối tổ chức

c. Lợi ích cơ bản

d. Đường lối chính trị của giai cấp thống trị

\* Đáp án: c.

Câu 761\*. Một giai cấp không phải bao giờ cũng là một tập đoàn người đồng nhất về mọi phương diện, mà trong đó thường phân ra các nhóm, là do:

a. Những lợi ích cụ thể khác nhau, ngành nghề điều kiện làm việc khác nhau, sinh hoạt khác nhau.

b. Ngành nghề điều kiện làm việc khác nhau, sinh hoạt khác nhau, sở thích khác nhau

c. Sinh hoạt khác nhau, lợi ích và sở thích khác nhau

d. Sở thích khác nhau, điều kiện làm việc khác nhau

\* Đáp án: a.

Câu 762. Thực chất của lịch sử xã hội loài người là:

a. Lịch sử đấu tranh giai cấp

b. Lịch sử của văn hoá

c. Lịch sử của sản xuất vật chất

d. Lịch sử của tôn giáo

\* Đáp án: c.

Câu 763. Giai cấp thống trị về kinh tế trong xã hội trở thành giai cấp thống trị về chính trị, là nhờ:

a. Hệ thống luật pháp

b. Nhà nước

c. Hệ tư tưởng

d. Vị thế chính trị

\* Đáp án: b.

Câu 764\*: Ý thức lý luận ra đời từ:

a. Sự phát triển cao của ý thức xã hội thông thường

b. Sản phẩm tư duy của các nhà lý luận, các nhà khoa học

c. Sự khái quát tổng kết từ kinh nghiệm của ý thức xã hội thông thường

d. Thực tế xã hội

Đáp án: c.

Câu 765: Bộ máy cai trị của nhà nước bao gồm:

a. Lực lượng vũ trang chuyên nghiệp và hệ thống luật pháp

b. Bộ máy hành chính và hệ thống pháp luật của nó

c. Lực lượng vũ trang chuyên nghiệp và bộ máy hành chính

d. Quân đội, cảnh sát, toà án

\* Đáp án: c.

Câu 766: Tính chất không đều của tiến bộ xã hội thể hiện:

a. Giữa các bộ phận cấu thành xã hội, giữa các quốc gia dân tộc, giữa các vùng trên thế giới.

b. Giữa các quốc gia dân tộc, giữa các giai cấp trong xã hội, giữa các vùng trên thế giới

c. Giữa các vùng trên thế giới, giữa các giai cấp trong xã hội, giữa các quốc gia dân tộc

d. Giữa các giai cấp trong xã hội, giữa các vùng trên thế giới, giữa các bộ phận cấu thành xã hội

\* Đáp án: a.

Câu 767: Ý thức xã hội không phụ thuộc vào tồn tại xã hội một cách thụ động mà có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội, đó là sự thể hiện:

a. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

b. Tính hướng định của ý thức xã hội.

c. Cả a và b.

d. Tính vượt trước của ý thức xã hội.

\* Đáp án: a.

Câu 768: Để đi đến diệt vong hoàn toàn thì Nhà nước vô sản phải hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vĩ đại của mình là:

a. Hoàn thiện chế độ dân chủ.

b. Xoá bỏ hoàn toàn giai cấp.

c. Xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa.

d. Thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

\* Đáp án: c.

Câu 769: Yếu tố nào sau đây tác động đến cơ sở hạ tầng một cách gián tiếp:

- a. Đảng chính trị, viện triết học
  - b. Viện triết học, tổ chức tôn giáo
  - c. Chính phủ, tổ chức tôn giáo
  - d. Tổ chức tôn giáo, Đảng chính trị
- \* Đáp án: b.

Câu 770: Lợi ích cơ bản của một giai cấp được biểu hiện rõ nét ở mặt nào sau đây:

- a. Chính trị.
  - b. Đạo đức.
  - c. Lối sống.
  - d. Văn hoá.
- \* Đáp án a.

Câu 771: Đặc điểm của ý thức xã hội thông thường.

- a. Có tính chỉnh thể, hệ thống và rất phong phú sinh động.
  - b. Phản ánh trực tiếp đời sống hàng ngày và rất phong phú sinh động.
  - c. Rất phong phú sinh động và có tính chỉnh thể, hệ thống.
  - d. Phản ánh gián tiếp hiện thực và rất phong phú sinh động.
- \* Đáp án: b.

Câu 772: Đặc điểm của quy luật xã hội:

- a. Quy luật xã hội là một hình thức biểu hiện của quy luật tự nhiên.
  - b. Cả a và c.
  - c. Quy luật xã hội mang tính khuynh hướng và về cơ bản nó biểu hiện mối quan hệ lợi ích giữa các tập đoàn người.
  - d. Quy luật xã hội là quy luật đặc thù
- \* Đáp án: c.

Câu 773: Chỉ rõ quan điểm sai về đấu tranh giai cấp sau đây:

- a. Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của các tập đoàn người có quan điểm trái ngược nhau.
  - b. Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của những tập đoàn người có lợi ích căn bản đối lập nhau.
  - c. Đấu tranh giai cấp là động lực trực tiếp của lịch sử các xã hội có giai cấp
  - d. Cả b và c
- \* Đáp án: a.

Câu 774: Tiêu chí cơ bản để đánh giá giai cấp cách mạng:

- a. Nghèo nhất trong xã hội.
  - b. Bị thống trị bóc lột.
  - c. Có khả năng giải phóng lực lượng sản xuất bị kìm hãm trong phương thức sản xuất cũ lạc hậu.
  - d. Có tinh thần cách mạng
- \* Đáp án: c.

Câu 775: Vai trò của yếu tố dân tộc trong cuộc đấu tranh giai cấp:

- a. Dân tộc là địa bàn diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp.
  - b. Đấu tranh dân tộc quyết định xu hướng của đấu tranh giai cấp.
  - c. Dân tộc là cơ sở, là nguồn tạo nên sức mạnh giai cấp.
  - d. Cả a và c.
- \* Đáp án: d .

Câu 776: C.Mác nói về việc phê phán tôn giáo là để loài người vứt bỏ “ những xiềng xích, những bông hoa tưởng tượng” trong tác phẩm nào sau đây.

- a. Tư bản.
  - b. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê ghen( lời nói đầu)
  - c. Luận cương về Phoiơbắc
  - d. Hệ tư tưởng Đức
- Đáp án: b.

Câu 777: Đặc trưng phản ánh của nghệ thuật:

- a. Nghệ thuật phản ánh hiện thực bằng ngôn ngữ nghệ thuật.
  - b. Nghệ thuật phản ánh hiện thực một cách chỉnh thể.
  - c. Nghệ thuật phản ánh hiện thực bằng hình tượng nghệ thuật.
  - d. Nghệ thuật phản ánh hiện thực một cách trực tiếp
- \* Đáp án: c.

Câu 778: Để có thể làm chủ đối với hoàn cảnh, con người cần có các khả năng:

- a. Tự ý thức, tự giáo dục, tự điều chỉnh.
- b. Tự giáo dục, tự điều chỉnh, tự hoàn chỉnh mình
- c. Tự điều chỉnh, tự ý thức, tự hoàn chỉnh mình.
- d. Tự hoàn chỉnh mình, tự ý thức, tự giáo dục

\* Đáp án: a.

Câu 779: Đặc trưng phản ánh của khoa học?

- a. Khoa học phản ánh hiện thực bằng hệ thống phạm trù, quy luật của mình.
- b. Khoa học phản ánh hiện thực bằng tư duy trừu tượng.
- c. Khoa học phản ánh hiện thực bằng tổng kết kinh nghiệm.
- d. Khoa học phản ánh hiện thực bằng tư duy trừu tượng, khái quát.

\* Đáp án: a.

Câu 780: Tính chất chung của khoa học?

- a. Tính hệ thống, tính có căn cứ và tính quy luật
- b. Tính chính trị, giai cấp, tính hệ thống và tính có căn cứ.
- c. Tính đối tượng và tính khách quan, tính hệ thống và tính có căn cứ.
- d. Tính quy luật, tính chính trị, giai cấp

\* Đáp án: c.

Câu 781: Bản chất của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại là gì?

- a. Tạo ra bước nhảy vọt về chất trong quá trình sản xuất vật chất.
- b. Cải biến về chất các lực lượng sản xuất hiện có trên cơ sở biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- c. Tạo ra nền kinh tế tri thức.
- d. Tạo ra năng suất lao động cao

\* Đáp án: b.

Câu 782: Chính trị là:

- a. Mối quan hệ giữa các tầng lớp trong xã hội.
- b. Mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc.
- c. Mối quan hệ giữa các giai cấp.
- d. Mối quan hệ giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị

\* Đáp án: c

Câu 783: Nguồn gốc của ngôn ngữ:

- a. Tự nhiên.
- b. Lao động.
- c. Nhu cầu trao đổi, gián tiếp.
- d. Đấng siêu nhiên, thần thánh

\* Đáp án: b.

Câu 784\*: Tác phẩm Lút vích Phoi - ơ - bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức được Ph. Ăng ghen viết vào năm:

- a. 1886.
- b. 1885.
- c. 1887.
- d. 1884

\* Đáp án: a.

Câu 785: Thời đại” Đồ sắt” tương ứng với hình thái kinh tế – xã hội:

- a. Cộng sản nguyên thủy.
- b. Chiếm hữu nô lệ.
- c. Phong kiến.
- d. Tư bản chủ nghĩa

\* Đáp án: c.

Câu 786: Những quan điểm tư tưởng mà không gắn với các thiết chế tương ứng thì thuộc phạm trù nào dưới đây:

- a. Ý thức giai cấp.
- b. Ý thức xã hội.
- c. Ý thức cá nhân.
- d. Ý thức tập thể

\* Đáp án: c.

Câu 787: Các phạm trù nào sau đây thuộc lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội?

- a. Giai cấp, đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, Nhà nước.
- b. Đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học.
- c. Quan hệ xã hội, quan hệ sản xuất, quan hệ thẩm mỹ.
- d. Quan hệ kinh tế

\* Đáp án: a.

Câu 788: Quan hệ sản xuất là:

- a. Quan hệ giữa người và người về kinh tế – kỹ thuật.
- b. Quan hệ giữa người và người trong sản xuất, trao đổi sản phẩm.
- c. Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của quá trình sản xuất vật chất.
- d. Quan hệ giữa người và người trong tổ chức quản lý sản xuất

\* Đáp án: c

Câu 789: Xét đến cùng, vai trò của cách mạng xã hội là:

- a. Phá bỏ xã hội cũ lạc hậu.
- b. Giải phóng lực lượng sản xuất.
- c. Đưa giai cấp tiến bộ lên địa vị thống trị.
- d. Lật đổ chính quyền của giai cấp thống trị

\* Đáp án: b

Câu 790: Cá nhân theo C. Mác là “ thực thể xã hội” theo nghĩa:

- a. Cá nhân đồng nhất với xã hội.
- b. Cá nhân sáng tạo xã hội.
- c. Cá nhân tồn tại đơn nhất, hiện thực là sản phẩm của xã hội.
- d. Cá nhân tồn tại độc lập với xã hội

\* Đáp án: c

Câu 791: Ý thức chính trị thực tiễn thông thường được nảy sinh:

- a. Từ hoạt động thực tiễn trong môi trường chính trị - xã hội trực tiếp.
- b. Từ hoạt động đấu tranh giai cấp.
- c. Từ hoạt động Nhà nước.
- d. Từ hoạt động kinh tế – chính trị

\* Đáp án: a.

Câu 792: Đặc trưng của ý thức chính trị:

- a. Thái độ đối với đấu tranh giai cấp.
- b. Thể hiện lợi ích giai cấp một cách trực tiếp.
- c. Thể hiện quan điểm về quyền lực.
- d. Thái độ chính trị của các đảng phái, tổ chức chính trị

\* Đáp án: b.

Câu 793: Bản chất hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa?

- a. Là ý thức chính trị của toàn xã hội.
- b. Là ý thức chính trị của nhân dân lao động.
- c. Là ý thức chính trị của giai cấp công nhân.
- d. Là ý thức chính trị của dân tộc

\* Đáp án: c.

Câu 794: Nguồn gốc của đạo đức:

- a. Bắt nguồn từ tôn giáo.

- b. Bắt nguồn từ thực tiễn xã hội.
- c. Bắt nguồn từ bản năng sinh tồn.
- d. Bắt nguồn từ đời sống tinh thần

\* Đáp án: b.

Câu 795: Các yếu tố cơ bản cấu thành đạo đức?

- a. Ý thức đạo đức.
- b. Quan hệ đạo đức và thực hiện đạo đức.
- c. Tri thức đạo đức.
- d. Tình cảm đạo đức.

\* Đáp án: a, b.

Câu 796\*: Cốt hiến quan trọng nhất của triết học Mác về bản chất con người:

- a. Vạch ra bản chất con người là chủ thể sáng tạo lịch sử.
- b. Vạch ra vai trò của quan hệ xã hội trong việc hình thành bản chất con người.
- c. Vạch ra hai mặt cơ bản tạo thành bản chất con người là cái sinh vật và cái xã hội.
- d. Vạch ra bản chất con người vừa là sản phẩm của hoàn cảnh, vừa là chủ thể của hoàn cảnh

\* Đáp án: b.

Câu 797: Hạt nhân của nhân cách là gì?

- a. “ Cái tôi” cá nhân
- b. Cá tính.
- c. Thế giới quan cá nhân.
- d. Tự ý thức

\* Đáp án: c.

Câu 798: Trong tư tưởng truyền thống Việt Nam, vấn đề nào về con người được quan tâm nhiều nhất?

- a. Vấn đề bản chất con người.
- b. Vấn đề đạo lý làm người.
- c. Vấn đề quan hệ giữa linh hồn và thể xác.
- d. Vấn đề bản chất cuộc sống

\* Đáp án : b

Câu 799: Thuật ngữ “Quan hệ sản xuất” lúc đầu được C.Mác gọi là:

- a. Quan hệ lao động.
- b. Quan hệ xã hội.
- c. Quan hệ giao tiếp.
- d. Hình thức giao tiếp.

\* Đáp án: c.

Câu 800: Các quan hệ cơ bản quy định địa vị của giai cấp thường là do:

- a. “ Cha truyền con nối”.
- b. Pháp luật quy định và thừa nhận.
- c. Thành một cách tự nhiên.
- d. Định mệnh

\* Đáp án : b.

Câu 801: “ Sợi dây xuyên suốt toàn bộ lịch sử nhân loại” theo C Mác là:

- a. Lực lượng sản xuất.
- b. Quan hệ sản xuất.
- c. Đấu tranh giai cấp
- d. Phương thức sản xuất

\* Đáp án: a.

Câu 802: Việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật và lịch sử, C.Mác đã bước đầu đặt cơ sở lý luận cho:

- a. Kinh tế chính trị học.
- b. Chủ nghĩa cộng sản khoa học.
- c. Đạo đức học.
- d. Chủ nghĩa xã hội khoa học

\* Đáp án: b.

Câu 803: Cái quy định hành vi lịch sử đầu tiên và cũng là động lực thúc đẩy con người hoạt động trong suốt lịch sử của mình là:

- a. Mục tiêu, lý tưởng.
- b. Khát vọng quyền lực về kinh tế, chính trị.
- c. Nhu cầu và lợi ích.
- d. Lý tưởng sống

\* Đáp án: c

Câu 804: Điểm xuất phát để con người đặt ra mục đích của mình là gì?

- a. Nhu cầu và lợi ích.
- b. Điều kiện khách quan.
- c. Năng lực của họ.
- d. Hoàn cảnh sống

\* Đáp án: b.

Câu 805: Ý nghĩa của phạm trù hình thái kinh tế – xã hội?

- a. Đem lại sự hiểu biết toàn diện về mọi xã hội trong lịch sử.
- b. Đem lại sự hiểu biết đầy đủ về một xã hội cụ thể.

c. Đem lại những nguyên tắc phương pháp luận xuất phát để nghiên cứu xã hội.

d. Đem lại một phương pháp tiếp cận xã hội mới.

\* Đáp án : c.

Câu 806\* : Công lao phát hiện ra vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp gắn với tên tuổi:

- a. Các nhà sử học Pháp.
- b. Các nhà kinh tế chính trị học Anh.
- c. C Mác và Ph. Ăng ghen.
- d. Các nhà tư tưởng tư sản

Đáp án : a.

Câu 807: Cơ sở để xác định các giai cấp theo quan điểm của triết học Mác – Lênin?

- a. Quan hệ sản xuất.
- b. Lực lượng sản xuất.
- c. Phương thức sản xuất.
- d. Cơ sở hạ tầng.

\* Đáp án: c.

Câu 808: Nguyên nhân tính lạc hậu của ý thức xã hội?

- a. Do ý thức xã hội không phản ánh kịp sự phát triển của cuộc sống.
- b. Do sức ỳ của tâm lý xã hội.
- c. Do đấu tranh tư tưởng giữa các giai cấp.
- d. Do tính bảo thủ của ý thức xã hội

\* Đáp án: a, b.

Câu 809: Tôn giáo có các nguồn gốc là:

- a. Nguồn gốc xã hội.
- b. Nguồn gốc tâm lý
- c. Nguồn gốc giai cấp
- d. Nguồn gốc nhận thức.

\* Đáp án : a, b, d.

Câu 810: Đặc trưng chủ yếu của ý thức tôn giáo?

- a. Sự phản kháng đối với bất công xã hội.
- b. Niềm tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên thần thánh.
- c. Khát vọng được giải thoát.
- d. Phản ánh không đúng hiện thực khách quan

\* Đáp án : b.

Câu 811: Cách mạng khoa học kỹ thuật đã và đang trải qua:

- a. 2 giai đoạn.
- b. 3 giai đoạn

- c. 4 giai đoạn
- d. Nhiều giai đoạn

\* Đáp án: b.

Câu 812\* : Kết luận sau của Ph. Ăng ghen: “ Tất cả các cuộc đấu tranh chính trị đều là đấu tranh giai cấp” được viết trong tác phẩm nào?

- a. Lút vích Phoi ơ bắc và sự cáo chung của triết học Cổ điển Đức.
- b. Chống Duy - Rinh.
- c. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh.
- d. Biện chứng của tự nhiên

\* Đáp án: a.

Câu 813: Kết cấu giai cấp trong xã hội có giai cấp thường gồm:

- a. Các giai cấp cơ bản.
- b. Các giai cấp cơ bản và các giai cấp không cơ bản.
- c. Các giai cấp cơ bản, các giai cấp không cơ bản và tầng lớp trung gian.
- d. Các giai cấp đối kháng

\* Đáp án : c

Câu 814: Tính chất của lực lượng sản xuất là :

- a. Tính chất hiện đại và tính chất cá nhân
- b. Tính chất cá nhân và tính chất xã hội hoá.
- c. Tính chất xã hội hoá và tính chất hiện đại.
- d. Tính chất xã hội và tính chất hiện đại

\* Đáp án : b.

Câu 815: Ý thức pháp quyền là toàn bộ những quan điểm, tư tưởng và thái độ của một giai cấp về:

- a. Bản chất và vai trò của pháp luật.
- b. Tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi của con người.
- c. Về quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi thành viên trong xã hội.
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án : d.

Câu 816 : Những giá trị phổ biến nhất của ý thức đạo đức là những giá trị:

- a. Mang tính dân tộc
- b. Mang tính nhân loại
- c. Mang tính giai cấp
- d. Mang tính xã hội

\* Đáp án : b.

Câu 817\* : Định nghĩa kinh điển về tôn giáo của Ph. Ăng ghen:” Bất cứ tôn giáo nào cũng chỉ là sự phản

ánh hư ảo vào đầu óc con người ta sức mạnh ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh mà trong đó những sức mạnh ở trên thế gian đã mang sức mạnh siêu thế gian” được viết trong tác phẩm nào ?

- a. Chống Duy-Rinh
- b. Biện chứng của tự nhiên
- c. Những bức thư duy vật lịch sử
- d. Biện chứng của tự nhiên

\* Đáp án: a

Câu 818: Yêu cầu cơ bản của tính khoa học khi xem xét lịch sử xã hội là:

- a. Phải mô tả được lịch sử xã hội cụ thể
- b. Phải nghiên cứu các quá trình hiện thực, các quy luật chi phối sự vận động phát triển của lịch sử xã hội
- c. Phải tìm ra tính phức tạp của quá trình lịch sử.
- d. Phải mang tính hệ thống

\* Đáp án: b

Câu 819\* Quá trình phát triển của cách mạng xã hội là quá trình:

- a. Liên minh giữa các giai cấp
- b. Kết hợp biện chứng giữa các điều kiện kinh tế, chính trị.xã hội
- c. Kết hợp biện chứng giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan
- d. Liên minh giữa giai cấp với dân tộc

\* Đáp án: c

Câu 820 : Đặc điểm nổi bật của tâm lý xã hội là :

- a. Phản ánh khái quát đời sống xã hội
- b. Phản ánh trực tiếp điều kiện sinh sống hàng ngày, phản ánh bề mặt của tồn tại xã hội
- c. Phản ánh bản chất của tồn tại xã hội
- d. Phản ánh tình cảm, tâm trạng của một cộng đồng người

\* Đáp án: b.

Câu 821 : Những sai lầm thiếu sót của các nhà xã hội học trước Mác về tiêu chuẩn của tiến bộ xã hội là :

- a. Giới hạn tiến bộ xã hội trong phạm vi xã hội tư bản và trình độ phát triển của tinh thần
- b. Xem xét con người là tiêu chuẩn tổng hợp và trình độ phát triển của đạo đức

c. Trình độ phát triển của tinh thần và trình độ phát triển của đạo đức

d. Trình độ phát triển của đạo đức và giới hạn tiến bộ xã hội trong phạm vi xã hội tư bản

\* Đáp án: a

Câu 822: Điều kiện cơ bản để ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội.

a. Ý thức xã hội phải phù hợp với tồn tại xã hội

b. Hoạt động thực tiễn của con người

c. Điều kiện vật chất bảo đảm

d. Ý thức xã hội phải “vượt trước” tồn tại xã hội

\* Đáp án : b.

âu 823: Trong xã hội có giai cấp, ý thức xã hội mang tính giai cấp là do:

a. Sự truyền bá tư tưởng của giai cấp thống trị.

b. Các giai cấp có quan niệm khác nhau về giá trị.

c. Điều kiện sinh hoạt vật chất, địa vị và lợi ích của các giai cấp khác nhau.

\* Đáp án: c.

Câu 824 \*: Các tính chất nào sau đây biểu hiện tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

a. Tính lạc hậu.

b. Tính lệ thuộc.

c. Tính tích cực sáng tạo.

d. Cả a và c

\* Đáp án: d.

Câu 825: Tính chất đối kháng của kiến trúc thượng tầng là do nguyên nhân:

a. Khác nhau về quan điểm tư tưởng.

b. Từ tính đối kháng của cơ sở hạ tầng.

c. Tranh giành quyền lực.

d. Cả a và b

\* Đáp án : b.

Câu 826\*: Những nhu cầu nào sau đây là nhu cầu tất yếu khách quan của con người?

a. Nhu cầu ăn, mặc, ở.

b. Nhu cầu tái sản xuất xã hội.

c. Nhu cầu tình cảm.

d. Cả a, b và c.

Đáp án: d.

Câu 827\* : Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất:

a. Là mục đích tự thân của chủ nghĩa xã hội.

b. Là kết quả của trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất.

c. Là mục tiêu của lý tưởng cộng sản.

d. Cả a và c

\* Đáp án: b

Câu 828 \*: Muốn nhận thức bản chất con người nói chung thì phải:

a. Thông qua tồn tại xã hội của con người.

b. Thông qua phẩm chất và năng lực của con người,

c. Thông qua các quan hệ xã hội hiện thực của con người.

d. Cả a và b

\* Đáp án: c.

Câu 829: Bản chất chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa là:

a. Đa hình thức sở hữu.

b. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

c. Sở hữu hỗn hợp.

d. Cả c và c

\* Đáp án: b.

Câu 830: Mối quan hệ giữa lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị của xã hội được khái quát trong quy luật nào?

a. Quy luật và mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

b. Quy luật đấu tranh giai cấp.

c. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.

d. Cả a, b và c

\* Đáp án: a.

Câu 831: Quan hệ nào sau đây giữ vai trò chi phối trong các quan hệ thuộc lĩnh vực xã hội:

a. Quan hệ gia đình.

b. Quan hệ giai cấp.

c. Quan hệ dân tộc.

d. Cả a và b

\* Đáp án: b.

Câu 832 \* : Tiêu chí cơ bản đánh giá phẩm chất của mỗi cá nhân?

a. Thái độ hành vi đạo đức của cá nhân.

b. Địa vị xã hội của cá nhân.

c. Sự thực hiện khả năng làm chủ đối với hoàn cảnh và hành động thực tiễn của cá nhân.

d. Cả a, b và c

\* Đáp án : c.

Câu 833: Cơ sở khách quan, chủ yếu của đạo đức là:

a. Sự thỏa thuận và lợi ích.

b. Sự công bằng về lợi ích trong điều kiện lịch sử cụ thể.

c. Mục tiêu lý tưởng, lẽ sống của cá nhân.

d. Cả a và b

\* Đáp án: b.

Câu 834: Vị trí vai trò của nghệ thuật trong ý thức thẩm mỹ?

- a. Nghệ thuật là một hình thức biểu hiện của ý thức thẩm mỹ.
- b. Nghệ thuật là bản chất của ý thức thẩm mỹ.
- c. Nghệ thuật là hình thức biểu hiện cao nhất của ý thức thẩm mỹ.
- d. Cả a và b

\* Đáp án: c.

Câu 835: Nguồn gốc xét đến cùng của nghệ thuật:

- a. Từ quan niệm về cái đẹp trong cuộc sống.
- b. Từ tôn giáo.
- c. Từ lao động sản xuất.
- d. Từ chế độ chính trị

Đáp án: c.

Câu 836 \*: Tính đảng của nghệ thuật là sự thể hiện:

- a. Tính chính trị của nghệ thuật.
- b. Tính khuynh hướng của nghệ thuật.
- c. Tính hiện thực của nghệ thuật
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án: b.

Câu 837: Tiêu chí cơ bản để phân biệt sự khác nhau giữa các dân tộc?

- a. Địa bàn cư trú của dân tộc.
- b. trình độ phát triển của dân tộc.
- c. Bản sắc văn hoá của dân tộc.
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án: c.

Câu 838\*: Đặc trưng riêng của chức năng điều chỉnh hành vi của đạo đức?

- a. Bằng dư luận xã hội.
- b. Bằng sự tự giác của chủ thể.
- c. Bằng quy tắc, chuẩn mực.
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án : b.

Câu 839: Trong lịch sử xã hội, chế độ nào sau đây ra đời đầu tiên?

- a. Mẫu quyền.
- b. Phụ quyền.
- c. Đồng thời
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án: a.

Câu 840: Sự kiện nổi bật của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội chiếm hữu nô lệ ở phương Tây:

- a. Cuộc chiến giữa hai thành bang Aten và Spác.
- b. Khởi nghĩa của Xpác – ta quyết.
- c. Maxêđoan lên ngôi Hoàng đế.
- d. Cả a và b

\* Đáp án: b.

Câu 841 \*: Vai trò của “cái xã hội” đối với “cái sinh vật” của con người?

- a. Xã hội hoá cái sinh vật, làm mất tính sinh vật.
- b. Xã hội hoá cái sinh vật, làm cho cái sinh vật có tính xã hội.
- c. Tạo môi trường cho cái sinh vật phát triển để thích ứng với yêu cầu của xã hội.
- d. Cả b và c

\* Đáp án: d.

Câu 842: Cơ sở của Nhà nước phong kiến:

- a. Nhà nước phong kiến được xây dựng trên cơ sở độc tài.
- b. Nhà nước phong kiến được xây dựng trên cơ sở “cha truyền con nối”.
- c. Nhà nước phong kiến được xây dựng trên cơ sở chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ quý tộc.
- d. Cả a và b

\* Đáp án: c.

Câu 843: Quan hệ xuất phát làm cơ sở cho các quan hệ khác trong gia đình là:

- a. Quan hệ cha mẹ với con cái.
- b. Quan hệ anh em ruột.
- c. Quan hệ vợ chồng.
- d. Quan hệ huyết thống

\* Đáp án: c.

Câu 844 \*: Trong thời đại ngày nay, thực chất của vấn đề dân tộc là:

- a. Kinh tế.
- b. Chính trị.
- c. Tôn giáo.
- d. Văn hoá

\* Đáp án: b.

Câu 845: Sự ra đời của giai cấp trong lịch sử có ý nghĩa:

- a. Là một sai lầm của lịch sử.
- b. Là bước thụt lùi của lịch sử.
- c. Là một bước tiến của lịch sử.
- d. Cả a và b.

\* Đáp án: c.



Câu 846: Trong các hình thái ý thức xã hội sau hình thái ý thức xã hội nào tác động đến kinh tế một cách trực tiếp:

- a. Ý thức đạo đức.
- b. Ý thức chính trị
- c. Ý thức pháp quyền.
- d. Ý thức thẩm mỹ.

\* Đáp án: b

Câu 847: Dưới góc độ tính chất phản ánh thì hệ tư tưởng được phân chia thành.

- a. 2 loại.
- b. 3 loại.
- c. 4 loại.
- d. 5 loại

\* Đáp án: a.

Câu 848\* : Tiến bộ xã hội là:

- a. Một quá trình tự động.
- b. Một quá trình thông qua hoạt động của đông đảo người trong xã hội.
- c. Một quá trình phức tạp đầy mâu thuẫn.

\* Đáp án: b, c.

Câu 849: Khoa học khác với tôn giáo trên các mặt nào sau đây?

- a. Về cơ sở phản ánh hiện thực.
- b. Về tính chất của phản ánh hiện thực.
- c. Về nguồn gốc phát sinh.

\* Đáp án: a, b.

Câu 850: Cấu trúc của ý thức đạo đức bao gồm:

- a. Hệ giá trị đạo đức, tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức, lý tưởng đạo đức.
- b. Các quan hệ đạo đức.
- c. Các hành vi đạo đức.

\* Đáp án: a.

Câu 851: Nền tảng vật chất của hình thái kinh tế – xã hội là:

- a. Tư liệu sản xuất.
- b. Phương thức sản xuất.
- c. Lực lượng sản xuất.
- d. Cả a và b

\* Đáp án: c.

Câu 852\* : Chế độ công hữu theo quan điểm biện chứng của C Mác là sự phủ định của phủ định, nghĩa là:

- a. Xoá bỏ chế độ tư hữu nói chung.
- b. Xoá bỏ chế độ tư hữu và sở hữu cá nhân nói chung.
- c. Sự thống nhất giữa sở hữu xã hội với sở hữu cá nhân.
- d. Cả a và b

\*Đáp án: c.

Câu 853: Quan điểm mác - xít về bạo lực cách mạng:

- a. Là cái sẵn sinh ra xã hội mới.
- b. Là công cụ phương tiện để cho xã hội mới ra đời.
- c. Là cái tàn phá xã hội.
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án: b.

Câu 854: Theo quan điểm của Đảng ta thì động lực chủ yếu nhất của sự phát triển đất nước hiện nay là:

- a. Khoa học – kỹ thuật.
- b. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- c. Liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- d. Đại đoàn kết toàn dân tộc

\* Đáp án: d

Câu 855\*: Loại hình giá trị nào xuất hiện sớm nhất trong lịch sử:

- a. Giá trị hàng hoá.
- b. Giá trị truyền thống dân tộc.
- c. Giá trị đạo đức.
- d. Cùng xuất hiện

\* Đáp án: c.

Câu 856: Trong các hình thức đấu tranh giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hình thức nào là cơ bản nhất?

- a. Kinh tế.
- b. Chính trị.
- c. Văn hoá tư tưởng.
- d. Quân sự.

\* Đáp án: a.

Câu 857: Cá nhân là một hiện tượng có tính lịch sử được hiểu theo nghĩa nào sau đây là đúng?

- a. Cá nhân là sản phẩm của toàn bộ tiến trình lịch sử.
- b. Cá nhân là chủ thể sáng tạo lịch sử.
- c. Các thời đại lịch sử khác nhau thì có các kiểu cá nhân khác nhau.

d. Cả a và b

\* Đáp án: c.

Câu 858: Lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội về cơ bản là thống nhất trong xã hội nào?

- a. Xã hội phong kiến
- b. Xã hội tư bản.
- c. Xã hội xã hội chủ nghĩa.
- d. Xã hội cộng sản chủ nghĩa.

\* Đáp án: c.

Câu 859: Các hình thức của quan hệ giai cấp trong xã hội có giai cấp:

- a. Liên minh giai cấp.
- b. Kết hợp giai cấp.
- c. Đấu tranh giai cấp.
- d. Cả a và c

\* Đáp án: d.

Câu 860: Thị tộc xuất hiện vào thời kỳ:

- a. Đồ đá cũ.
- b. Đồ đá mới.
- c. Đồ đồng.
- d. Đồ sắt

\* Đáp án: a.

Câu 861: Muốn cho cách mạng xã hội nổ ra và giành thắng lợi, ngoài tình thế cách mạng thì cần phải có:

- a. Nhân tố chủ quan.
- b. Sự chín muồi của nhân tố chủ quan và sự kết hợp đúng đắn nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan.
- c. Tính tích cực và sự giác ngộ của quần chúng
- d. Sự khủng hoảng xã hội

\* Đáp án: b.

Câu 862: Kiểu tiến bộ xã hội nào sau đây là kiểu tiến bộ xã hội không đối kháng?

- a. Kiểu tiến bộ xã hội cộng sản nguyên thủy.
- b. Kiểu tiến bộ xã hội chủ nghĩa.
- c. Kiểu tiến bộ xã hội tư bản chủ nghĩa.
- d. Cả a và b

\* Đáp án: d.

Câu 863: Điều kiện để chuyển hoá nhận thức đạo đức thành hành vi đạo đức:

- a. Quan hệ đạo đức.
- b. Tình cảm, niềm tin đạo đức.
- c. Tri thức đạo đức.

đC a, b và c

\* Đáp án: b.

Câu 864: Những hình thức nào sau đây thể hiện sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc?

- a. Chiến tranh.
- b. Trao đổi hàng hoá.
- c. Trao đổi văn hoá, khoa học.
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án: d.

Câu 865\*: Nguyên nhân làm cho quá trình chung của lịch sử nhân loại có tính đa dạng là:

- a. Điều kiện địa lý.
- b. Chủng tộc, sắc tộc.
- c. Truyền thống văn hoá của các dân tộc.
- d. Cả a và c

\* Đáp án: d.

Câu 866: Cuộc cách mạng xã hội thứ 2 trong lịch sử đã thực hiện bước chuyển xã hội từ:

- a. Hình thái kinh tế – xã hội chiếm hữu nô lệ lên hình thái kinh tế – xã hội phong kiến.
- b. Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến lên hình thái kinh tế - xã hội tư bản tư bản chủ nghĩa.
- c. Hình thái kinh tế – xã hội tư bản lên hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa
- d. Cả a, b và c

\* Đáp án: a

Câu 867\*: Phương pháp luận... “giải thích sự hình thành tư tưởng căn cứ vào hiện thực vật chất” được C.Mác và Ph.Ăngghen viết trong tác phẩm nào?

- a. Gia đình thần thánh
- b. Hệ tư tưởng Đức
- c. Những bức thư duy vật lịch sử
- d. Những nguyên lý của Chủ nghĩa cộng sản

\* Đáp án: b

Câu 868\*: Mối quan hệ giữa mặt khách quan và mặt chủ quan của tiến trình lịch sử nhân loại đã được C.Mác đặt ra và giải quyết bằng những cặp phạm trù nào sau đây:

- a. Hoạt động tự giác và hoạt động tự phát trong sự phát triển lịch sử
- b. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tất yếu và tự do, điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan

c. Cả a và b

d. Cá nhân và xã hội; dân tộc và nhân loại

\*Đáp án: c